

đánh bại những thứ văn hóa phản dân tộc, phản khoa học, phản quân chung.

Chẳng những thế, những hoạt động văn hóa - xã hội mà Pháp tung ra thực ra chỉ là những trò hề, giả dối, không thể che đậy được tình trạng thảm hại về giáo dục và y tế - là những lĩnh vực cốt lõi của đời sống văn hóa - xã hội.

2. Giáo dục

Các con số thống kê cho thấy, có hiện tượng là số học sinh niên khoá 1943-1944 tăng vọt lên so với niên khoá 1940-1941, từ 7.164 trường và 524.927 học sinh¹ tăng lên 13.154 trường và 715.164 học sinh². Ngân sách dành cho giáo dục tăng từ 15 triệu đồng năm 1940, chiếm 7,7% ngân sách lên 29 triệu, chiếm 8,3% ngân sách năm 1944³. Tháng 2-1942, Chính phủ Pháp ký cả nghị định trợ cấp cho những trường tư đã khai giảng được ít nhất là 2 năm.

Tuy nhiên, theo những số liệu thống kê chi tiết thì phần lớn trong số trường có ở Đông Dương là trường hương học, với số lượng gần bằng số trường tiểu học trong niên khoá 1940-1941 là 3.143 trường và tăng lên gấp 3 lần vào niên khoá 1943-1944 với 9.070 trường⁴. Tiền chi cho giáo dục vì vậy cũng phần lớn là do dân tự đóng góp, ngân sách của Chính phủ Đông Dương chi cho giáo dục rất hạn chế. Chẳng hạn năm 1943, chính phủ thuộc địa chi chi 748.000 đồng cho trường học⁵ và theo thống kê của Nha Bình dân học vụ Việt Nam năm 1951 thì ở Việt Nam trước Cách mạng

-
1. J. Gauthier, *L'Indochine au travail dans la paix française*, Paris, 1947, tr. 35.
 2. *Annuaire statistique de L'Union française d'Outre mer 1939-1946*, tr. D-39.
 3. J. Gauthier, Sđd, tr. 36 và *Annuaire statistique de L'Union française d'Outre mer 1939-1946*, tr. K 90- 92.
 4. J. Gauthier, Sđd, tr. 35 và *Annuaire statistique de L'Union française d'Outre mer 1939-1946*, tr. D-39.
 5. *Témoignages...*, Sđd, tr. 2-4 bis.

tháng Tám, trong 100 người dân chỉ có “*3 trẻ em từ 8 đến 16 tuổi được đi học và 2 người lớn biết chữ còn 95% thất học*”¹.

Theo bình luận của các tác giả lúc bấy giờ, việc tổ chức ra các hương trường không gây tôn kém cho ngân sách nhà nước lại là một liều thuốc “dẹp yên” dư luận công chúng. Trên thực tế, chất lượng của những trường này không cao bởi “*chỉ có một giáo viên sống cõm cõi khổ sở với đồng lương tháng trung bình là 25 đồng nhưng phải điều khiển cả một trường gồm 6 lớp*”. Số trường tiểu học theo đúng nghĩa chỉ là 4.058 trong niên khóa 1940-1941 và 4.137 trong niên khóa 1941-1942. Trong niên khóa 1941-1942, để điều khiển 510 trường tiểu học 6 lớp và 3.627 trường sơ đẳng 3 lớp tổng cộng 13.941 lớp, người ta dùng 7.281 giáo viên, tức là mỗi giáo viên phải điều khiển 2 lớp².

Đối với bậc cao đẳng tiểu học và trung học thì cứ trên 100.000 dân mới có 25 học trò ở hệ cao đẳng tiểu học (0,025%) và 5 học trò ở hệ trung học (0,005%)³.

Để cho thanh niên Việt Nam được “*bình đẳng*” về bằng cấp với thanh niên Pháp, Trường Cao đẳng Đông Dương được đổi thành Trường Đại học Đông Dương dù chất lượng giảng dạy thì vẫn thế và cho đến niên khóa 1941-1942, cả Đông Dương cũng mới chỉ có 3 trường gọi là đại học ở Hà Nội, với tổng số sinh viên là 834, gồm 345 sinh viên Trường Luật, 282 sinh viên Trường Y dược, 207 sinh viên Trường Khoa học. Trong tổng số sinh viên, chỉ có 628 là người Việt Nam⁴.

Bậc Cao đẳng cũng chỉ có 4 trường, với tổng số học sinh là 201 cho toàn Đông Dương gồm, Trường Cao đẳng Mỹ thuật (66 sinh

1. Dẫn theo: Trần Huy Liệu..., *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*, tập 9, quyển 2, Sđd, tr. 37.

2, 3. *Annuaire statistique de l'Indochine 1941-1942*, tr. 33.

4. Nguyễn Trọng Hoàng, "Chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 96, 1967, tr. 19.

viên); Trường Nông - Lâm (59 sinh viên); Trường Thú y (14 sinh viên); Lớp chuyên môn cán sự (62 sinh viên)¹.

So với số dân Đông Dương vào năm 1941-1942 (được ước tính khoảng 20,6 triệu), tỷ lệ người có trình độ đại học và cao đẳng chỉ là 0,0038%, tức là 38 sinh viên/1 triệu dân². Hơn nữa, bậc học này không nhằm đào tạo ra các nhà khoa học mà chỉ đào tạo ra những viên chức phụ trợ (fonctionnaires auxiliaires).

Cả Đông Dương có 3 thư viện nhưng chỉ những người có bằng cao đẳng tiêu học mới được vào đọc vì số ghế rất hạn chế.

3. Y tế - sức khỏe

Trong giai đoạn này, đầu tư cho y tế tăng lên đôi chút trong một vài năm so với giai đoạn trước. Năm 1939: 11.325.000 đồng; năm 1940: 11.699.000 đồng; năm 1941: 12.141.000 đồng; năm 1942: 13.344.000 đồng; năm 1943: 16.457.000 đồng³. Tuy nhiên, những khoản chi này chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong ngân sách thuộc địa. Năm 1942, trong khi chính phủ thuộc địa chỉ chi 11% ngân sách cho việc đàn áp phong trào cách mạng Việt Nam thì chỉ chi 5% cho các hoạt động y tế⁴ và năm 1943, khoản tiền chi cho y tế cũng chỉ chiếm 6% Ngân sách liên bang⁵.

Số các cơ sở y tế của Đông Dương tăng nhẹ trong những năm này, từ 871 năm 1939 tăng lên 909 năm 1942 và 900 năm 1943⁶. Tuy nhiên, số nhân viên y tế lại giảm dần và giảm đột ngột từ năm 1943, nhất là đối với những nhân viên y tế người bản xứ. Năm

-
1. *Annuaire statistique de l'Indochine*, tập 10, 1941-1942, Hà Nội, IDEO, 1945, tr. 35-36.
 2. Nguyễn Trọng Hoàng, "Chính sách giáo dục của thực dân Pháp"..., Tcdđ, tr. 20.
 3. 6. *Annuaire statistique de l'Indochine*, vol 11, 1943-1946, Sài Gòn, 1948, tr. 276.
 4. Trần Huy Liệu, Văn Tạo, *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*, tập 9, quyển 2, Sđd, tr. 45.
 5. *Annuaire statistique de l'Union française d'Outre mer 1939-1946*, tr. K 90-92.

1939, cộng cả hai loại nhân viên y tế người Âu và người bản xứ là 749 (150 người Âu và 599 người bản xứ) thì năm 1943 chỉ còn 499 người (141 người Âu và 358 người bản xứ)¹, tức là giảm tổng cộng 250 người, trong đó có 241 người bản xứ.

Năm 1943, Việt Nam chỉ có 92 bác sĩ Pháp và 171 bác sĩ, y sĩ, dược sĩ người Việt làm việc trong các nhà thương công², tính ra cứ 77.000 người dân Việt Nam mới có một thầy thuốc công. Số người được đi khám bệnh không mấy tăng, vẫn ở khoảng trên 5 triệu. Cũng như vậy đối với số lượt người đi khám bệnh, luôn trong khoảng 12 đến 13 triệu từ năm 1936 đến năm 1942, thậm chí còn giảm xuống chỉ còn hơn 11 triệu vào năm 1943³. Những người được chữa bệnh là nhà giàu, thị dân cao cấp, còn người nghèo thì họ không được hưởng loại dịch vụ này.

Số người được tiêm chủng các loại bệnh truyền nhiễm giảm đi đáng kể. Từ 5,5 triệu ca được tiêm chủng chống dịch tả năm 1938 rơi xuống chỉ còn 299.000 ca năm 1939, rồi 422.000 năm 1940, 67.000 năm 1941, 463 năm 1942 và tăng lên đôi chút năm 1943 với 1.930.000 ca⁴. Vì vậy, các loại bệnh dịch đậu mùa, tả... vẫn tiếp tục hoành hành. Năm 1942 có 4.315 ca bị đậu mùa thì có 114 người bị chết. Năm 1943, số ca bị đậu mùa tăng lên đến 5.060, trong đó có 1.129 người bị chết⁵.

Cả Bắc Kỳ mới có 46 nhà hộ sinh, vì vậy, phần lớn phụ nữ không được trợ giúp y tế khi sinh.

Khi tình trạng y tế còn như vậy, chính phủ thuộc địa không những không làm gì để giảm thiểu những tiêu cực trong xã hội, trái lại, vì lợi nhuận nên chúng vẫn duy trì và khuyến khích những tệ nạn nghiện hút, rượu chè và đĩ điếm.

1. *Annuaire statistique de l'Indochine*, tập 11, 1943-1946, Sài Gòn, 1948, tr. 276.
2. *Annuaire statistique de l'Union française d'Outre mer* 1939-1946, tr. C-63.
- 3, 4. *Annuaire statistique de l'Indochine*, tập 11, 1943-1946, tr. 276.
5. *Annuaire statistique de l'Indochine*, tập 11, 1943-1946, tr. 275.

Số thuốc phiện nhập vào giảm đi, chính phủ thuộc địa buộc các tỉnh Trung và Thượng du Bắc Kỳ phải trông đê bù vào số thiếu hụt, đảm bảo nguồn thu của ngân sách thuộc địa. Chính phủ thuộc địa cũng ra lệnh cấm rượu từ năm 1940, nhưng chỉ là cấm đối với người Âu, còn người bản xứ vẫn phải tiêu thụ rượu để tăng thu thuế gián thu cho Nha Thương chính. Cờ bạc, nguyễn nhân của sự nghèo đói và nhiều cái chết thảm thương, cũng không bị chính phủ thuộc địa cấm đoán, ngược lại còn công khai cho phép để thu thuế môn bài. Cũng như vậy đối với các tệ nạn gái điếm, mại dâm, cô đầu, nhà thổ vì chúng đem lại nguồn thu về thuế cho ngân sách nên chính phủ thuộc địa cho mặc sức lan tràn. Bệnh hoa liễu đã trở thành vấn nạn xã hội nghiêm trọng không được khắc phục.

IV. CÁC GIAI CÁP XÃ HỘI TRƯỚC NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA THỜI CUỘC

Tình hình chính trị trong nước và quốc tế, chính sách kinh tế, văn hóa - xã hội của phát xít Nhật - Pháp đã tác động mạnh đến xã hội thuộc địa. Chiến tranh càng lan rộng, sự cướp đoạt, bóc lột về kinh tế càng ráo riết, những "*cải cách*" về chính trị, hành chính, các hoạt động văn hóa - xã hội của cả hai tên phát xít càng tinh vi, xảo quyệt và ở chiều ngược lại, phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản càng lên cao thì sự phân hóa đó càng trở nên quyết liệt, theo những chiều hướng chính trị khác nhau có lợi cho cách mạng.

1. Nông dân

Nông dân là bộ phận dân cư bị tổn thương nhiều nhất trong chiến tranh, chịu tác động trực tiếp của chính sách "*kinh tế thời chiến*", "*kinh tế chi huy*", của việc tăng các loại thuế thân, thuế ruộng cùng chính sách thâu孥 đồng tiền của Pháp - Nhật. Tác giả Nghiêm Xuân Yêm nhận xét:

"Trái hơn nửa thế kỷ Pháp thuộc, nhất là từ bốn năm gần đây, dân quê đã bị hy sinh, bị bóc lột. Hột gạo họ năm nắng mười sương mới kiếm được, sắp để kề miệng ăn lại phải bầm bụng nhịn đói đem

dâng kẻ khác. Lụa, vải họ dệt được mà vợ con họ vẫn mình trần chịu rét. Đầu muối họ làm được mà ngày ngày họ hớp cháo cám nhạt, và đêm đêm họ sống tối tăm trong những túp lều không có một tia sáng. Có lẽ trải qua các giai đoạn trong lịch sử, chưa hồi nào nông dân bị hy sinh bằng hồi này”¹.

Phạm Gia Kính cũng viết trên *Thanh Nghị*, số 114, ngày 23/6/1945 như sau:

“Những năm đói kém như mấy năm gần đây... các tiểu nông hầu đi đến cái khổ tuyệt đối rồi. Ruộng nương, nhà cửa, trâu bò, phải bán đứt hay bán đợt, lúa phải bán non, đồ đạc phải cầm cố, nợ chồng, nợ chất! Lúc thèn đói dòm vào khe cửa thì còn thiết gì, còn nghĩ gì, còn có gì đáng giá thì bán không thì đi vay, sống thế thôi; nay kỳ hạn đã đến, ruộng nương, nhà cửa, thóc lúa, trâu bò phải giao cho chủ nợ, tiền bạc phải kiềm chác để chồng cho chủ nợ...”.

Đang phải chịu một vụ rét hại (dưới 10°C) cuối năm 1944 đầu năm 1945, nạn đói ập đến, người nông dân không cơm ăn, áo mặc chiếm phần tuyệt đại đa số trong số 2 triệu người chết đói năm 1945. Họ chủ yếu là những người nông dân của các tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ mà nhiều nhất thuộc về các tỉnh Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương - những nơi sản xuất nhiều lúa gạo - đối tượng của chính sách thu “thóc tạ” và “nhỏ lúa trồng day, gai..” của Pháp - Nhật.

Tờ *Thanh Nghị*, số 110, ngày 25/5/1945 cho biết:

“Riêng một làng Thương Cẩm, thuộc phủ Thái Ninh, tỉnh Thái Bình năm ngoái có 900 suất đình thì đến hôm 29/5 năm nay chết cả chi còn 400 và tính cả nam, phụ, lão, ấu thì trong làng ngót 4.000 người chết đói mất 2.000 người”.

Theo thống kê, số người chết đói ở tỉnh Nam Định là 212.218 người, ở Hà Nam là 50.398 người, Ninh Bình là 37.939 người² và

1. *Thanh Nghị*, số 109, tháng 5/1945.

2. Phòng Thông tin Hà Nam Ninh, *Lịch sử Hà Nam Ninh*, tập 1, 1988, tr. 345.

Thái Bình là 280.000 người¹. Tổng cộng, số người chết đói của 4 tỉnh trên là 580.547².

Không chỉ là những người phải chịu hy sinh nhiều nhất về “sức *của*” cho chiến tranh của Pháp - Nhật, hàng vạn con em nông dân Việt Nam còn bị “động viên” sang làm bia đỡ đạn trên chiến trường châu Âu, châu Phi hay làm việc như những người lính trong các công binh xưởng bên chính quốc. Còn ở Việt Nam, đến năm 1945, tổng số binh lính bản xứ đã lên tới khoảng 9 vạn, trong đó 0,5 vạn là lính khô đό, 2,5 vạn là lính khô xanh, tăng gấp 3 lần so với lúc bình thường³. Hàng nghìn thanh niên khác bị lừa tham gia vào các tổ chức thân Nhật, đi lính cho Nhật, làm bia đỡ đạn cho lính Nhật.

Bị đẩy tới bước đường cùng bởi tội ác dã man của phát xít Pháp - Nhật, lại đã trải qua 15 năm đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phần lớn nông dân Việt Nam không tin vào những luận điệu tuyên truyền của Pháp - Nhật, trái lại đã hăng hái tham gia Mặt trận Việt Minh, chống Pháp, đuổi Nhật và liên minh với giai cấp công nhân trở thành lực lượng cơ bản của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, góp phần quan trọng vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. Nhiều thanh niên do kém hiểu biết, chưa được giác ngộ cách mạng nên đã bị lôi kéo vào các hoạt động văn hoá - xã hội do Pháp và Nhật tung ra, hoặc tham gia hoạt động của các tổ chức chính trị, tôn giáo thân Pháp và thân Nhật. Thế nhưng, nhờ sự vận động, tuyên truyền của Đảng, khi cao trào khởi nghĩa tháng Tám bùng lên, những người thanh niên nông dân này đã kịp tỉnh ngộ, chạy về với Mặt trận Việt Minh đánh Pháp, đuổi Nhật. Cũng như vậy, do săn có tinh thần yêu nước, lòng dũng cảm, xả thân vì độc lập dân tộc, lại sớm trở thành đối tượng trong chính sách vận động cách mạng của Đảng ta nên những người lính nông dân trong hàng ngũ địch đã nhanh chóng trở thành lực lượng quan

1, 2. Văn Tạo - Furuta Motoo, *Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam...*, Sđd, tr. 19.

3. Trần Huy Liệu, Nguyễn Khắc Đạm, *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng Việt Nam*, tập 9, quyển 2, Sđd, tr. 146.

trọng trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Từ khi chiến tranh nổ ra, không chỉ tham gia vào những cuộc đấu tranh mang tính tự phát (như hưởng ứng cuộc nổi dậy đánh Pháp của Việt Nam phục quốc đồng minh hội - một tổ chức thân Nhật của người Việt Nam ở Trung Quốc do Cường Đे cầm đầu, vào tháng 9 năm 1940, khi Nhật vào Đông Dương hay tổ chức cuộc Bình biến Đô Lương (Chợ Rạng, Nghệ An ngày 13/1/1941 do Đội Cung chỉ huy), họ còn tham gia vào những cuộc khởi nghĩa do những người cộng sản lãnh đạo, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11/1940) và sau này là cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945...

2. Công nhân

Trong chiến tranh, do sản xuất trong nhiều ngành công nghiệp, nhiều cơ sở công nghiệp, nhiều ngành kinh tế có sử dụng công nhân bị đình trệ nên số lượng công nhân bị giảm sút nghiêm trọng, nhất là đối với công nhân xí nghiệp.

Riêng ngành mỏ, so với năm 1940, số công nhân mỏ giảm đi một nửa vào năm 1944 và chỉ còn 1/12 vào năm 1945¹, từ 49.000 (1940) xuống 25.000 (1944) và cuối cùng là 4.000 (1945)².

Các nhà máy kính, máy chai, máy xi măng, các nhà máy dệt... phải đóng cửa do sản phẩm không tiêu thụ được, do thiếu nguyên liệu cho sản xuất và cũng do bom Mỹ tàn phá. Nhiều công nhân trong các ngành này đã bị mất việc làm. Trong ngành đồn điền, tình trạng tiêu điêu của các đồn điền đã cho thấy phần nào tình cảnh của công nhân tại khu vực này.

Về chế độ làm việc thì Sắc lệnh ngày 30/12/1936 quy định số giờ làm việc cho công nhân là 8 giờ từ tháng 1/1939 trở đi, nhưng

1. Trần Huy Liệu..., *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng Việt Nam*, tập 9, quyển 2, Sđd, tr. 159.

2. Trần Huy Liệu..., *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng Việt Nam*, tập 9, quyển 2, Sđd, tr. 158.

tới tận cuối năm 1942, Sở Thanh tra lao động vẫn còn phải nhắc nhở giới chủ về việc này vì quy định đó đã không được thực hiện¹. Hơn nữa, nhân cơ hội thiêu việc làm, giới chủ bắt bí công nhân, bớt tiền lương, đánh đập, đuổi việc, bắt phạt những người “thắc mắc”, đấu tranh...

Lương thực tế của công nhân giảm đi do chỉ số giá sinh hoạt của công nhân tăng lên vùn vụt. Bảng thống kê về chỉ số giá sinh hoạt (lấy năm 1925 làm cơ sở) ở trên cho thấy đối với công nhân, chỉ số đó đã từ 140 năm 1940 tăng lên 2.866 năm 1945, tức là tăng lên đến 24 lần và ở Sài Gòn từ 128 năm 1940 tăng lên 506 năm 1945, tức là tăng đến 4 lần trong mấy năm đó. Ở Hà Nội, năm 1939, lương tháng của một công nhân tương đương 105kg gạo thì đến năm 1942 chỉ còn được 32,5kg. Không những thế, do thiêu hàng hóa, đặc biệt là gạo nên việc cung cấp cho những người làm phu ở Hà Nội đã bị giảm đi.

Tình cảnh của công nhân được phản ánh đầy trên báo chí lúc bấy giờ. Báo *Ngọn cờ giải phóng* viết:

“Tháng 12 năm 1943 là vụ thu thóc đầu tiên của giặc Pháp. Chỉ vài tháng sau vụ thu thóc này là đời sống thuyền chiu ảnh hưởng sâu sắc ngay. Nạn thu thóc lại đẻ ra nạn độc quyền và đầu cơ. Giấy bạc lại in ra bừa bãi hơn nữa. Lương lậu của thuyền chiu tăng mà giá sinh hoạt tăng gấp mấy chục lần. Phần lớn anh em thuyền chiu đã phải bừa cháo bừa cơm; đồng lương cao hạ bấy giờ không còn được chú ý bằng “bông gạo, bông vải”. Không những chỉ cần gạo mà thôi, các thứ đồ dùng đều thiêuoblin, mà là những thứ chí cần. Phần đông hết sức rách rưới, chỉ có một bộ quần áo, còn sự ăn mặc của vợ con thì đừng nói đến... Mỗi khi còi tầm, nếu ai để ý nhìn lú người ở nhà máy đi ra thì thấy cả một cảnh thương tâm; những thân hình tiêu tui, mặt mũi tuy đen nhọ vẫn không giấu nổi nước da vàng vàng, xám xám và bì bì như sưng nước, biểu hiện sự đói cơm; quần áo không những đụp vá nhiều

1. Trung Bắc chủ nhật số 126, ngày 6/9/1942.

chỗ, nhiều màu mà còn để lộ cả da thịt là khác. Lũ người ấy bước đi một cách uể oải, hầu như mất hết sinh lực và buồn thiu thiu”¹.

Nhiều công nhân đã phải trở về quê để nhập vào đội quân nông dân đói rét và trong số 2 triệu người chết đói kia, hẳn là có nhiều người là công nhân hay đã từng là công nhân tại các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ, đồn điền của Pháp và Nhật.

Báo *Ngọn cờ giải phóng* cũng viết:

“... Nạn đói rách là một động cơ đẩy thợ thuyền quyết tâm tranh đấu nếu có các điều kiện khác nữa. Trái lại, khi nạn đói rách sâu sắc quá làm cho đời sống của quần chúng hầu như ngắc ngoài thì nó lại cản trở rất lớn cho phong trào đấu tranh của quần chúng”².

Tuy nhiên, trên thực tế, trước và trong Cách mạng tháng Tám, mặc dù bị kẻ thù đàn áp khốc liệt nhưng phong trào công nhân nhiều nơi vẫn diễn ra với những hình thức tổ chức phong phú, đối lại với những tổ chức công nhân do Pháp và các lực lượng thân Nhật, thân Pháp tổ chức ra. Công nhân vẫn là lực lượng tiên phong trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và giữ vai trò quyết định trong thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

3. Tiêu tư sản, trí thức

Tiêu tư sản - trí thức là lực lượng khá đông đảo, gồm các công chức, những tri thức tự do, những tiểu chủ, những thợ thủ công... Nhưng, dù là ai và sống ở đâu, họ cũng đều bị tác động mạnh bởi chiến tranh, tình trạng đắt đỏ, thiếu thốn, đói rách.

Tầng lớp công chức là những người hưởng lương của ngân sách các loại, có số lượng được ước tính vào khoảng 5 vạn người vào năm 1945³. Với lương tháng cố định, họ có đời sống ổn định hơn so với những người lao động khác trong xã hội thuộc địa. Nhưng,

1, 2. *Ngọn cờ giải phóng*, Hà Nội, 1955, tr. 198.

3. Trần Huy Liệu..., *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*, tập 9, quyển 2, Sđd, tr. 125.

trong chiến tranh, lương của họ dù được tăng cũng không theo kịp sự tăng lên của giá sinh hoạt. Hơn thế, chế độ tem phiếu mà họ được hưởng ngày càng không cung cấp đủ những mặt hàng thiết yếu cho họ như gạo, dầu, vải, xà phòng... Ví dụ, năm 1940, lương của một thư ký là 456 đồng/năm trong khi gạo là 10 đồng/tạ, nhưng năm 1945, lương của người này tăng lên gấp 2,2 lần là 1.026 đồng/năm, nhưng gạo lại tăng lên 5,3 lần theo giá chính thức và từ 70 đến 80 lần theo giá chợ đen¹. Chi số giá sinh hoạt đổi với tầng lớp được gọi là trung lưu này đã từ 100 năm 1939 tăng lên 1.760, tức là tăng lên 17,6 lần vào năm 1945²...

Trong số những người này, chỉ một số lợi dụng chế độ tem phiếu để làm lợi bất chính trên sự đắt đỏ, khan hiếm của người dân là đủ sống thậm chí còn giàu lên.

Tầng lớp trí thức tự do gồm giáo viên trường tư, những nhà văn, nhà báo, luật sư, học sinh, sinh viên... mà theo Vũ Đình Hòe thì vào năm 1944, chỉ riêng những người sống bằng nghề viết văn Việt Nam đã là 1.000 người và số dạy học tư khoảng 3.000 người³. Những người này hầu hết đều là nạn nhân của tình trạng mất việc làm do báo chí bị đóng cửa, giá giấy tăng cao, sách báo in ra không có người mua vì đắt. Tờ *Thanh Nghị* viết:

*“Thần chết với lưỡi liềm ác nghiệt như đang chờ sẵn trước ngưỡng cửa các nhà báo hàng ngày, hàng tuần và các nhà xuất bản, nhà văn để gieo rắc vào đó sự khủng bố và đe dọa cuộc sống của họ, trong từng giây, từng phút”*⁴.

“Ai cũng công nhận rằng trong xã hội hiện tại, hầu hết những người viết văn, cầm bút, những người làm việc lao tâm đều ở trong

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 31.

2. Trần Huy Liệu..., *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*, tập 9, quyển 2, Sđd, tr. 127.

3. *Thanh Nghị*, số 91, ngày 11/11/1944.

4. *Tri tân*, số 83, ngày 18/2/1943.

một tình cảnh rất thiếu thốn về vật chất. Địa vị của họ thật không xứng đáng với công phu, tài năng của họ”¹ do:

“... 1. Công việc xuất bản nhiều nỗi khó khăn, lại thêm đình trệ; 2. Việc buôn bán của các đại lý ở miền trong bị thua thiệt; 3. Các bạn yêu chuộng văn chương không có sách đọc; 4. Các nhà văn với tác phẩm không in được cũng bị ảnh hưởng về sinh kế”².

Đối với các tiểu chủ, chiến tranh đã tạo ra một dịp để họ có điều kiện mở rộng phạm vi sản xuất trong các ngành chế tạo thủ công làm cho có những nghề trước bị tiêu diệt nay được phục hồi, có những nghề mới được ra đời. Tuy vậy, lại cũng có những nghề rất quan trọng, chiếm số lượng lớn như thủ công đã bị giảm sút do thiếu nguyên liệu. Tiểu chủ bị thua lỗ, thợ thủ công mất việc làm. Đã thế, vì “kinh tế chỉ huy”, chính phủ quản lý cả “đầu vào” và “đầu ra” của một số ngành sản xuất, vừa cung cấp nguyên liệu cũng vừa chỉ huy luôn về giá cả do đó tiểu chủ không được tự do bán hàng theo giá thị trường bị thua lỗ nặng nề phải bỏ nghề. Chẳng hạn như năm 1943, ở ngoại thành Hà Nội có 300 nhà làm giấy, sang năm 1944 chỉ còn 200 trong đó chỉ có 50 nhà là có đủ nguyên liệu sản xuất thường xuyên³.

Lại như tầng lớp tiểu thương, vốn là những người có cuộc sống không đến nỗi khó khăn nay do hàng hoá khan hiếm, đắt đỏ, lại bị các tổ chức độc quyền và bọn gian thương lớn chèn ép nên không thể mua bán được gì, cuộc sống cũng chật vật, thiếu thốn.

Số phận của những người thợ thủ công⁴ cũng thật hẩm hiu vì họ chịu chung số phận với những tầng lớp lao động khác. Một số nghề

1. *Thanh Nghị*, số 89, ngày 28/10/1944.

2. *Thanh Nghị*, số 95, ngày 9/12/1944.

3. *Thanh Nghị*, số 86, ngày 7/10/1944.

4. Cho đến tháng 11-1941, riêng Bắc Kỳ đã có khoảng 400.000 gia đình làm nghề thủ công và khoảng 2 triệu người nhờ nghề thủ công mà đủ sống. Lotzer L.E, *Situation actuelle de l'artisanat indigène et suggestions en vue de son organisation*, Hà Nội, 1941.

thủ công vươn lên vị trí của tiểu công nghệ để sản xuất các sản phẩm thay thế như đã biết. Nhưng, nhiều nghề đã phải ngừng hoặc thu hẹp sản xuất vì nhiều lý do. Vì vậy, “*Những người thợ trước đây, từ kỹ nghệ trở về thủ công nghiệp thì nay lại từ thủ công nghiệp trở về với nông nghiệp hay phải tha phương, cầu thực vì bị bắt ra ngoài trường sinh sản*”¹. Trong vụ đói 1945 không thể không có những người thợ thủ công kiêm nông dân và đôi khi kiêm cả tiểu chủ đó.

Nói tóm lại, tất cả các tầng lớp tiểu tư sản, trí thức hạng vừa và nhỏ đều bị chiến tranh làm cho khốn khổ. Vì vậy, phần đông họ đều theo Đảng, trở thành một lực lượng quan trọng trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

4. Địa chủ

Trong chiến tranh, giai cấp địa chủ đã tăng lên về số lượng do một số tư sản thành thị, một số công chức cao cấp thừa tiền đã đổ về quê tạm ruộng để kinh doanh theo kiểu địa chủ truyền thống. Thảo Am, trên tờ *Thanh Nghị* đã viết:

“*Gần đây bởi có nhiều nguyên nhân gây ra vì ảnh hưởng chiến tranh, trong xứ mình mới nhóm lên phong trào “chạy về làm ruộng”. Các nhà tư bản, tiền thừa chật két, tìm ruộng tậu để đổi những tờ giấy bạc thành những bất động sản bền chặt lâu dài. Các đại diện chủ, từ trước đến nay vẫn hững hờ với nghề cày sâu cuốc bãm, bao nhiêu ruộng hằng giao phó cả cho quản lý, ngày nay thấy giá thóc cao lên vụn vụt nên trở lại đồn điền, sửa sang kho tàng, khai khẩn bãy bồi*”².

Số này đời sống khá giả và giàu lên do vẫn có nguồn thu nhập nhờ những nghề nghiệp khác lại vừa cho lĩnh canh ruộng đất với địa tô cao.

1. Thợ Hàn, Tạp chí *Công sản* số 3. Dẫn theo: Trần Huy Liệu..., *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*, tập 9, quyển 2, Sđd, tr. 166.

2. *Thanh Nghị*, số 104, 1945.

Một số đại địa chủ khác vẫn tiếp tục hùn vốn với các công ty nông nghiệp Pháp như trước đây, như Nguyễn Duy Hinh, Trần Văn Kem, Bùi Quang Chiêu, Hoàng Trọng Phu, Cao Văn Đạt... Số khác nữa vừa là đại địa chủ, vừa là đại điền chủ, lại kiêm việc kinh doanh trên cả các lĩnh vực khác như Vũ Văn An, Cao Văn Đạt, Nguyễn Hữu Tiệp, Bùi Huy Tín, Trương Văn Bền, Nguyễn Thị Năm... Những đại địa chủ này thuộc vào hạng giàu có ở thuộc địa, có quan hệ chặt chẽ với bộ máy chính quyền thực dân.

Theo bài viết: “*Điều tra một đòn điền lớn ở Thái Nguyên*” đăng trên *Thanh Nghị* 16/9/1944 của tác giả V. H thì chủ đòn điền Đồng Bẩm (tức Nguyễn Thị Năm) năm 1944 trừ mọi phí tổn đã thu được riêng về hoa lợi đòn điền là 5.500 đồng một tháng, trong khi đó thì cả gia đình một tá điền làm trên đòn điền này chỉ thu được 25 đồng một tháng. Điều đó có nghĩa là chủ điền này đã có thu nhập gấp hơn 200 lần tá điền của mình¹.

Trong giai cấp địa chủ còn một số khác là những địa chủ cường hào gian ác, tay sai cho bộ máy chính quyền thực dân - phong kiến ở làng xã kiểm được nhiều lợi lộc do vai trò trung gian trong việc thu “*thóc tạ*” của dân, rồi gian lận hoặc bót xén những thứ hàng được bán theo đầu người mà giàu lên.

Số đông các trung và tiểu địa chủ còn lại, nhất là các tiểu địa chủ cũng đã bị đẩy vào tình trạng khốn khổ như bao nông dân khác. Nạn thu *thóc tạ* đã làm cho họ điêu đứng. Theo điều tra của Vũ Đình Hòe, vào vụ tháng 5 năm 1945 thì một địa chủ ở Hoài Đức (Hà Đông) có 5 mẫu ruộng, mỗi mẫu thu được 7,5 tạ. Với mức tô 50%, địa chủ này thu về $3,75 \text{ tạ} \times 5 = 18,75 \text{ tạ}$. Với 5 mẫu, người này phải bán theo giá chính thức cho chính phủ $2,5 \text{ tạ} \times 5 = 12,5 \text{ tạ}$, được số tiền là $14,50 \text{ đồng} \times 12,5 \text{ tạ} = 175,25 \text{ đồng}$ (giá thóc các năm 1943, 1944). Số thóc còn lại vừa đủ dùng để ăn cho gia đình 5 người và số tiền $175,25 \text{ đồng}$ bán thóc cho chính phủ cũng vừa đủ để chi tiêu các khoản thiết dụng². Điều đó có nghĩa là đời sống của

1. *Thanh Nghị*, số 83, ngày 16/9/1944.

2. *Thanh Nghị*, số 110, ngày 26/5/1945.

một địa chủ nhỏ cũng không phải là sung túc gì cho lắm. Đó là ở huyện Hoài Đức. Còn như nếu là một địa chủ ở huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, nơi năng suất lúa chỉ bằng một nửa ở Hoài Đức (3,5 tạ/mẫu) thì người địa chủ nhỏ không có đủ thóc để nộp nên sau khi “bán” thóc tạ rồi chẳng còn gì để ăn.

Trong nạn đói năm 1945, nhiều tiểu địa chủ đã bị phá sản phải bỏ nhà ra đi và trong số những người chết đói hẳn là có không ít những người đã từng có “nhà ngói, cây mít”¹.

Vì điều đó, có thể nói chỉ trừ những đại địa chủ, những quan lại ở nông thôn có quan hệ về quyền lợi với các thế lực thực dân, phát xít là đối lập với cách mạng, còn nhiều địa chủ, nhất là những địa chủ nhỏ có cùng thân phận với những người dân lao động đã đi theo tiếng gọi của Mặt trận Việt Minh.

5. Tư sản

Tư sản Việt Nam vốn rất nhỏ bé, thấp kém nên trong chiến tranh, trừ những nhà tư sản lớn (thường kiêm địa chủ) có quan hệ kinh doanh, hùn vốn với các nhà tư bản, các công ty tư bản Pháp vẫn trụ được hoặc những bọn con buôn lớn, được Pháp - Nhật ưu ái cho có chân trong các liên đoàn thóc gạo hay có điều kiện đầu cơ tích trữ các loại hàng hoá thiết yếu khan hiếm như gạo, muối, diêm, vải, sắm lốp, xà phòng... là giàu lên. Theo David Marr:

“...Những kẻ tích trữ, đầu cơ đã thống trị nền kinh tế và thường liên kết với những viên chức tham nhũng ở khắp mọi cấp. Ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, một số đại địa chủ và thương nhân buôn bán gạo cố tình giữ lại số lượng lớn nguồn hàng (ghìm hàng) để thu những món lợi lớn. Một số chủ đồn điền Bắc Kỳ chuyển sang nấu rượu còn hơn là bán gạo với giá chính thức”².

-
1. Theo ý kiến của Trần Huy Liệu..., *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam*, tập 9, quyển 2, Sđd, tr. 107.
 2. René Bauchard, *Rafales sur l'Indochine*, Paris 1946, tr. 100-101. Dẫn theo: David Marr, Sđd, tr. 98.

Với những mánh lới này, địa chủ và thương nhân đã làm cho tình trạng thiếu thốn, đắt đỏ trở nên ngày càng trầm trọng, gây ra cái chết của hàng triệu con người. Một số khác cũng giàu lên là những nhà tư bản mang tiền từ thành phố về quê mua tậu ruộng đất để kinh doanh theo kiểu phong kiến, phát canh cho nông dân, thu địa tô cao.

Phần đông những nhà tư sản bản xứ, nhất là đối với những nhà tư sản vừa và nhỏ, do hàng hoá khan hiếm, giá cả đắt đỏ lại bị chính phủ thuộc địa kiểm soát gắt gao từ việc xuất, nhập khẩu đến tiêu thụ hàng hoá cùng với thuế lợi tức, thuế môn bài nặng nề nên bị phá sản hoặc phải thu hẹp kinh doanh¹.

Có những nhà sản xuất nhân lúc hàng ngoại không nhập vào Việt Nam được nữa đã mở rộng sản xuất hoặc đầu tư vào những nghề sản xuất các thể phẩm, chẳng hạn như chế tạo cơ khí, chế tạo một số sản phẩm thường dùng như: xà phòng, sợi vải, nấu rượu, sắm lốp xe đạp, đồ sắt... Tuy nhiên, số này không phải là nhiều và do bị tư bản Pháp, Hoa chèn ép cũng như bị chính phủ thuộc địa “chi huy” từ khâu cung cấp nguyên liệu đến khâu sản xuất và sử dụng sản phẩm nên việc kinh doanh, sản xuất cũng rất khó khăn và cũng nhanh chóng bị “dẹp”. Nhiều tư bản công nghiệp trở về địa vị của thợ thủ công, thậm chí trở về với thân phận của những người nông dân.

Địa vị kinh tế nhỏ bé khiến giai cấp tư sản luôn tỏ ra hèn kém về chính trị.

Cũng như đối với giai cấp địa chủ và các tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ, nhiều nhà tư sản vừa và nhỏ còn tinh thần yêu nước, chán ghét chế độ thực dân - phát xít đã đi theo cách mạng, ủng hộ đường lối cứu nước của Mặt trận Việt Minh. Thế nhưng, số khác không nhiều, cùng với tầng lớp quan lại và tầng lớp đại địa chủ làm thành một tầng lớp riêng gọi là thượng lưu - vừa có của vừa có quyền hành trong xã hội thuộc địa - đối tượng của chính sách

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, Sđd, tr. 30.

“hợp tác, cộng tác” của các thế lực thực dân, phát xít đã ngả nghiêng, chao đảo.

6. Tầng lớp thượng lưu và các tổ chức thân Pháp, Nhật

Tình hình chính trị thay đổi phức tạp, địa vị của phát xít Pháp - Nhật bị lung lay, phong trào cách mạng gặp nhiều khó khăn nhưng ngày một phát triển đã tác động mạnh tới tầng lớp thượng lưu này, làm cho nó ngày càng hoảng loạn, phân hóa. Một số tích cực ủng hộ Việt Minh và đi theo cách mạng. Một số yểm thé “mũ ni che tai” chờ thời, lui vào với những thú vui rượu cồn, cờ bạc, cô đầu nhà thổ. Nhưng một số khác tỏ thái độ chống đối cách mạng hẩn hoi, đi theo các phe phái phản động, hoặc vẫn thân Pháp, hoặc ngả theo Nhật, dựa vào các thế lực ngoại bang này để mưu lợi cả về kinh tế và chính trị. Báo Ngọn cờ giải phóng viết:

“Đồng bào tư sản, địa chủ và tiểu tư sản giàu trước kia còn có chỗ ăn, chỗ nói đôi chút thì nay tự cảm thấy bị gạt bỏ. Họ mất tin Pháp từ khi Pháp bại trận bao nhiêu thì ngày nay họ chán ghét chính sách chuyên chế của phát xít Pháp bấy nhiêu. Nên một phần họ đã ngả về phe cách mạng, một phần do dự, còn một số ít quay ra thân Nhật”¹.

Phái thân Pháp thì đã rõ là chính phủ Nam triều, các triều thần xung quanh Bảo Đại ở Trung Kỳ, nhóm các nghị viên Viện Dân biểu Bắc Kỳ cùng nhóm Lập hiến ở Nam Kỳ. Thành phần của phái này gồm toàn là những cựu quan lại, quan lại, đại địa chủ, đại tư sản, đại trí thức, vốn là “tín đồ” của chủ nghĩa “Pháp - Việt đế huề”. Tuy nhiên, sau sự kiện 9/3, các nhóm này rời rã. Bảo Đại trở cờ, quay ra thân Nhật. Ngày 6/3/1945, Bảo Đại còn ra Dự lập Nội các mới do Phạm Quỳnh giữ chức Thượng thư bộ Lại; Hồ Đắc Khải, bộ Hộ; Bùi Băng Đoàn, bộ Hình; Trần Thanh Đạt, bộ Học... Nhưng chỉ 5 ngày sau, ngày 11/3, khi Nhật tuyên bố “trao trả nền độc lập” cho Việt Nam, Bảo Đại phắt quên ngay Pháp, vội vàng ra “Tuyên cáo Việt Nam độc lập”. “Tuyên cáo” viết:

1. Ngọn cờ giải phóng, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1955, tr. 8.

“Cứ tình thế chung trong thiên hạ, tình thế riêng cõi Đông Á, Chính phủ Việt Nam công nhiên tuyên bố từ ngày này điều ước bảo hộ với Pháp băi bô và nước Nam khôi phục quyền độc lập. Nước Việt Nam sẽ gắng sức tự tiến triển cho xứng đáng là một quốc gia độc lập và theo như lời tuyên ngôn chung của Đại Đông Á, đem tài lực giúp cho cuộc thịnh vượng chung. Vậy chính phủ Việt Nam một lòng tin cậy lòng thành ở Nhật Bản để quốc, quyết chí hợp tác với nước Nhật, đem hết tài sản trong nước để cho đạt được mục đích trên”¹.

Viện Cơ mật chuẩn y bản “Tuyên cáo” đó.

Rồi, ngày 17/3/1945, Bảo Đại ra đao Dụ số 1 để “Cai tổ bộ máy chính quyền cho phù hợp với tình thế”, thực ra là để tổ chức lại một nội các thân Nhật. Ngày 19/3, Viện Cơ mật của Phạm Quỳnh từ chức để được thay bằng chính phủ Trần Trọng Kim. Ngày 17/4, Bảo Đại ra Dụ số 5 chuẩn y thành phần nội các của chính phủ này, chính thức chuyển sang chủ mới.

Như vậy, sau ngày 9/3, phái thân Pháp đã bị dẹp bỏ.

Phái thân Nhật phần lớn là những đại trí thức chưa hề làm quan, hoạt động trong các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, y tế, giáo dục... Những người này có cùng một điểm là không ưa Pháp, không tin vào “cái bả De Gaulle”, trái lại tin vào “cái mồi liên Á”, tin vào chủ thuyết về Khối thịnh vượng chung Đại Đông Á và hy vọng vào cái bánh vẽ “độc lập” mà Nhật tung ra. Phái này được tổ chức trong nhiều nhóm. Có nhóm đông thành viên, có nhóm chỉ một nhúm người, không tôn chỉ mục đích. Có nhóm ra đời ngay cả trước khi chiến tranh nổ ra, trong tính toán lâu dài của Nhật về chính trị chẳng hạn như nhóm Phục quốc của Cường Đế. Phần lớn các nhóm khác ra đời trong chiến tranh, nhất là sau khi Nhật đảo chính Pháp.

Nhóm Phục quốc (Việt Nam Phục quốc đồng minh hội) do Cường Đế lập từ năm 1937 cùng Trần Hy Thánh, Trần Trung Lập

1. Dương Trung Quốc, Việt Nam những sự kiện lịch sử..., Sđd, tr. 388.

và Hoàng Trung Lương. Năm 1940, nhóm này nỗi lên ủng hộ Nhật chống Pháp, nhưng do Nhật vẫn muốn lợi dụng Pháp nên đã bị Nhật bỏ rơi, phải chạy sang Trung Quốc nương nhờ Trương Phát Khuê, một số nhảy sang phe Đồng minh chống phát xít, một số vẫn trung thành với Phục quốc tìm cách vận động cho Đảng này trong giáo phái Cao Đài ở Nam Kỳ. Với sự trợ giúp của Nhật, hàng chục nghìn tín đồ Cao Đài đã gia nhập Phục quốc, lao động phục vụ trong các công binh xưởng của Nhật, tổ chức thành các lực lượng bán vũ trang với quân số khoảng 3.000 người¹.

Bên cạnh Cao Đài, đạo Hoà Hảo (còn gọi là đạo Phật thầy) do Huỳnh Phú Sổ lập ra từ ngày 5/7/1939 thu hút đông đảo tín đồ, lan rộng ra khắp các tỉnh Nam Kỳ, có tư tưởng chống Pháp nên Pháp cản trở và bị Nhật lợi dụng. Khi Pháp bắt Huỳnh Phú Sổ, Nhật đã giải thoát cho Sổ và biến Hòa Hảo thành lực lượng chính trị thân Nhật. Tháng 9/1943, Hoà Hảo ra nhập Việt Nam Phục quốc đồng minh hội mưu đồ thành lập chính phủ thân Nhật.

Ở Bắc Kỳ, từ cuối năm 1942 xuất hiện nhiều nhóm thân Nhật như: Đại Việt dân chính của Nguyễn Tường Tam; Đại Việt quốc xã của Trương Đinh Trí; Việt Nam ái quốc của Nguyễn Xuân Chữ, Vũ Đình Di và Lê Toàn; Phục quốc của Trần Văn Ân; Đại Việt quốc gia liên minh của Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn; Thanh niên ái quốc đoàn của Võ Văn Cầm. Ngoài ra còn có nhiều đảng phái có tính chất “quốc gia” khác đã được lập ra.

Tháng 9/1943, theo lệnh của Nhật, các phe thân Nhật, đang còn rời rạc lè tè “Đảng Phục quốc, Đại Việt, Quốc xã, Cao Đài, Phật Thầy họp đại hội ở Sài Gòn thống nhất lại thành một đoàn thể thân Nhật lấy tên Việt Nam Phục quốc đồng minh hội và sửa soạn lập chính phủ lâm thời”². Tất cả các đảng phái thân Nhật, được tập hợp trong Việt Nam Phục quốc đồng minh hội đều hy vọng được đại diện cho Việt Nam tiếp quản “nền độc lập” mà Nhật sẽ “trao trả”.

1. David Marr, *Viet Nam 1945. The Quest for Power*, Sđd, tr. 94-95.

2. *Ngọn cờ giải phóng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1955, tr. 16.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp, ở Bắc Kỳ, các tổ chức thân Nhật xuất đầu lộ diện với nhiều tên gọi khác nhau: Đại Việt quốc xã; Đại Việt duy tân; Phục quốc... và tập hợp lại trong một “*Mặt trận chung*” lấy tên là Đại Việt quốc gia liên minh hay còn gọi là Việt Nam quốc dân hội. Tổ chức này định dựa vào Nhật, lừa gạt dân chúng để giành chính quyền. Nhưng do không được quần chúng ủng hộ lại bị Nhật hoài nghi, và lại, lúc này Bảo Đại đã được sử dụng nên tổ chức này phải tự rút lui¹.

Với sự che chở, dung dưỡng của Nhật, một số chính khách thân Nhật còn trở thành những con bài dự trữ cho các âm mưu chính trị mới ở Đông Dương. Trong số đó, nhóm Trần Trọng Kim (gồm Trần Trọng Kim, Dương Bá Trạc, Đặng Văn Ký, Trần Văn Ân) được đưa sang Singapore từ ngày 1/1/1944 chờ thời và sau khi đảo chính Pháp, Nhật đưa Trần Trọng Kim về Sài Gòn, rồi ra Huế gặp Bảo Đại (15/4). Nhật bỏ qua Cường Để, sử dụng lại con bài Bảo Đại, dựng Trần Trọng Kim làm Thủ tướng. Ngày 17/4, Chính phủ Trần Trọng Kim chính thức được thành lập². Chính phủ này gồm toàn là những trí thức trẻ, có tên tuổi, yêu nước, tiến bộ. Với lời hứa về “*phấn đấu cho Việt Nam thành quốc gia độc lập*”; “*giải quyết nạn đói*”; “*thống nhất chủ quyền lãnh thổ*”... trong chừng mực nhất định, chính phủ của Trần Trọng Kim đã làm cho một bộ phận dân chúng ảo tưởng. Tuy nhiên, chính phủ này đã tỏ ra bất lực trước tất cả những vấn đề cần giải quyết cấp bách và ngày càng mất tín nhiệm trước những người đã từng trông chờ vào nó.

-
1. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 389.
 2. Chính phủ Trần Trọng Kim gồm: Trần Trọng Kim (Giáo sư, Tổng lý đại thần - Thủ tướng); Trần Đình Nam (Y sĩ, Bộ trưởng Nội vụ); Trần Văn Chương (Luật sư, Bộ trưởng Ngoại giao, kiêm Phó Thủ tướng); Vũ Văn Hiền (Luật sư, Bộ trưởng Tài chính); Hồ Tá Khanh (Bác sĩ, Bộ trưởng Kinh tế); Nguyễn Hữu Thi (Cựu y sĩ, Bộ trưởng Tiếp tế); Hoàng Xuân Hãn (Thạc sĩ Toán học, Bộ trưởng Giáo dục); Trịnh Đình Thảo (Luật sư, Bộ trưởng Tư pháp); Lưu Văn Lang (Kỹ sư, Bộ trưởng Giao thông Công chính); Vũ Ngọc Anh (Bác sĩ, Bộ trưởng Y tế); Phan Anh (Luật sư, Bộ trưởng Thanh niên).

Tác giả Tân Trào trong *Cờ giải phóng* số 13 viết:

"Thân phận bù nhùn nó chỉ có thể giữ việc bù nhùn... Nhiệm vụ của nó là bọc nhung vào cái ách của Nhật, đầu độc đồng bào, thái độ của nó là ca ngợi Nhật, vào hùa với Nhật áp bức bóc lột nhân dân".

Chính phủ Trần Trọng Kim vì vậy đã bị tinh thế cách mạng lướt qua. Ngày 7/8/1945, chính phủ này đệ đơn từ chức. Ngày 9/8/1945, Bảo Đại ký một đạo Dụ lập nội các mới nhưng không lập nội nên buộc phải ra Dụ giữ lại nội các Trần Trọng Kim. Tuy nhiên, trên thực tế, nội các này đã hoàn toàn tê liệt mặc dù vẫn còn mộng mị khi thi thể thốt:

*"Chúng tôi vẫn hợp tác chặt chẽ với các nhà đương chức Nhật và chúng tôi không bao giờ quên rằng quân đội Nhật đã giải phóng cho ta ra ngoài cái áp chế của một ngoại quốc"*¹.

Chính phủ Trần Trọng Kim sụp đổ. Các tổ chức thân Nhật cũng phần nhiều tự giải tán, tự rút lui. Trước cơn bão táp cách mạng đang dâng lên cuồn cuộn, giới thượng lưu trí thức rơi vào khủng hoảng. Một số ngoan cố với chủ thuyết thân Pháp. Số khác “kiên trì” lập trường “dân tộc chủ nghĩa”, quay lưng với cách mạng. Thế nhưng, nhiều bậc “trí thức thượng lưu” trong đó có những người tham gia chính phủ Trần Trọng Kim đã ngả hẳn theo Mặt trận Việt Minh, tham gia vào cuộc Cách mạng tháng Tám.

Hội Tân Việt Nam² của các trí thức nhóm Thanh Nghị được thành lập ngày 16/5/1945, “... không có đường lối chính trị rõ rệt,...

1. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 394.

2. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 396.

Tham gia hội này có Đào Duy Anh, Phan Anh, Phạm Đỗ Bình, Đỗ Đức Dục, Ngô Thúc Địch, Trần Khánh Du (Khái Hưng), Ngô Tử Hạ, Vũ Văn Hiền, Vũ Đình Hoè, Nguyễn Văn Huyên, Trần Duy Hưng, Nguy Nhu Kon Tum, Nguyễn Lân, Vũ Đình Liên, Phạm Lợi, Nguyễn Ngọc Minh, Nguyễn Quang Oánh, Tôn Quang Phiệt, Phạm Khắc Quảng, Phan Huy Quát, Ngô Bích San, Nguyễn Hữu Tảo, Hoàng Thúc Tấn, Nguyễn Đình Thủ, Hoàng Phạm Trần, Bùi Như Uyên, Lê Huy Văn, Nguyễn Xiển, Nghiêm Xuân Yêm, do Vũ Đình Hoè làm Tổng Thư ký (*Thanh Nghị*, ngày 5/5/1945).

hoạt động trong khuôn khổ hợp pháp của chính phủ Trần Trọng Kim và dễ có xu hướng trở thành một tổ chức chính trị tư sản và thân Nhật, giải tán sau hai tháng tồn tại. Hoạt động của giới trí thức trong Mặt trận Việt Minh và thực tiễn cao trào cách mạng của quần chúng đã làm tổ chức này phân hóa và nhanh chóng tan rã. Ngày 22/7/1945, Tân Việt Nam tuyên bố giải tán. Nhiều trí thức chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, trở thành thành viên của Mặt trận Việt Minh, rồi phục vụ trong Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hoà, đóng góp nhiều công sức cho cách mạng.

Chương VI

QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG TIẾN TÓI TỔNG KHỞI NGHĨA VŨ TRANG GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939-1945)

I. THỜI KỲ ĐÁU TRANH VÀ ĐIỀU CHỈNH ĐƯỜNG LỐI CHIẾN LƯỢC TỪ CUỐI NĂM 1939 ĐẾN THÁNG 5/1941

Có thể nói là ngay từ trong những năm 1930, Đảng Cộng sản Đông Dương đã nhiều lần cảnh báo về nguy cơ phát xít và sự bùng nổ của một cuộc chiến tranh thế giới mới. Đảng yêu cầu chính phủ thực dân hành động để cùng nhân dân ta “phòng thủ Đông Dương”. Về phía phong trào cách mạng, Đảng chuẩn bị tinh thần đối phó một cách tích cực và chủ trương biến cuộc chiến tranh này thành cơ hội cho một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.

Một mặt, Đảng kịp thời thay đổi phương thức hoạt động ngay khi cuộc chiến ch�ra chính thức nổ ra. Đảng chỉ đạo cho các cán bộ, đảng viên và những tổ chức quần chúng do Đảng lãnh đạo nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn (trong khi vẫn chú trọng phong trào ở đô thị) để tránh sự đàn áp của kẻ thù, bảo toàn lực lượng. Đồng thời, trước những diễn biến phức tạp của tình hình, Đảng cũng rất chú trọng công tác giáo dục tư tưởng, định hướng hành động cho cán bộ, đảng viên, tránh cho họ rơi vào cạm bẫy tuyên truyền phản cách mạng chống lại Liên bang Xô viết của thực dân Pháp cũng như của các phần tử Trostkit. Mặt khác, khi tiên liệu về khả năng: “*Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước tới vấn đề dân tộc giải phóng*” và “*Hiện thời tình hình quốc tế đã cho chúng ta thấy rõ vấn đề dân tộc giải phóng*”

*sẽ đến chỗ kết quả..."*¹, Đảng chủ trương điều chỉnh đường lối chiến lược cách mạng, xác định lại mục tiêu trước mắt của cách mạng Đông Dương, mâu thuẫn chủ yếu cần giải quyết cấp bách cũng như phương pháp vận động cách mạng phù hợp với nhiệm vụ đặt ra cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc trong hoàn cảnh mới.

Việc điều chỉnh đường lối chiến lược cách mạng của Đảng đã được đề cập và giải quyết trong các cuộc Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VI (11/1939); lần thứ VII (11/1940) và Hội nghị lần thứ VIII (5/1941).

1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VI (tháng 11/1939)

Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương được triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) trong các ngày 6, 7, 8 tháng 11/1939, dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ và sự tham dự của các đồng chí Lê Duẩn, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tân, Nguyễn Thị Minh Khai... Tinh thần của Hội nghị là:

*"Cần cứ vào sự biến đổi trên quốc tế và trong xí và sự biến chuyển mới của phong trào cách mạng thế giới và Đông Dương, Đảng ta phải thay đổi chính sách"*² và "... đứng trước tình thế khác ít nhiều với tình thế 1930-1931, chiến lược cách mạng tư sản dân quyền bây giờ phải thay đổi ít nhiều cho phù hợp với tình thế mới".³

Hội nghị đã đi từ việc phân tích cặn kẽ tình hình trong và ngoài nước để đề ra "*Chính sách của Đảng Cộng sản Đông Dương*",⁴ thực chất là thay đổi chính sách cho cách mạng Đông Dương.

1. "Thông báo cho các đồng chí các cấp bộ ngày 29/9/1939". Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, 1936-1939, Sđd, tr. 756-757.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 537.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 538.
4. "Nghị quyết của Ban Trung ương Đảng ngày 6, 7, 8/11/1939", Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, 1936-1939, Sđd, tr. 535.

Về tình hình thế giới, xem xét nguyên nhân, mục đích, tính chất của cuộc chiến tranh thế giới lần này, Hội nghị cho rằng đây là một cuộc chiến tranh nhằm phân chia lại thị trường thế giới và các khu vực ảnh hưởng giữa các nước đế quốc, đồng thời là cuộc chiến tranh giữa phe đế quốc và nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, nhằm tiêu diệt Liên Xô, thành trì của phong trào cộng sản quốc tế, chỗ dựa của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, phụ thuộc. Hội nghị nhận định:

“Trật tự cũ lại lay chuyển tận gốc. Chế độ tư bản đang hấp hối chết thì cuộc đế quốc chiến tranh lần thứ hai lại tiếp đến đẩy nó chóng vào chỗ diệt vong. Ở các nước đế quốc... hết thảy dân chúng bị áp bức sê thừa cơ nỗi dậy bẻ cái xiềng nô lệ kéo dài đã hàng mấy chục thế kỷ. Ở các nước thuộc địa hết thảy dân tộc bị áp bức sê vùng dậy tranh đấu liều sống liều chết để quốc xâm lược để cởi vắt cái ách tội lỗi. Dân các nước tư bản đòi giải phóng. Dân tộc các thuộc địa đòi độc lập. Liên bang Xô viết luôn luôn ở bên cạnh để kích thích họ, giúp đỡ họ...”¹ và nhờ đó “... Cách mạng giải phóng dân tộc Đông Dương sẽ thắng! Cách mạng thế giới thế nào cũng sẽ thắng! Một thế giới quang minh rực rỡ sẽ thay cho cái thế giới tối tăm mục nát này”².

Về “Tình hình Đông Dương”, hội nghị nêu rõ vị trí quan trọng của Đông Dương và cảnh báo nguy cơ xâm lược Đông Dương của phát xít Nhật đang đến gần. Hội nghị cũng đã đưa ra ý kiến đánh giá về hoàn cảnh và thái độ của các giai cấp xã hội, các đảng phái chính trị cũng như của các dân tộc ở Đông Dương và kết luận:

“... Trong lúc này, tất cả các dân tộc từ Việt Nam, Miên, Lào đến Thượng, Thổ, v.v... tất cả các giai cấp trừ bọn phong kiến và một số bộ phận phản động trong đám địa chủ và tư sản, tất cả các đảng phái trừ bọn chó săn đế quốc phản bội quyền lợi dân tộc đều phải gánh những tai hại ghê tởm của đế quốc chiến tranh, đều căm tức kẻ thù chung là đế quốc chủ nghĩa”.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 516.

Từ đó, Hội nghị cho rằng: “*Liên quan lực lượng giai cấp*” ở xứ này, bây giờ đây là sự đối đầu giữa hai lực lượng:

“a) Một bên là đế quốc Pháp cầm hết quyền kinh tế, chính trị và dựa vào bọn vua quan bốn xứ thối nát và bọn chó săn phản bội dân tộc. b) Một bên là tất cả các dân tộc bốn xứ bị đế quốc chủ nghĩa Pháp áp bức như trâu ngựa và đeo rút xương tuy”¹.

Đây là một nhận thức rất quan trọng của Đảng, là cơ sở để Đảng quyết định chuyển hướng chiến lược cách mạng Việt Nam (thay đổi chính sách) cho phù hợp với hoàn cảnh mới mà điểm mấu chốt là giải quyết mối quan hệ giữa mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp, giữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ đấu tranh giai cấp. Sự thay đổi chiến lược đó chính là ở chỗ trong khi vẫn khẳng định cách mạng Đông Dương là cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ (tự sản dân quyền) do Đảng Cộng sản lãnh đạo với hai nhiệm vụ chiến lược là “phản đế” và “phản phong”, song trong tình hình mới, hội nghị quyết định chuyển từ vận động dân chủ của thời kỳ trước sang cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị cho rằng:

“*Cách mạng phản đế và diền địa là hai cái mấu chốt của cách mệnh tự sản dân quyền....*” nhưng “... hiện nay tình hình có đổi mới. Đế quốc chiến tranh, khủng hoảng cùng với ách thống trị phát xít, thuộc địa đã đưa vấn đề dân tộc thành một vấn đề khẩn cấp rất quan trọng. Đám đông trung tiểu địa chủ và tư sản bốn xứ cũng căm tức đế quốc. Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề diền địa cũng phải nhắm vào cái mục ấy mà giải quyết”².

Hội nghị nhấn mạnh:

“*Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 533-534.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 539.

*lấy giải phóng độc lập. Đế quốc Pháp còn, dân chúng Đông Dương chết. Đế quốc Pháp chết, dân chúng Đông Dương còn*¹.

Hội nghị chỉ ra đường lối chiến lược của cuộc cách mạng này là:

*Đánh đổ đế quốc Pháp, vua chúa bốn xứ và tất cả bọn tay sai của đế quốc phản bội dân tộc. Lực lượng của cách mệnh là công nông dựa vào các tầng lớp trung sản thành thị, thôn quê và đồng minh trong chóc lát hoặc trung lập giai cấp tư sản bốn xứ, trung tiêu địa chủ dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản*².

Để có thể tập hợp được lực lượng cách mạng, thu hút sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương:

“Mặt trận Dân chủ thích hợp với hoàn cảnh trước kia, ngày nay không còn thích hợp nữa. Ngày nay phải thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, đánh đổ đế quốc Pháp và bọn phong kiến thối nát, giải phóng các dân tộc Đông Dương làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”³. Đây “là hình thức liên hiệp tất cả các dân tộc Đông Dương dưới nền thống trị đế quốc Pháp, tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phần tử phản đế muốn giải phóng cho dân tộc, để tranh đấu chống đế quốc chiến tranh, chống xâm lược phát xít, đánh đổ đế quốc đòi hòa bình cờm áo, thực hiện nền độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương với quyền dân tộc tự quyết”⁴.

Hội nghị quyết định “chưa đưa ra khẩu hiệu lập chính phủ “Xô viết công nông binh” là hình thức chính phủ riêng của dân chúng lao động mà đưa ra khẩu hiệu “Chính phủ Liên bang cộng hoà dân

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 536.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 539-540.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 538.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 537.

chủ Đông Dương” là hình thức chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp dân chúng trong xứ...”¹.

Thực hiện đường lối chiến lược cách mạng “phản đế”, Hội nghị đề ra cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế 13 nhiệm vụ là:

Đánh đổ đế quốc Pháp, vua chúa bốn xứ và tất cả bọn phản động tay sai cho đế quốc và phản bội dân tộc; Đông Dương hoàn toàn độc lập (thi hành quyền dân tộc tự quyết, song sự tự quyết cũng không nhất định phải rời hẳn nhau ra); Lập chính phủ liên bang cộng hoà dân chủ Đông Dương; Đánh đuổi hải, lục, không quân của đế quốc Pháp ra khỏi xứ, lập Quốc dân cách mạng quân; Quốc hữu hoá những nhà băng, các cơ quan vận tải giao thông, các binh xưởng, các sản vật trên rừng, dưới biển và dưới đất; Tịch ký và quốc hữu hoá tất cả các xí nghiệp của tư bản ngoại quốc và bọn đế quốc thực dân và tài sản của bọn phản bội dân tộc...; Thi hành luật lao động. Ngày làm 8 giờ cho các hầm mỏ...; Bỏ hết các thứ sưu thuế. Đánh thuế lũy tiến hoa lợi; Thủ tiêu tất cả các khé ước cho vay, đặt nợ, lập nông phố ngân hàng và bình dân ngân hàng; Ban hành các quyền tự do dân chủ, quyền nghiệp đoàn, bãi công. Phổ thông đầu phiếu. Những người công dân từ 18 tuổi trở lên bắt cử là đàn ông, đàn bà, nói giống nào đều được bầu cử, ứng cử; Phổ thông giáo dục cuồng bách; Nam nữ bình quyền về mọi phương diện xã hội, kinh tế và chính trị; Mở rộng các cuộc xã hội, y tế, cứu tế, thể thao...²

Về “sách lược tổ chức quần chúng”, Hội nghị chủ trương kết hợp giữa các hình thức tổ chức công khai, bán công khai rộng rãi với các hình thức tổ chức bí mật, với phương châm “... tùy theo điều kiện, càng có tính chất rộng rãi và giản đơn bao nhiêu càng hay để thu phục quảng đại quần chúng”³ vào Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế - không phải chỉ có quần chúng công nông - lực

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 539.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 541.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 547.

lượng chính của cách mạng mà còn là tiêu tư sản, tư sản bản xứ, trung tiêu địa chủ...

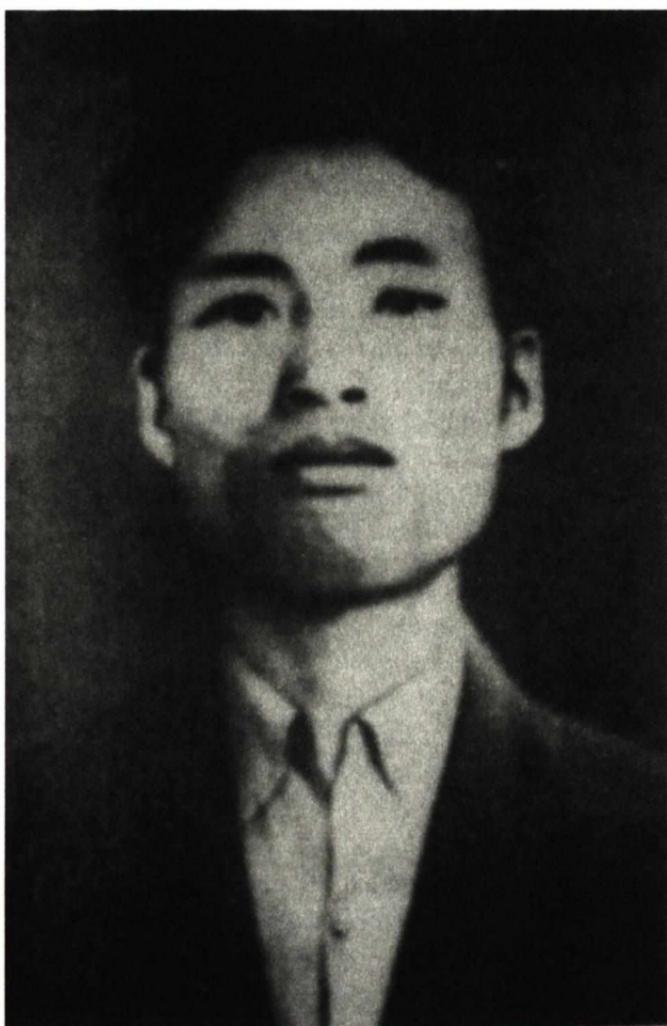
Đồng thời với việc giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, Hội nghị chỉ rõ cách mạng nước ta phải đoàn kết, thống nhất với cách mạng Lào và Campuchia, phải liên hệ mật thiết với cách mạng Trung Quốc và gắn bó chặt chẽ với cách mạng thế giới do Liên Xô làm trụ cột.

Về “*tranh đấu*”, Hội nghị chủ trương thay đổi phương pháp đấu tranh, từ đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đòi quyền lợi dân tộc, đánh đố đế quốc và tay sai, từ đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và không hợp pháp, chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Do việc lấy nhiệm vụ giải phóng dân tộc làm trọng tâm nên tính quyết liệt của cuộc đấu tranh giai cấp sẽ được giảm bớt, theo phương châm do Hội nghị đề ra là:

“... *Xoay tất cả phong trào lè té vào cuộc tranh đấu chung, phản đối đế quốc chiến tranh, chống đế quốc Pháp và bè lũ, dù bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mệnh giải phóng dân tộc*” và “... *đứng trên lập trường cách mệnh giải phóng dân tộc, sự điều hoà những cuộc đấu tranh của những giai cấp người bón xú đưa nó vào phong trào đấu tranh chung của dân tộc là nhiệm vụ cốt tú của người lãnh đạo... không ngó ngàng đêm xia đến quyền lợi hàng ngày của quần chúng lao động, không tìm cách bênh vực làm cho họ đù no, thì năng lực cách mệnh của quần chúng giảm đi. Nhưng nếu căng thẳng các cuộc đấu tranh ấy, thì sự liên hiệp các giai cấp bón xú sẽ không thành, khẩu hiệu “Quyền lợi dân tộc cao hơn hết” sẽ không thực hiện được*”¹.

Để hướng dẫn việc tranh đấu, Hội nghị đưa ra 17 khẩu hiệu tranh đấu cụ thể trước mắt về kinh tế, chính trị, xã hội, phù hợp với từng tầng lớp, giai cấp trong xã hội mà mục đích là đòi quyền lợi hằng ngày, chống chiến tranh đế quốc, ủng hộ chiến tranh giải phóng, ủng hộ chính sách hoà bình của Liên Xô...

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, Sđd, tr. 553.



Đồng chí Nguyễn Văn Cừ - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương
từ năm 1938 đến năm 1940

Nguồn: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam sơ thảo*, tập 1, 1920 - 1954, Nxb. Sự thật, 1982, tr. 270.

Việc “*thay đổi chính sách*” trên những vấn đề cơ bản trong đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam trong hoàn cảnh mới trên đây chứng tỏ nhận quan chính trị nhạy bén, năng lực lãnh đạo sáng tạo, sự mạnh dạn trong “*đổi mới*” tư duy chiến lược, khắc phục tình trạng biệt phái, tả khuynh trong việc vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về đấu tranh giai cấp vào thực tiễn xã hội Việt Nam, xây dựng khối đoàn kết dân tộc của Đảng Cộng sản Đông Dương. “*Hội nghị VI của Trung ương đánh dấu bước chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược và mở đầu một thời kỳ đấu tranh mới của cách mạng Việt Nam*”¹. Đây chính là một trong những cơ sở quan trọng để Đảng tiếp tục hoàn chỉnh đường lối chiến lược cứu nước trong những năm tiếp theo mà trước hết là qua các kỳ hội nghị Trung ương VII và VIII và là nguyên nhân quan trọng dẫn tới sự thành công của Cách mạng tháng Tám.

Từ tháng 9/1939, kẻ địch mở những cuộc khủng bố, đàn áp dã man Đảng Cộng sản và phong trào cách mạng. Nhiều cơ sở Đảng bị vỡ, nhiều cán bộ của Đảng bị bắt, bị hy sinh, các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Võ Văn Tần bị bắt ngay sau Hội nghị. Thế nhưng, nhờ sự thay đổi phương pháp hành động kịp thời của Đảng, với những phương pháp tuyên truyền, đấu tranh thích hợp nên ở nhiều nơi phong trào chống khủng bố, chống bắt phu, bắt lính, chống chiến tranh đế quốc của các tầng lớp nhân dân đã diễn ra sôi nổi, dưới nhiều hình thức phong phú như mít tinh, biểu tình, bãi công, phát truyền đơn... Đảng và các tổ chức quần chúng phát triển nhanh chóng. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế lan rộng, nhất là ở Nam Kỳ, với hệ thống tổ chức từ cơ sở tới cả toàn kỳ. Số đảng viên mới tăng lên. Theo báo cáo của Hội nghị tháng 11/1940 của Đảng, số đảng viên của Đảng bộ Nam Kỳ tăng lên đến 60%².

-
1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 18.
 2. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Nxb. Sử học, 19611, tr. 45.

Do hiều được đường lối cứu nước của Đảng, nhiều hào lý đã quay sang ủng hộ cách mạng hoặc giữ thái độ trung lập. Đặc biệt là một phong trào chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền đã lan trên khắp xứ: cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn; cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ và cuộc khởi nghĩa (hay là cuộc binh biến) Đô Lương đã diễn ra, khởi đầu cho thời kỳ Đảng chuyên hướng chiến lược, “*thay đổi chính sách*” cho cách mạng dân tộc, dân chủ ở Việt Nam, nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.

2. Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương

a. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (ngày 27/9/1940)¹

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (Bắc Sơn là một châu của tỉnh Lạng Sơn) diễn ra vào ngày 27/9/1940. Ngoài những nguyên nhân về chế độ áp bức, bóc lột tàn bạo, chế độ phu phen tạp dịch nặng nề của thực dân Pháp và truyền thống yêu nước, căm thù giặc của đồng bào các dân tộc Bắc Sơn, cuộc khởi nghĩa diễn ra còn do một nguyên nhân quan trọng, đó là sự nhạy bén, nắm bắt thời cơ phát động quần chúng nhân dân nổi dậy chống giặc của chi bộ Đảng địa phương Bắc Sơn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương Đảng tháng 11/1939.

Ngày 22/9, Nhật tiến vào Lạng Sơn để chiếm Đông Dương. Lúc đó, lực lượng quân đội Pháp ở Lạng Sơn không phải là nhỏ, trang thiết bị không phải là thiếu (với 4 tiểu đoàn, 1 tiểu đoàn pháo binh đóng ở Lạng Sơn; 2 tiểu đoàn bộ binh, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 đội xe mô tô, 1 đội xe ô tô đóng ở Đồng Mô và lực lượng đóng ở Đồng Đăng, Na Sầm, Diềm He, Thất Khê, mỗi nơi một tiểu đoàn và hệ thống công sự, lô cốt dày đặc)², nhưng đã nhanh chóng rã rời, kéo cờ trắng đầu hàng Nhật. Chính quyền của Pháp ở khắp các châu, phủ của Lạng Sơn tan rã. Bọn quan lại bỏ trốn. Nhân cơ hội đó,

1. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, 318-319.

2. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Nxb. Sử học, 1961, tr. 53.

nhân dân ở những nơi lực lượng Pháp tan rã đã nồi lén chống Pháp. Các tri phủ, tri châu hoặc bị giết, hoặc bị dân chúng bắt nộp cho Nhật. Lính đồn hoặc về với quân khởi nghĩa, hoặc bỏ chạy. Quân khởi nghĩa chiếm lĩnh các đồn. Quân Pháp chạy dài từ Lạng Sơn, Đồng Mỏ qua Thoát Lãng, Bình Gia xuống Bắc Sơn để về Bắc Giang, Thái Nguyên, phải xin ăn hoặc đổi súng lấy lương thực, quần áo... Trước tình thế đó, các đồng chí đảng viên cộng sản ở Bắc Sơn cùng với những đảng viên quê Bắc Sơn, Vũ Nhài, bị Pháp bắt giam ở Lạng Sơn thoát ra ngoài đã lãnh đạo nhân dân cướp súng của quân Pháp, bồi dưỡng lực lượng vũ trang và chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa.

Ngày 27/9, Hội nghị của Đảng bộ Bắc Sơn quyết định phát động quần chúng nồi dậy khởi nghĩa vũ trang, cướp chính quyền, tấn công các đồn bốt và các đơn vị Pháp đang rút chạy, cướp vũ khí, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng. Lực lượng vũ trang, ngoài các đảng viên, còn có cả các tổng đoàn, xã đoàn và lính dồng mà cách mạng đã nắm được và cũng có cả những người đi lính cho Pháp bị thua trận mới bỏ về địa phương tham gia cách mạng cùng đạn dược thu được của Pháp. 20 giờ ngày 27/9/1940, hơn 600 quân khởi nghĩa, gồm đủ các dân tộc Tày, Dao, Nùng, Kinh cùng 20 lính dồng và 9 lính khố đỏ, với 20 súng trường, 8 súng kíp đã tấn công đồn Mỏ Nhài - thuộc Châu ly Bắc Sơn. Tri châu Hoàng Văn Sĩ và lực lượng trong đồn chỉ chống trả qua quýt rồi bỏ chạy. Quân khởi nghĩa thu súng đạn, phương tiện, đồ đạc, đốt hết các giấy tờ, bằng sắc của thực dân, phong kiến, tuyên bố chính quyền đế quốc bị đánh đổ, chính quyền về tay nhân dân. Trong các ngày 28 và 29/9, quân khởi nghĩa tiếp tục tấn công vào tàn quân Pháp ở đèo Canh Tiên, Dập Dị, tiêu diệt một số tên lính Pháp, cướp được nhiều vũ khí.

Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng gặp phải những khó khăn, mâu thuẫn do việc chỉ đạo chưa thống nhất, không ổn định, lại phải chờ quyết định của Xứ uỷ Bắc Kỳ (ban lãnh đạo cử Nông Văn Cún, tức Thái Long xuống Võ Nhai gấp Chu Văn Tân, Bí thư Chi bộ Bắc Sơn - Võ Nhai để báo cáo và sau đó Chu Văn

Tán xin Chỉ thị của Xứ ủy Bắc Kỳ¹, lại cũng chưa kịp thời chấn chỉnh tổ chức lực lượng vũ trang thành một lực lượng vững chắc, mở rộng địa bàn hoạt động, chưa xây dựng được chính quyền nhân dân cách mạng.

Trước tình hình đó, Pháp cùng Nhật thỏa hiệp với nhau để tập trung đàm áp cuộc khởi nghĩa. Sau khi tiêu diệt xong nhóm Phục quốc ở Lạng Sơn, ngày 1/10/1940, quân Pháp quay về Bình Gia, Bắc Sơn chiếm lại đồn Mô Nhài, đốt nhà, dồn làng, tìm bắt cán bộ cách mạng, lập lại bộ máy cai trị, chiêu tập lại những tên tay sai ra làm chỉ điểm cho chúng. Quân khởi nghĩa phải rút vào hoạt động phân tán trên các vùng rừng núi, tiếp tục củng cố và xây dựng lực lượng.

Cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng bị thất bại. Thế nhưng, lực lượng khởi nghĩa Bắc Sơn đã trở thành cơ sở để Đảng ta xúc tiến việc xây dựng cơ sở cách mạng và lực lượng quân đội cho khởi nghĩa vũ trang. Ngay khi hay tin cuộc khởi nghĩa nổ ra, Xứ ủy Bắc Kỳ đã cử đồng chí Trần Đăng Ninh lên lãnh đạo phong trào, xây dựng lực lượng để chiến đấu lâu dài. Ngày 14/10/1940, đồng chí đã triệu tập một cuộc họp của các đảng viên địa phương ở Sa Khao (xã Vũ Lăng) để phân tích tình hình và phổ biến Chỉ thị của cấp trên. Ban chỉ huy khu căn cứ Bắc Sơn được thành lập (vào giữa tháng 10/1940). Đội du kích Bắc Sơn được tổ chức vào ngày 13/10/1940, với quân số 200 người và trang bị là 200 súng kíp, 20 súng trường, lấy Ngư Viễn, Sa Khao, Vũ Lăng, Bản Ne, Mô Tát, Nam Nhi làm căn cứ địa. Khẩu hiệu được đề ra là: đánh Pháp, đuổi Nhật, tịch thu tài sản của đế quốc, phản động chia cho dân cày. Ngày 25/10, quân du kích mở màn bằng trận đánh và chiếm được đồn Vũ Lăng gây tiếng vang lớn trong quần chúng nhân dân. Chính quyền địch tan vỡ ở nhiều làng.

Nhưng sang ngày 28/10/1940, quần chúng cách mạng họp mít tinh ở Vũ Lăng, hoan hô cách mạng, chia nhau chiến lợi phẩm, phản khởi chuẩn bị đánh chiếm lại đồn Mô Nhài lần thứ hai thì bị

1. Trần Hữu Đính, Lê Trung Dũng, *Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 49.

quân Pháp tấn công. Cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng bị thất bại. Tuy nhiên, với những gì diễn ra trong vừa đây một tháng, cuộc khởi nghĩa đã để lại những kinh nghiệm quý báu về khởi nghĩa vũ trang, xây dựng chính quyền, nhất là đặt nền móng cho việc xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang cách mạng. Đội du kích Bắc Sơn trở thành cơ sở cho việc phát triển Việt Nam cứu quốc sau này.

Tháng 11/1940, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VII nhóm họp để tiếp tục bàn về việc “*thay đổi chính sách*” cho cách mạng Việt Nam. Hội nghị diễn ra sau khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại. Kiểm điểm về cuộc khởi nghĩa này, Hội nghị cho rằng, cuộc khởi nghĩa không phải là mạnh động mà kịp thời, đúng lúc. Tuy nhiên, ngay lúc bấy giờ tình thế để cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang thắng lợi chưa chín muồi. Kẻ địch còn mạnh. Pháp - Nhật đã nhanh chóng bắt tay nhau để đàn áp cách mạng. Lực lượng quân khởi nghĩa còn non yếu cả về tổ chức, vũ khí và chiến thuật tác chiến..., không biết tổ chức bộ máy chính quyền, không biết tuyên truyền binh lính địch, không biết che dấu lực lượng và không biết tổ chức rút lui... Vì vậy, Hội nghị chủ trương duy trì và bồi dưỡng lực lượng du kích Bắc Sơn để làm cơ sở cho cuộc khởi nghĩa sau này, đồng thời chuyển hướng từ hoạt động quân sự sang hoạt động chính trị bí mật, vận động quần chúng. Vì thế, đội du kích Bắc Sơn ngày một lớn mạnh và sang năm 1941, hợp với những đạo quân Định Cà, Tràng Xá (Thái Nguyên) chiến đấu chống Pháp - Nhật làm tiền đề cho Khởi nghĩa tháng Tám. Như vậy, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn trên thực tế đã “*tạo ra lực lượng vũ trang nhân dân đầu tiên do Đảng ta tổ chức và lãnh đạo, sau này phát triển thành Việt Nam cứu quốc quân, làm nòng cốt cho việc xây dựng căn cứ địa cách mạng Bắc Sơn - Võ Nhai*” và trên hết “*Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã có tiếng vang lớn trong cả nước. Nó thức tỉnh quần chúng và mở đầu cho một thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam, thời kỳ kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa vũ trang để giành chính quyền*”¹.

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 22.

b. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (ngày 23/11/1940)

Do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1940 họp ngay tại Nam Kỳ nên chủ trương chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền của Đảng đã nhanh chóng được quán triệt trong Đảng và tuyên truyền trong quần chúng nhân dân. Hơn nữa, ở Nam Kỳ, mặc dù chính sách khủng bố của kẻ địch rất dã man, gây ra những tổn thất cực kỳ nặng nề đối với Đảng và các tổ chức quần chúng, nhưng công tác Đảng ở Nam Kỳ vẫn phát triển, cơ sở Đảng ở các địa phương vẫn tồn tại, số đảng viên mới tăng lên, phong trào quần chúng lên cao. Vì thế, ngay từ tháng 3/1940, 4 tháng sau khi Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1940 được phổ biến, xứ uỷ Nam Kỳ đã lên Đè cương khởi nghĩa Nam Kỳ, thực chất là kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở Nam Kỳ.

Quyết tâm phát động khởi nghĩa của xứ uỷ ngày càng cao nên kế hoạch khởi nghĩa cũng ngày càng được khẳng định và cụ thể hóa hơn. Xứ uỷ liên tiếp tổ chức các hội nghị vào cuối năm 1940: Hội nghị Tân Hương từ ngày 21 đến 27/7/1940; Hội nghị Tân Xuân (Hóc Môn, Gia Định), từ ngày 21 đến 23/9/1940¹ để đề ra những công việc cần kíp phải thực hiện như phát triển tổ chức quần chúng, tổ chức lực lượng du kích, mua sắm vũ khí, luyện tập quân sự cho đến đề ra đường hướng cho cuộc khởi nghĩa, nhận định về thời cơ khởi nghĩa và chấn chỉnh những khuynh hướng lệch lạc “tả” và “hữu” trong công tác chuẩn bị khởi nghĩa... Hội nghị Tân Xuân cho rằng:

“... không khởi nghĩa sẽ có hại, quần chúng mất tinh thần, xa rời Đảng. Tiến hành khởi nghĩa sẽ có lợi, biểu thị được lực lượng đấu tranh giành độc lập... giữ vững được Mặt trận Dân tộc phản đế...”².

1. Tham khảo: Trần Giang, *Nam Kỳ khởi nghĩa ngày 23 tháng mười một năm 1940*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
2. Trần Giang, *Nam Kỳ khởi nghĩa ngày 23 tháng mười một năm 1940*, Sđd, tr. 39.

Để xúc tiến kế hoạch khởi nghĩa, Xứ uỷ Nam Kỳ phái đồng chí Phan Đăng Lưu ra báo cáo với Trung ương Đảng tại Hà Nội để chuẩn bị việc hướng ứng của toàn quốc. Nhưng khi biết được chủ trương này của Xứ uỷ Nam Kỳ, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VII, tháng 7/1940 của Đảng (họp từ ngày 6 đến 9/11/1940) cho rằng lúc đó thời cơ cho một cuộc khởi nghĩa chưa tới, khởi nghĩa trong điều kiện như vậy sẽ không tránh khỏi thất bại. Nhật kỵ khởi nghĩa cũng phải hoãn lại do Trung ương muôn bồ sung cán bộ cho Nam Kỳ và để có thêm thời gian chuẩn bị cho sự ủng hộ đối với cuộc khởi nghĩa. Phân tích tình hình một cách tinh túc và toàn diện, Hội nghị đã quyết định hoãn cuộc khởi nghĩa.

Thế nhưng, đồng chí Phan Đăng Lưu khi họp xong Hội nghị VII (tháng 11/1940) còn được giao trách nhiệm phổ biến Nghị quyết của Hội nghị tới Xứ uỷ Trung Kỳ nên quyết định trên của Trung ương đã không tới được Xứ uỷ Nam Kỳ một cách kịp thời. Trong khi đó, tình hình thôi thúc Xứ uỷ Nam Kỳ phải đưa ra quyết định gấp rút. Nhật đã chính thức chiếm Đông Dương. Ở Bắc Kỳ, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã nổ ra. Còn ở Nam Kỳ, chính sách áp bức, bóc lột của Pháp được chồng lên bởi chính sách cướp bóc và đàn áp của phát xít Nhật đã làm dậy lên một không khí căm thù sôi sục trong dân chúng. Chính sách bắt lính Việt Nam chuẩn bị sang làm bia đỡ đạn cho Pháp trong chiến tranh Pháp - Thái do Nhật chủ mưu xúi giục càng làm cho không khí căm thù đó dâng cao. Số lính bị tập trung để đưa sang biên giới dọc sông Cửu Long và giáp với Campuchia ngày một đông. Trong một trại ở gần Sài Gòn có tới 2.000 lính bị nhốt để đưa ra trận¹. Việc mộ lính “đặc biệt” kiểu “bắt thăm” - ai trúng người đó phải đi nhằm đầy mâu thuẫn vào nội bộ nhân dân Việt Nam, càng làm cho người dân phẫn nộ. Nhiều cuộc biểu tình chống bắt lính đã diễn ra tại Mỹ Tho, Vĩnh Long... Bình lính cũng đấu tranh, thấp là nhịn ăn để phản đối chế độ đai ngộ đối với lính, chống bắt lính, cao là bỏ trốn, biểu tình chống chiến tranh,

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Nxb. Sử học, 1961, tr. 60.

với khẩu hiệu là “*Không chịu chết cho thực dân Pháp trên mặt trận Pháp - Thái*”. Và trong hoàn cảnh đó, ngày 15/11/1940, tại cuộc họp ở Hóc Môn, Xứ uỷ Nam Kỳ, mặc dù không hoàn toàn nhất trí, đã phát động khởi nghĩa và cử đồng chí Tạ Uyên làm Trưởng ban khởi nghĩa của Xứ uỷ, vừa trực tiếp chỉ huy khởi nghĩa ở trung tâm Sài Gòn - Chợ Lớn. Bản Đèe cương khởi nghĩa giờ đã được cụ thể hóa bằng một kế hoạch khởi nghĩa. Theo kế hoạch đó, cuộc khởi nghĩa sẽ được phát động cùng lúc trên toàn xứ mà trung tâm là Sài Gòn - Chợ Lớn và trước hết là binh lính trong quân đội Pháp. Bin lính được coi là lực lượng nòng cốt của cuộc nổi dậy đồng loạt này.

Rồi, khi đồng chí Phan Đăng Lưu về tới Sài Gòn vào ngày 22/11/1940, mang theo lệnh hoãn khởi nghĩa, thì bị bắt. Trong khi đó, lệnh khởi nghĩa đã được Xứ uỷ Nam Kỳ ban bố khắp nơi. Theo kế hoạch, cuộc khởi nghĩa sẽ diễn ra vào đêm 22 rạng ngày 23/11/1940. Công tác chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra sôi nổi, khẩn trương ở hầu khắp các địa phương trên cả xứ.

Thế nhưng, do mắng cảnh giặc, chỉ điểm Pháp đã len lỏi vào được tới cơ quan lãnh đạo Thành uỷ, Tỉnh uỷ và Xứ uỷ nên Pháp đã nắm được tình hình trước khi quân khởi nghĩa kịp hành sự. Chúng cho vây ráp kháp mọi ngả đường, nhiều đồng chí, trong đó có cả những đồng chí lãnh đạo quan trọng của cuộc khởi nghĩa đã bị bắt. Đồng chí Nguyễn Như Hạnh, Bí thư Thành uỷ Sài Gòn - Chợ Lớn bị bắt cùng với Bản hiệu triệu đồng bào Đông Dương có nội dung là:

“*Hãy tiến lên... Đánh đổ chủ nghĩa phát xít Pháp, bọn vua chúa bán xứ cũng như bọn tay sai người Việt phản bội nhân dân!*”

Thành lập một chính phủ cộng hoà dân chủ Đông Dương để liên hệ với Mặt trận kháng chiến ở Trung Quốc.

Đứng lên đánh đổ chủ nghĩa phát xít Nhật và quân đội Thái Lan xâm lược.

Đông Dương hoàn toàn độc lập”¹.

1. Báo cáo số 7489s Mật thám gửi Thông đốc Nam Kỳ. Dẫn theo: Trần Giang, *Nam Kỳ khởi nghĩa ngày 23 tháng mười một năm 1940*, Sđd, tr. 81.

Liên ngay, đồng chí Tạ Uyên - Bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ - cũng bị bắt cùng với bản viết tay toàn bộ kế hoạch khởi nghĩa, từ bố trí xe cộ chờ người, lập các chướng ngại vật, rồi việc cứu viện Khám lớn đến việc đề ra khẩu hiệu trong thành phố và thuốc để hạ độc binh lính Pháp...¹. Đồng chí Phan Nhung, Thành uỷ viên và 50 người nữa cũng bị bắt theo. Tổng cộng ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã có tới 98 người bị bắt². Kế hoạch khởi nghĩa bị lộ. Cả bộ máy Cảnh sát và đàn áp thuộc địa vào cuộc. Chúng ra lệnh thiết quân luật, kiểm soát nghiêm ngặt mọi cơ sở quân sự, rồi một mặt lùng bắt cán bộ Đảng, một mặt tước khí giới và nhốt chặt binh lính người Việt trong các trại, không cho ra ngoài. Mọi dự định cho cuộc nổi dậy đã bị phá hỏng. Khởi nghĩa ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã không nổ ra. Chủ lực quân là binh lính không nổi lên được.

Tuy nhiên, do đã được chuẩn bị sẵn sàng, lại không nhận được Chỉ thị từ Sài Gòn - Chợ Lớn nên ngày 23/11, dưới sự lãnh đạo của các cơ sở Đảng, quần chúng vẫn nổi dậy trên khắp 9 tỉnh ngoại vi và các tỉnh khác trên cả xứ Nam Kỳ, theo đúng kế hoạch khởi nghĩa: Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng... Tại các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng..., quân khởi nghĩa đã tấn công các đồn địch, chiếm Nhà việc các cấp, thành lập được chính quyền nhân dân và toà án cách mạng. Cờ đỏ sao vàng đã lần đầu tiên xuất hiện ở Nam Kỳ.

Mặc dù khí thế quần chúng rất cao, tinh thần các đảng viên rất ngoan cường, nhưng do những điều kiện chủ quan và khách quan chưa chín muồi, kẻ thù đã nắm được chủ trương và thời gian khởi nghĩa nên các cuộc nổi dậy của quần chúng bị đàn áp đẫm máu và thất bại. Một cuộc khủng bố chưa từng thấy trong lịch sử thống trị của Pháp đã diễn ra, gây tổn thất vô cùng to lớn cho quần chúng nhân dân và phong trào cách mạng. Pháp, mặc dù hèn nhát đầu hàng phát xít

-
1. Trần Giang, *Nam Kỳ khởi nghĩa ngày 23 tháng mười một năm 1940*, Sđd, tr. 82.
 2. Trần Giang, *Nam Kỳ khởi nghĩa ngày 23 tháng mười một năm 1940*, Sđd, tr. 83.

Nhật nhưng lại huy động tất cả các lực lượng hải - lục - không quân với vũ khí hiện đại để đàn áp những người dân nổi dậy tay không hoặc chỉ được trang bị bằng vũ khí thô sơ. Decoux tuyên bố:

“Cuộc bạo động ấy, tức Nam Kỳ khởi nghĩa, các người vẫn biết là của cộng sản gây ra, nó đã bị đàn áp thắng tay tức thì, vì cần phải như vậy. Bốn chức đã chẳng dung thứ và chẳng hề dung thứ trong tương lai cho một nhóm người phản nghịch nào cả gan quấy rối xứ này là xứ đã giao cho bốn chức giữ cuộc trị an”¹.

Pháp cho đốt hết cả nhà, cả làng, cả rừng để tìm diệt nghĩa quân. Chúng cho máy bay ném bom xuống Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Long Xuyên..., triệt hạ từng vùng. Số người bị giết, bị bắt không đếm xuể. Theo tài liệu do Hội Tân Văn hoá công bố thì chỉ riêng trong cuộc khởi nghĩa này, Pháp đã bắt tới 5.848 vụ trong 40 ngày, nhiều nhất là tại Mỹ Tho, Cần Thơ, Gia Định, Long Xuyên². Theo những tài liệu khác của Pháp, tính cho đến hết ngày 31/1/1941, chúng đã bắt 7.048 người, tức là trong tháng 1/1941 bắt thêm 1.200 người. Ước tính, cho đến hết năm 1941, số người bị Pháp bắt lên đến hàng vạn, trong đó có 158 án tử hình gồm nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Xứ uỷ Nam Kỳ, rồi các đồng chí lãnh đạo Đảng cấp tỉnh, huyện, xã; 180 án chung thân và 1.920 án khở sai các loại, tổng cộng 2.258 người³. Người bị bắt không có chỗ giam, Pháp xâu dây thép gai vào tay, vào cổ chân rồi giam vào một chỗ hoặc ném xuống sông. Các nhà tù, nhà giam chật ních. Số người bị bệnh, nhất là bệnh hoại thư và số người bị chết trong tù ngày một tăng lên. Do có liên quan đến các tù nhân Khám lớn Sài Gòn nên các đồng chí uỷ viên Trung ương đang bị giam tại đây như Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ và những cán bộ cao cấp như

1. Báo *Dân hiệp*, ngày 28/12/1940. Dẫn theo: Trần Giang, *Nam Kỳ khởi nghĩa ngày 23 tháng mười một năm 1940*, Sđd, tr. 290.

2. Dẫn theo: Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 62.

3. Trần Giang, *Nam Kỳ khởi nghĩa ngày 23 tháng mười một năm 1940*, Sđd, tr. 292-293.



Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai (1910-1941)

Nguồn: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam sơ thảo*, tập 1, 1920 - 1954, Nxb. Sự thật, 1982, tr. 218.

Nguyễn Hữu Tiên, Nguyễn Thị Minh Khai... cũng bị Pháp xử tử. Một số nghĩa quân còn lại rút về các căn cứ Thủ Dầu Một, Đồng Tháp, U Minh ẩn náu, củng cố lực lượng, chờ thời cơ mới.

Mặc dù chủ trương hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, nhưng khi biết cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra và bị địch đán áp, Trung ương Đảng đã tiến hành những hoạt động thiết thực biếu dương tinh thần đấu tranh của Đảng và nhân dân Nam Kỳ, đồng thời kêu gọi cả nước hưởng ứng, hỗ trợ cuộc khởi nghĩa.

Khởi nghĩa Nam Kỳ cuối cùng bị thất bại, nhưng sự kiện lịch sử này là minh chứng sinh động cho ý chí và quyết tâm của toàn thể nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Cuộc khởi nghĩa cũng còn là sự kiểm nghiệm tính sáng tạo và đúng đắn của chủ trương giương cao ngọn cờ dân tộc của Đảng trong thời kỳ chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trên phạm vi cả nước.

c. Cuộc nổi dậy của binh lính Đô Lương (ngày 13/1/1941)¹

Khi ảnh hưởng của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và Nam Kỳ còn đang vang dội thì một cuộc khởi nghĩa khác mà lực lượng là binh lính trong quân đội Pháp đã diễn ra, đó là cuộc khởi nghĩa Đô Lương (hay còn gọi là cuộc binh biến Đô Lương). Cuộc khởi nghĩa Đô Lương nổ ra ngày 13/1/1941, không do Đảng Cộng sản Đông Dương trực tiếp lãnh đạo, nhưng lại chịu ảnh hưởng của chủ trương khởi nghĩa vũ trang của Đảng.

Theo tác giả Trần Huy Liệu, một số binh lính người Việt dưới quyền điều khiển của Đại trưởng Nguyễn Văn Cung đóng ở đồn Chợ Rạng, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, sau khi được đọc truyền đơn kêu gọi của Đảng Cộng sản Đông Dương, đã kiên quyết đứng dậy khởi nghĩa². Cuộc khởi nghĩa được chuẩn bị nhanh chóng,

1. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 324.

2. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 66.

chỉ 5 ngày sau khi Đội Cung về nhậm chức tại đồn này. Kế hoạch khởi nghĩa được vạch ra chớp nhoáng và triển khai ngay nên tạo ra được yếu tố bất ngờ. Nghĩa quân định sẽ chiếm đồn Chợ Rạng, rồi kéo về Vinh chiếm trại khổ xanh, đánh chiếm tinh lý, dùng Nghệ An làm căn cứ để mở rộng phạm vi hoạt động sang Hà Tĩnh và Thanh Hóa.

Thực hiện kế hoạch này, tối ngày 13/1/1941, nghĩa quân từ chợ Rạng đi ôtô lên Đô Lương chiếm đồn binh, nhà bưu điện, sở thương chính, rồi tập hợp thêm lực lượng được tổng cộng 36 người dùng ba chiếc ô tô kéo về Vinh. Về tới Vinh, nghĩa quân định chiếm đồn binh, giết giám binh Desjroux nhưng bị lộ. Cuộc khởi nghĩa nhanh chóng bị thất bại.

Tòa án quân sự của Pháp họp từ ngày 18 đến 20/2/1941, tại Hà Nội kết án tử hình 10 chiến sĩ, 12 án khổ sai chung thân, 24 án khổ sai từ 5 đến 20 năm. Đội Cung và các đồng chí của ông như Cai Vy (Lê Văn Vy), Lê Văn Chương, Nguyễn Văn Khiết, Nguyễn Bạt, Cao Văn Tuấn, Nguyễn Văn Ba, Võ Viết Thot, Nguyễn Văn Khôi, Bùi Tinh và Huỳnh Văn Coi đã bị Pháp đưa về hành hình tại Chợ Rạng ngày 25/4/1941¹.

Về cuộc khởi nghĩa này, để biểu dương phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 5/1941) viết:

“Ngày 13/1/1941, Đội Cung với 50 anh em binh lính Đô Lương ở Chợ Rạng nỗi dậy bạo động cướp đồn. Một tên quan một và hai vợ chồng anh kiêm lâm bị Tây giết, toán quân ấy liền kéo về lấy thành Vinh. Nhưng công việc chưa thành thì cả toán quân đều bị bắt vào 14/1. Cuộc này do Đội Cung và 50 anh em binh lính tự động, không có Đảng chỉ huy”².

1. Tiếng dân, số ra ngày 1/3/1941. Dẫn theo: Dương Trung Quốc, Việt Nam những sự kiện lịch sử..., Sđd, tr. 325.

2. Dẫn theo: Dương Trung Quốc, Việt Nam những sự kiện lịch sử..., Sđd, tr. 324.

Cuộc khởi nghĩa bị thất bại nhanh chóng nhưng đã trở thành tấm gương về lòng quả cảm, bất khuất trước kẻ thù dân tộc của nhân dân ta. Tác giả Trần Huy Liệu viết:

*"Cuộc khởi nghĩa Đô Lương lại một lần nữa tố rõ sự khùng hoảng đến cao độ trong hàng ngũ quân đội Pháp và tinh thần khởi nghĩa đang sôi sục trong binh lính, cũng như trong các tầng lớp nhân dân khác, tin theo tiếng gọi của Đảng Cộng sản Đông Dương, chờ đợi ngày tổng khởi nghĩa giải phóng dân tộc"*¹.

Phong trào khởi nghĩa cuối năm 1940 đầu năm 1941 không thành công nhưng đã biểu dương tinh thần phản kháng của nhân dân ta đối với kẻ thù dân tộc. Mặt khác, những cuộc khởi nghĩa liên tiếp diễn ra trong phong trào đó cũng chứng tỏ thời cơ của một cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền đang dần dần bộc lộ và hứa hẹn chín muồi "... là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu tranh đấu bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương"². Những kinh nghiệm xương máu được rút ra từ sự thất bại của những cuộc khởi nghĩa đó đã giúp Đảng Cộng sản Đông Dương hoàn chỉnh thêm đường lối chiến lược và sách lược cho cách mạng Việt Nam trong các kỳ hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần VII và VIII, với tinh thần đưa nhiệm vụ dân tộc lên trên hết, chuẩn bị lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, chọn thời cơ, tiến hành khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa toàn quốc.

3. Hội nghị Trung ương lần thứ VII (tháng 11/1940)

Tháng 9/1940, Nhật nhảy vào Đông Dương, Pháp - Nhật cùng đặt ách đô hộ lên nhân dân Đông Dương, nhiều tổ chức, đảng phái thân Nhật và thân Pháp thi nhau ra đời, phá hoại cách mạng. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc khỏi hai tên phát xít Pháp - Nhật trở nên

1. Trần Huy Liệu, *Tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 67.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, 1940-1945, Sđd, tr. 109.

khẩn thiết hơn bao giờ hết. Cũng lúc đó, các cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp - Nhật của nhân dân ta đã nổ ra ở Bắc Sơn hoặc đang được chuẩn bị ráo riết ở Nam Kỳ báo hiệu một thời kỳ đấu tranh vũ trang, kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến tới tổng khởi nghĩa. Trước những diễn biến đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã triệu tập Hội nghị lần thứ VII từ ngày 6 đến ngày 9/11/1940 tại làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, với sự tham dự của các đồng chí Trường Chinh, Phan Đăng Lưu, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Trần Đăng Ninh.

Sau khi phân tích tinh hình thế giới và trong nước, Nghị quyết Hội nghị nêu rõ nguy cơ các dân tộc Đông Dương một cỗ đôi tròng dưới ách Pháp - Nhật. Điều đặc biệt là Hội nghị đặt hẳn vấn đề khởi nghĩa vũ trang vào chương trình nghị sự. Hội nghị khẳng định:

*"Một cao trào cách mạng nhất định sẽ nổi dậy. Đảng phải chuẩn bị để gánh lấy cái sứ mạng thiêng liêng lãnh đạo cho các dân tộc bị áp bức ở Đông Dương vũ trang bạo động giành lấy quyền tự do độc lập"*¹.

Hội nghị khẳng định sự đúng đắn của việc chuyển hướng chiến lược, nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, tạm rút khẩu hiệu cách mạng ruộng đất của Hội nghị tháng 11/1939. Khi chỉ rõ kẻ thù chủ yếu lúc này là phát xít Pháp - Nhật, Hội nghị đã quyết định đổi Mặt trận Thống nhất phản đế Đông Dương thành Mặt trận Chống phát xít Pháp - Nhật ở Đông Dương, với thành phần được mở rộng hơn, trong đó "giai cấp vô sản liên lạc mật thiết với bần nông, liên minh với trung nông và tiểu tư sản thành thị, bắt tay tư sản bần xú và địa chủ phản đế, liên hiệp với Hoa kiều kháng Nhật và những người Pháp chống phát xít, chống đầu hàng và có những xu hướng dân chủ, tán thành cho Đông Dương độc lập"². Hội nghị

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, 1940-1945, Sđd, tr. 58.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, 1940-1945, Sđd, tr. 77.

còn nhấn mạnh liên hiệp mặt trận phản đế Đông Dương với mặt trận kháng Nhật ở Trung Quốc.

Điều đặc biệt đáng lưu ý là ở Hội nghị lần này, vấn đề khởi nghĩa vũ trang đã được đưa vào chương trình nghị sự của cách mạng Đông Dương trong hoàn cảnh mới. Hội nghị nhận định rằng, Đông Dương "chưa đúng trước tình thế trực tiếp cách mạng"¹, nhưng trong tình hình lúc đó, cuộc cách mạng có thể nổ ra bằng những cuộc khởi nghĩa địa phương ở những nơi có điều kiện, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Về tổ chức lực lượng vũ trang, Hội nghị chỉ rõ sự cần thiết "*phải lựa chọn người trong các đoàn thể mặt trận để mở rộng các đội tự vệ*"². Hội nghị quyết định duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn "*làm vốn đầu tiên cho khởi nghĩa vũ trang sau này*"³; thành lập những tiểu tổ du kích vừa chiến đấu vừa phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thành lập căn cứ du kích lấy Bắc Sơn - Võ Nhai làm trung tâm do Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo và giao cho Hoàng Văn Thụ tổ chức thực hiện; hoàn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ vì điều kiện thắng lợi của cuộc khởi nghĩa trong cả nước, cũng như ở Nam Kỳ đều chưa chín muồi.

Để kiện toàn cơ quan lãnh đạo, Hội nghị cử ra Ban Chấp hành trung ương lâm thời và phân công đồng chí Trường Chinh làm quyền Tổng Bí thư, đồng thời quyết định nối liên lạc với Quốc tế Cộng sản và bộ phận của Đảng ở nước ngoài.

Đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam còn tiếp tục được Đảng Cộng sản Đông Dương hoàn chỉnh qua Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII, tháng 5/1941.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 58.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 81.

3. Viện Lịch sử quân sự, *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr. 46.



Đồng chí Trường Chinh

Nguồn: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam sơ thảo*, tập 1, 1920 - 1954, Nxb. Sự thật, 1982, tr. 338.



Đồng chí Hoàng Văn Thụ

Nguồn: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam sơ thảo*, tập 1, 1920 - 1954, Nxb. Sự thật, 1982, tr. 326.



Đồng chí Phan Đăng Lưu

Nguồn: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam sơ thảo*, tập 1, 1920 - 1954, Nxb. Sự thật, 1982, tr. 314.



Đồng chí Hoàng Quốc Việt

Nguồn: http://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_Qu%E1%BB%91c_Vi%E1%BB%77t.

4. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII (tháng 5/1941)

a. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước

Vào cuối năm 1938, khi cuộc chiến tranh đế quốc đang chờ bùng nổ, bằng sự nhạy bén tư duy chính trị của mình, Nguyễn Ái Quốc quyết định rời Liên Xô về Trung Quốc để tiện theo dõi tình hình cách mạng Việt Nam. Tại Trung Quốc, Người dừng lại hoạt động một thời gian ngắn ở Tây An và Diên An. Sau đó, theo một đơn vị Bát Lộ quân, Nguyễn Ái Quốc đến Quế Lâm tìm cách bắt liên lạc với các đồng chí trong nước. Năm 1939, qua đường dây liên lạc, Người viết một số bài báo gửi về nước để đăng trên tờ báo công khai của Đảng là tờ *Tiếng nói chúng ta* (Notre Voix) và chăm chú theo dõi tình hình cách mạng Việt Nam. Rồi, khi chiến tranh thế giới chính thức nổ ra, thấm nhuần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, Người thấy đây là một thời cơ thuận lợi để thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc. Người quyết định trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Đầu năm 1940, với bí danh là Hồ Quang, Trần Vương, Người đến Côn Minh, một địa điểm không xa biên giới Việt - Trung và bắt liên lạc với cơ sở của Đảng ở đây là Chi bộ Vân Quý - một chi bộ đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập ở Vân Nam từ năm 1930 và Hải ngoại bộ do Phùng Chí Kiên phụ trách¹. Tại Côn Minh, Nguyễn Ái Quốc đã gặp gỡ, bàn bạc với Phùng Chí Kiên, Ủy viên Trung ương Đảng, được Trung ương ủy nhiệm sang Trung Quốc đón Người từ tháng 9/1939 và sau đó là với Phạm Văn Đồng và Võ Nguyên Giáp mới từ trong nước sang. Tháng 6/1940, được tin Pháp đầu hàng Đức, Nguyễn Ái Quốc triệu tập một cuộc họp tại Cơ quan ở ngoài nước của Đảng (còn gọi là Hải ngoại Bộ) ở Côn Minh để phân tích tình hình và chuẩn bị kế hoạch hành động. Người nhận định:

1. Trần Hữu Đính, Lê Trung Dũng, *Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện*, Sđd, tr. 76.

"Việc Pháp mất nước là một cơ hội thuận lợi cho cách mạng Việt Nam", do đó, "Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng"¹.

Đồng thời, Nguyễn Ái Quốc đã bàn bạc với các đồng chí về kế hoạch thành lập khu căn cứ cách mạng ở Cao Bằng. Sau đó, Người đến Trùng Khánh để bàn bạc với Đảng Cộng sản Trung Quốc về việc phối hợp đấu tranh cách mạng giữa hai nước². Từ Trùng Khánh, Nguyễn Ái Quốc trở về Quế Lâm, rồi đến Tĩnh Tây. Tại đây, Người chỉ đạo các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp tổ chức ra "*Việt Nam độc lập đồng minh hội, hải ngoại biện xứ*", mở các lớp huấn luyện cho cán bộ từ trong nước sang. Tháng 12/1940, đồng chí Hoàng Văn Thụ thay mặt Trung ương Đảng tới Tĩnh Tây (Trung Quốc) báo cáo với Người về tình hình cách mạng trong nước. Người quyết định phải khẩn trương trở về nước để trực tiếp lãnh đạo cách mạng và chủ trương xây dựng căn cứ địa cho cách mạng Việt Nam. Cao Bằng chính là cứ điểm đầu tiên được Người lựa chọn để xây dựng thành căn cứ địa.

Phải nói rằng sự lựa chọn sáng suốt này của Người đã trở thành tiền đề tối quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

Ngày 28/1/1941, Nguyễn Ái Quốc cùng với các đồng chí Phùng Chí Kiên, Lê Quảng Ba vượt qua cột mốc 108 biên giới Việt - Trung trở về Tổ quốc sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài. Người đặt cơ quan lãnh đạo tại hang Cốc Bó, thuộc bản Pắc Bó, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng và tiến hành ngay công tác tuyên truyền, giáo dục cách mạng cũng như trực tiếp chỉ đạo công tác thí điểm thành lập Mặt trận Việt Minh ở Cao Bằng. Người mở các lớp huấn luyện cán bộ cách mạng với các tài liệu do Người biên soạn mà sau đó được in thành tập sách "*Con đường giải phóng*". Để khơi dậy

1. Trần Hữu Đính, Lê Trung Dũng, *Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện*, Sđd, tr. 76.
2. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 326.

truyền thống yêu nước và tinh thần đấu tranh bất khuất của nhân dân ta, Người soạn "*Lịch sử Việt Nam*" bằng thơ. Người còn dịch "*Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô*" để huấn luyện lý luận và thực hành cách mạng cho cán bộ. Người cũng biên soạn những tài liệu về chiến thuật du kích để đào tạo cán bộ chính trị và quân sự cho phong trào cách mạng. Đồng thời, Người quyết định ra một tờ báo lấy tên là *Việt Nam độc lập* (gọi tắt là *Việt lập*), có nội dung dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo, phù hợp với trình độ của mọi người để đoàn kết mọi người và dạy mọi người làm cách mạng, như Người mong muốn một cách nôm na nhưng thật sâu sắc là:

*"Việt Nam độc lập" thổi kèn loa
Kêu gọi dân ta trẻ lẩn già
Đoàn kết vững bền như khói sắt
Để cùng nhau cứu nước Nam ta"*¹

Việt Nam độc lập có 2 trang, in trên đá, khổ nhỏ, mỗi tháng 1 kỳ, mỗi kỳ khoảng 400 bản². Số đầu tiên (101) phát hành vào ngày 1/8/1941 và cho đến ngày tổng khởi nghĩa tháng 8/1945, báo ra được 126 số, trong đó "*đoàn kết*" trở thành chủ đề thường xuyên của tờ báo. Các bài báo đã nêu một cách ngắn gọn, súc tích nội dung "*đoàn kết*" trong tất cả các tầng lớp nhân dân, từ công nhân, nông dân đến đồng bào các dân tộc thiểu số, phụ nữ, thanh niên, phụ lão, thiếu nhi. Cùng với sự mở rộng của căn cứ địa cách mạng, tờ báo mở rộng dần phạm vi ảnh hưởng, từ chỗ chỉ là báo của Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng (từ số 1 đến số 33), từ số 34 (6/1942), *Việt Nam độc lập* trở thành báo của Liên tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng - Bắc Cạn, rồi từ tháng 1/1944 trở đi đã trở thành cơ quan ngôn luận của Liên tỉnh bộ ba tỉnh Cao - Bắc - Lạng³. Hay cũng có thể nói ngược lại, tờ báo đóng vai trò rất lớn trong việc vận động cách mạng, xây dựng và mở rộng căn cứ địa cho cách mạng, tập hợp dân chúng trong mặt trận dân tộc thống nhất chống đế quốc.

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 3, Sđd, tr. 200.

2, 3. Nguyễn Thành, Báo chí cách mạng Việt Nam..., Sđd, tr. 267-268.

Nhờ những hoạt động đó của Người, phong trào cách mạng dần phát triển, mặt trận đoàn kết dân tộc được mở rộng, lực lượng vũ trang cách mạng từng bước trưởng thành.

Giữa năm 1941, trước những diễn biến mau lẹ của tình hình, sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, với tư cách đại biểu Quốc tế Cộng sản, Người đã triệu tập Hội Nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII và thành lập ra Mặt trận Việt Minh, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng Việt Nam phát triển, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

b. *Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII (tháng 5/1941) - Mặt trận Việt Minh*

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII diễn ra từ ngày 10 đến ngày 19/5/1941, tại khu rừng Khuổi Nậm, bản Pắc Bó (Hà Quảng, Cao Bằng). Tham gia hội nghị là những cán bộ chủ chốt của Đảng như Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Phùng Chí Kiên, Hoàng Quốc Việt cùng một số đại biểu của Xứ ủy Bắc Kỳ và Trung Kỳ cùng đại biểu tổ chức Đảng hoạt động ở hải ngoại.

Phân tích tình hình thế giới và xu thế của thời đại, Hội nghị nhận định Liên Xô nhất định sẽ thắng, phong trào cách mạng thế giới sẽ phát triển nhanh chóng, cách mạng nhiều nước sẽ thành công và một loạt nước xã hội chủ nghĩa sẽ ra đời. Nghị quyết Hội nghị khẳng định:

*"Nếu cuộc đế quốc chiến tranh lần trước đã đe ra Liên Xô, một nước xã hội chủ nghĩa thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đe ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công"*¹.

Đảng luôn xem cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới nên đã đề ra nhiệm vụ phải tích cực ủng hộ Liên Xô và cách mạng Trung Quốc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 100.

Về tình hình trong nước, trên cơ sở phân tích thái độ chính trị của các giai cấp, các tầng lớp xã hội, Hội nghị nêu rõ: ở nước ta, mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với phát xít Pháp - Nhật để giải phóng dân tộc. Nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu. Nghị quyết Hội nghị ghi:

“Pháp - Nhật ngày nay không phải chỉ là kẻ thù của công nông mà là kẻ thù của cả dân tộc Đông Dương. Trong lúc này, khẩu hiệu của Đảng ta là trước hết phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách của giặc Pháp - Nhật”¹.

Mà “muốn là trong nhiệm vụ ấy, trước hết phải tập trung cho được lực lượng cách mạng toàn cõi Đông Dương, không phân biệt thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bán xú, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, đánh tan giặc Pháp - Nhật xâm chiếm nước ta. Sự liên minh tất cả các lực lượng của tất cả các giai cấp, đảng phái, các nhóm cách mạng cứu nước, tôn giáo, các dân tộc kháng Nhật đó là cốt yếu của Đảng ta. Nói như thế không phải Đảng ta thủ tiêu vấn đề giai cấp đấu tranh trong cuộc cách mạng Đông Dương. Không vấn đề giai cấp đấu tranh vẫn tồn tại mãi. Nhưng trong giai đoạn hiện nay, quốc gia trước hết, thì tất cả những yêu sách của bộ phận mà có lợi đến quyền lợi của giai cấp, có hại đến quyền lợi của dân tộc thì phải gác lại để giải quyết sau. Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử tồn vong của quốc gia, dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 112.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 112-113.

Hội nghị xác định lại nhiệm vụ chiến lược cung túc là tính chất của cuộc cách mạng Việt Nam lúc này là:

“Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng giải quyết hai vấn đề phản đế và điền địa nữa mà là cuộc cách mạng chỉ giải quyết một vấn đề cần kíp là “dân tộc giải phóng”. Vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”¹.

Để thực hiện đường lối đó, nhiều biện pháp về tư tưởng, tổ chức đã được đề ra để vận động cách mạng.

Một vấn đề hết sức quan trọng được quyết định trong hội nghị lần này, khác hẳn so với ở những hội nghị lần trước, đó chính là quyết định vấn đề xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất. Căn cứ vào hoàn cảnh mới của thế giới và Đông Dương, dựa vào lý luận về quyền dân tộc tự quyết của Lênin, hội nghị chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước của Liên bang Đông Dương, trao lại quyền tự chủ cho nhân dân mỗi nước trong việc giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc và quyền lựa chọn thể chế chính trị tương lai của dân tộc mình cho nhân dân mỗi nước. Sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ tùy theo ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hoà dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia.

Riêng đối với Việt Nam, Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh, chọn thể chế Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho nước Việt Nam sau khi giành được độc lập và chọn lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm quốc kỳ cho riêng nước Việt Nam.

Như vậy, tiếp tục tinh thần uốn nắn, bổ sung, điều chỉnh khuynh hướng đấu tranh giai cấp giáo điều “tả khuynh” trong *Luận cương chính trị* tháng 10/1930 cũng như tiếp tục chủ trương “thay đổi

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 119.

"chính sách" cho cách mạng Việt Nam của các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương VI và VII được trình bày ở trên, Hội nghị Trung ương VIII dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã dứt khoát thực hiện triệt để hơn việc chuyển hướng chiến lược cách mạng. Điều này thể hiện sự dũng cảm, đổi mới tư duy chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương, sự sáng tạo của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, được Người trình bày trước hết trong Chánh cương, Sách lược văn tắt cho Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 và sau đó, trong Hội nghị Trung ương lần thứ VIII do Người trực tiếp chỉ đạo.

Để tiến tới giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Hội nghị xác định cụ thể các hình thức tổ chức, vận động, huấn luyện quần chúng và tranh đấu của Việt Minh. Các đoàn thể hợp thành Mặt trận Việt Minh là các tổ chức cứu quốc các loại, trong đó nòng cốt là công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ cứu quốc hội... Về phương pháp vận động quần chúng, Hội nghị chủ trương "*hạ thấp điều lệ xuống cho dễ thu phục hội viên và cho các đoàn thể phát triển hơn. Trong khi đi tổ chức một đoàn thể cứu quốc, điều cốt yếu là không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muôn tranh đấu cứu quốc*"¹.

Dựa vào lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng để phân tích tình hình trong nước và quốc tế, Hội nghị đưa ra những phán đoán táo bạo và hết sức quan trọng về thời cơ của một cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Đông Dương². Đó chính là: kết cục của cuộc Chiến tranh Thế giới thứ hai sẽ là sự thắng lợi tất yếu của phe Đồng minh và sự thất bại không tránh khỏi của phát xít Nhật và phe Trục. Trên cơ sở nhận thức rằng: "*Cuộc cách mạng ở Đông Dương phải kết liễu*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 124-125.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 129.

bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang..."¹, Hội nghị quyết định phải xúc tiến ngay công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền và coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng, của nhân dân Việt Nam trong giai đoạn hiện tại.

Để đưa cuộc khởi nghĩa đó đến thắng lợi, Hội nghị chỉ ra việc cần phải phát triển lực lượng cách mạng và hình thức tổ chức thích hợp, tiến hành xây dựng căn cứ địa cách mạng và trong hoàn cảnh cho phép có thể đi từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước. Nghị quyết hội nghị ghi: "với lực lượng sẵn có ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn"². Điều này tránh diễn ra những cuộc khởi nghĩa non, tồn tại đến lực lượng cách mạng, đồng thời cũng tránh tình trạng ỷ lại, thiếu chủ động, bỏ lỡ thời cơ giành chính quyền.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong hoàn cảnh mới mà nhiệm vụ ngày càng nặng nề, Hội nghị đặc biệt coi trọng công tác cán bộ, nâng cao năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng. Hội nghị chính thức bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong đó đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư và một Ban thường vụ Trung ương gồm các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt³. Ngày 19/5/1941, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII bế mạc.

Sau Hội nghị, Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đoàn kết xung quanh Mặt trận Việt Minh đánh Pháp, đuổi Nhật. Nhắc lại tinh thần Hội nghị VIII, Người viết:

"Trong lúc này, quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cưu giỗng nòi ra khỏi nước sâu lửa nóng"⁴.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 129.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 131-132.

3. Dẫn theo: Viện Lịch sử Đảng, *Cách mạng tháng Tám...*, Sđd, tr. 45.

4. Hồ Chí Minh *toàn tập*, tập 3, Sđd, tr. 198 và Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 167.

Mặt trận Việt Minh

Một trong những nội dung quan trọng của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII là vấn đề thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất chống đế quốc. Theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, ngày 19/5/1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VIII quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh, gọi tắt là Việt Minh, thay cho Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đồng Dương.

Mục đích của việc thành lập Việt Minh được nêu rõ trong Chương trình Việt Minh là:

*"... Liên hiệp hết thảy các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể cách mạng, các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại, chiến đấu đánh đổ chủ nghĩa đế quốc phát xít Nhật, giành quyền độc lập cho nước Việt Nam... lập chính phủ nhân dân của nước Việt Nam dân chủ công hoà, do Quốc dân Đại hội cử lên, lấy cờ đỏ, sao vàng năm cánh làm quốc cờ..."*¹.

Việt Minh như tên gọi của nó là một mặt trận riêng của nước Việt Nam, mang tính dân tộc đậm nét, nhưng trong Chương trình của mình, Việt Minh khẳng định là sẽ "*hết sức giúp đỡ Ai Lao Độc lập Đồng minh và Cao Miên Độc lập Đồng minh để cùng thành lập Đồng Dương Độc lập Đồng minh hay là mặt trận thống nhất dân tộc phản đế toàn Đồng Dương*"². Như vậy, vừa đảm bảo quyền dân tộc tự quyết, vừa đảm bảo tính quốc tế của phong trào cộng sản.

Mặt trận Việt Minh tự tuyên bố "*là một đoàn thể cách mạng chân chính có chủ trương cứu nước đúng đắn và lập trường chính trị rõ ràng*"³. Theo tinh thần của Hội nghị Trung ương lần thứ VIII, Việt Minh là một tổ chức quần chúng hết sức rộng rãi tập hợp các

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 149-150.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 149.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 457 (Lời tựa *Tuyên ngôn Việt Nam độc lập đồng minh*).

thành viên là các tổ chức quần chúng yêu nước, chống đế quốc, mang tên là các Cứu quốc hội mà "*điều cốt yếu không phải là hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muôn tranh đấu cứu nước...*"¹, bao gồm: Công nhân cứu quốc hội; Nông dân cứu quốc hội; Quân nhân cứu quốc hội; Văn hóa cứu quốc hội; Phụ nữ cứu quốc hội; Thanh niên cứu quốc hội; Phật giáo cứu quốc hội; Việt kiều cứu quốc hội...

Bản Tuyên ngôn của Việt Minh được công bố vào ngày 25/10/1941 nói rõ hơn rằng:

"Việt Minh chủ trương liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn.

*... Coi quyền lợi của dân tộc cao hơn hết thảy, Việt Minh sẵn sàng giơ tay đón tiếp những cá nhân hay đoàn thể, không cứ theo chủ nghĩa quốc tế hay quốc gia, miễn thành thực đánh đuổi Nhật, Pháp để dựng lên nước Việt Nam tự do và độc lập"*².

Nội dung Chương trình cứu nước 44 điểm của Việt Minh là hệ thống các chính sách căn bản về đối nội và đối ngoại.

Về chính trị: thi hành phổ thông đầu phiếu; ban bố các quyền tự do dân chủ; thành lập đội quân cách mạng, trường trị bọn phản quốc, giữ vững chính quyền cách mạng; bình đẳng giới và thực hiện quyền dân tộc tự quyết.

Về ngoại giao: hủy bỏ những hiệp ước Pháp ký với bất cứ nước nào; ký kết những hiệp ước giao hảo và bình đẳng với mọi nước về các phương diện; chủ trương các dân tộc bình đẳng; hết sức giữ gìn hòa bình; kiên quyết chống những sự xâm phạm đến quyền tự do độc lập của nước Việt Nam; liên hiệp với tất cả nhân dân các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

1. Trung ương Hội nghị lần thứ tám Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Sđd, tr. 125.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Sđd, tr. 461.

Về kinh tế: bỏ thuế thân và các thứ thuế do đế quốc đặt ra. Đặt thuế mới nhẹ và công bằng. Quốc hữu hóa các ngân hàng của đế quốc. Mở mang các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải. Chia lại công điền, phát triển thủy lợi, khai hoang, mở mang giao thông vận tải.

Về văn hóa - giáo dục: bài trừ văn hóa phản động, phát triển nền văn hóa dân tộc; mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ dạy trong các trường học của mình; phô cập tiêu học, thành lập các trường chuyên môn, huấn luyện chính trị, quân sự, kỹ thuật đào tạo nhân tài. Khuyến khích và giúp đỡ trí thức phát triển tài năng. Lập các cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao.

Về xã hội: thi hành luật lao động; lập các nhà thương, nhà đờ đê, nhà dưỡng lão; xây dựng các nhà chiếu bóng, diễn kịch, câu lạc bộ, thư viện để nâng cao trình độ trí dục cho nhân dân.

Chương trình Việt Minh còn công bố những điểm cơ bản trong chính sách đối với tất cả các tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, binh lính, học sinh, phụ nữ, thương nhân và các nhà kinh doanh, viên chức, người già, người tàn tật, nhi đồng, Hoa kiều...

Từ đó có thể nhận thấy rằng, Mặt trận Việt Minh ra đời là để hướng tới mục tiêu thỏa mãn mong ước của mọi người dân là:

"1. *Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập*

2. *Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do*"¹.

Sau khi Mặt trận Việt Minh ra đời, ngày 6/6/1941, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã viết "Kính cáo đồng bào" để nói rõ hơn về Mặt trận Việt Minh và kêu gọi đồng bào ủng hộ Mặt trận này². Rồi, để làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cách mạng, Tổng bộ Việt Minh quyết định thành lập cơ quan ngôn luận lấy tên là Cứu quốc

1. "Việt Nam độc lập đồng minh. II". *Chương trình*. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 470.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 166, 168.

do Ban tuyên truyền cỗ động Trung ương phụ trách (sau này do Xứ ủy Bắc Kỳ chỉ đạo) và ngày 25/1/1942, *Báo Cứu quốc* đã ra số đầu tiên trong điều kiện bí mật. Các xứ bộ Việt Minh, tinh bộ Việt Minh, các tổ chức cứu quốc, theo gương tờ *Việt lập* của Việt Minh Cao Bằng ở trên cũng đều ra báo riêng làm cơ quan hướng dẫn việc thực hiện chủ trương, đường lối của Việt Minh ở từng địa phương, từng đơn vị cụ thể¹. Nhờ vậy, Việt Minh đã phát triển một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho sự phát triển của phong trào chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang trên phạm vi toàn quốc.

Tóm lại, với những tư tưởng và đường lối trên đây, quá trình chuyển hướng chiến lược và sách lược (tức là "*thay đổi chính sách*" theo cách gọi của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương VII) của cách mạng Việt Nam từ khi Chiến tranh thế giới thứ hai chuẩn bị nổ ra, thông qua các kỳ Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương VI (11/1939), VII (11/1940) và VIII (5/1941) đến đây coi như đã hoàn thành. Đường lối gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng quần chúng, xây dựng căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang, chuẩn bị thời cơ đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, xây dựng một nhà nước dân chủ cộng hòa đã trở thành ngọn cờ dẫn đường cho nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này.

II. PHONG TRÀO ĐÁU TRANH VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG TỪ THÁNG 5/1941 ĐẾN NGÀY 9/3/1945

1. Xây dựng căn cứ cách mạng

Sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII, đúng như dự đoán, tình hình đã diễn biến mau lẹ. Ngày 22/6/1941, Đức

1. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 35.

xâm lược Liên Xô. Ngày 8/12/1941, Nhật tấn công Anh, Mỹ, cuộc chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ. Cuộc chiến tranh giữa các nước đế quốc chuyển thành cuộc chiến giữa hai phe: phe trực phát xít Đức - Ý - Nhật và phe dân chủ, đứng đầu là Liên Xô, Anh, Mỹ và Pháp De Gaulle cùng với phong trào chống phát xít ở các nước thuộc địa, phụ thuộc, trong đó có Trung Quốc và Việt Nam. Trước tình hình đó, Đảng gấp rút chỉ đạo triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ VIII. Tháng 12/1941, Trung ương ra chỉ thị về công tác tổ chức, tăng cường kiện toàn các tổ chức Đảng và phát triển tổ chức quần chúng bằng nhiều hình thức thích hợp. Cũng trong tháng 12/1941, trong "*Thông cáo Cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cầm kíp của Đảng*", Trung ương chỉ thị cho các địa phương phải vận động nhân dân đấu tranh chống địch đòi những quyền lợi hằng ngày, củng cố và mở rộng các đội tự vệ cứu quốc, thành lập các tiểu tổ du kích tiến lên thành lập đội du kích chính thức, mở rộng cơ sở quần chúng và lực lượng vũ trang ở các khu du kích tiến lên phát động khởi nghĩa giành chính quyền.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ VIII và những Chỉ thị này, các cơ sở Đảng được mở rộng, các tổ chức cứu quốc của quần chúng phát triển ở cả nông thôn và thành thị, việc xây dựng các căn cứ địa và lực lượng vũ trang quần chúng được đẩy mạnh.

a. Khu căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhại và việc thành lập đội cứu quốc quân

Sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, ngày 13, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VII tháng 11/1940 quyết định duy trì lực lượng vũ trang Bắc Sơn, lập những đội du kích dùng hình thức vũ trang công tác, khi cần thì chiến đấu chống khủng bố, bảo vệ sự mệnh tài sản của nhân dân, phát triển cơ sở cách mạng, tiến tới thiết lập căn cứ địa du kích, lấy vùng Bắc Sơn - Vũ Nhại làm trung tâm do Trung ương chỉ đạo và đồng chí Hoàng Văn Thụ phụ trách.

Việc đào tạo cán bộ quân sự cho Đội du kích Bắc Sơn đã được tiến hành khẩn trương bằng hai khóa huấn luyện ở Đức Thắng (Bắc

Giang) do Lương Văn Tri (tốt nghiệp trường Hoàng Phố) phụ trách¹. Một số cán bộ từ đồng bằng cũng được tăng cường cho Bắc Sơn. Trung ương cử Trần Đăng Ninh và Hoàng Văn Thủ trực tiếp chỉ huy việc xây dựng khu căn cứ địa Bắc Sơn. Ngày 14/2/1941, Đội du kích Bắc Sơn với 32 chiến sĩ chính thức được thành lập tại khu rừng Khuổi Nọi, xã Vũ Lễ, châu Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn do Chu Văn Tân và Lương Văn Tri chỉ huy². Trong buổi lễ, đồng chí Hoàng Văn Thủ - Ủy viên Trung ương Đảng đã trao cho toàn đội lá cờ đỏ sao vàng và thông báo chủ trương của Trung ương phát triển du kích Bắc Sơn thành Cứu quốc quân, làm lực lượng nòng cốt xây dựng căn cứ địa cách mạng Bắc Sơn - Võ Nhai³. Sau Hội nghị Trung ương VIII, đội du kích Bắc Sơn được đổi thành Trung đội cứu quốc quân thứ nhất, có nhiệm vụ vừa huấn luyện vừa bảo vệ căn cứ địa và phát triển lực lượng.

Điên cuồng trước sự phát triển của phong trào, thực dân Pháp tăng cường càn quét, khủng bố, lùng bắt các đồng chí Trung ương từ Pắc Bó về xuôi và tiêu diệt quân du kích Bắc Sơn. Tháng 6/1941, chúng điều động một lực lượng lớn binh lính thực hiện vây ráp khu vực Bắc Sơn - Võ Nhai, từ Thái Nguyên lên Đinh Cả, từ Lạng Sơn xuống Bình Gia, Bắc Sơn và từ Bắc Giang vào Hữu Lũng, Yên Thế⁴. Trước tình hình đó, để duy trì lực lượng vũ trang làm hạt nhân nòng cốt sau này, đồng chí Phùng Chí Kiên - người được Trung ương ủy nhiệm phụ trách căn cứ từ tháng 6/1941 đã cùng toàn đội quyết định chỉ để lại một bộ phận ở Tràng Xá, số đông còn lại tìm đường rút lui qua biên giới Việt - Trung.

Ngày 27/7/1941, quân du kích được chia thành hai bộ phận rút lên Cao Bằng và Nam Quan (Lạng Sơn). Trên đường rút lui, số du

-
1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, 1961, tr. 86.
 2. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 327.
 3. Trần Hữu Đính, Lê Trung Dũng, *Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện*, Sđd, tr. 83.
 4. Trần Huy Liệu, *Tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 87.

kích do Phùng Chí Kiên và Lương Văn Tri chỉ huy bị địch chặn đánh và bị thiệt hại nghiêm trọng. Chỉ huy trưởng Phùng Chí Kiên bị hy sinh. Chính trị viên Lương Văn Tri bị bắt và sau đó hy sinh tại Cao Bằng. Nhóm thứ hai do Hoàng Văn Thái, Khai Lạc chỉ huy đã rút sang Trung Quốc an toàn¹. Bộ phận bám trụ tại địa bàn Tràng Xá do đồng chí Chu Văn Tân chỉ huy, mặc dù gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm nhưng đã kiên trì tiến hành công tác vũ trang tuyên truyền, thực hiện du kích chiến, duy trì lực lượng, đồng thời gây dựng cơ sở cách mạng trong nhân dân. Trên cơ sở đó, ngày 15/9/1941, Trung đội du kích thứ hai gồm 47 chiến sĩ được thành lập tại rìa Khuôn Méng, thôn Ngọc Mỹ, Tràng Xá (Thái Nguyên)². Từ sau Hội nghị cán bộ của Ủy ban quân chính Bắc Sơn - Võ Nhai vào tháng 10/1941, đơn vị này đổi tên là Trung đội Cứu quốc quân thứ hai, với nhiệm vụ chính là "thực hiện việc giải phóng do Mặt trận Việt Minh đề ra"³. Mặc dù được trang bị thô sơ nhưng ngay sau khi thành lập, trung đội này đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào quần chúng, bảo vệ và mở rộng khu căn cứ, hỗ trợ tích cực cho những cuộc đấu tranh chính trị cũng như làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng ở các địa phương. Kể từ thời điểm này, Cứu quốc quân không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Các chiến sĩ được học tập cả về chính trị và quân sự, đường lối của Đảng, Chương trình, Điều lệ của Việt Minh, Mười điều kỵ luật, chiến thuật du kích và kỹ thuật chiến đấu.

Tháng 10/1941, nhằm tăng cường chỉ đạo cho phong trào Bắc Sơn - Võ Nhai, Trung ương Đảng cử thêm một số cán bộ lên khu căn cứ và quyết định thành lập Ủy ban quân sự chính trị tại đây. Với lực lượng ngày một đông hơn, có tổ chức chặt chẽ hơn, cứu quốc quân tiến hành chống sự khủng bố của địch và xây dựng lực lượng trên các mặt trận chính trị, quân sự và binh vận với phương châm: quân sự và chính trị đi đôi; mở rộng khu du kích nhằm mục đích vận động chính trị, duy trì cơ sở quần chúng. Với phương

1. Trần Huy Liệu, *Tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 87.

2, 3. Trần Huy Liệu, *Tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 88.

châm hoạt động đúng đắn đó cùng với những phương pháp tuyên truyền hiệu quả "từ gia đình tới gia đình"¹, cũng như bằng phương tiện báo chí (tờ báo *Bắc Sơn* viết bằng chữ Quốc ngữ, chữ Tàu, chữ Hán), chỉ trong một thời gian ngắn, cho đến cuối năm 1941, đầu 1942, địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân đã được mở rộng ra các hướng: Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương (Thái Nguyên); Sơn Dương, Yên Sơn (Tuyên Quang). Lối đánh du kích của Cứu quốc quân đã làm tiêu hao một bộ phận lực lượng của địch, điển hình như các trận Khuôn Rã (5/10/1941), Lâu Hạ (17/1/1942), Suối Bùn (11/1/1942), đòn lính lê dương ở Tràng Xá (đêm 31/12/1941)... Công tác binh vận cũng thu được nhiều kết quả, Cứu quốc quân không chỉ vận động được nhiều binh lính là người Việt mà ngay cả lính Âu - Phi cũng chạy sang hàng ngũ cách mạng. Lực lượng cứu quốc quân không ngừng phát triển.

Tuy vậy, so sánh lực lượng giữa địch và Cứu quốc quân vào lúc này còn quá chênh lệch, hơn nữa, địch tăng cường biện pháp trả thù thảm độc cũng như điều kiện để bảo tồn lực lượng du kích quá khó khăn, đường liên lạc giữa căn cứ Võ Nhai và Trung ương bị phong tỏa, vì vậy, ngày 23/1/1942, Ủy ban quân chính Bắc Sơn - Võ Nhai quyết định "*tạm đình cuộc tấn công bằng quân sự, tăng cường cuộc tấn công về chính trị*"² và cuối cùng, ngày 12/3/1942 toàn thể 42 chiến sỹ Trung đội Cứu quốc quân thứ hai đã lên đường rút sang Trung Quốc an toàn. Một bộ phận còn lại ở vùng Đồng Hỷ phân tán vào dân để tiếp tục công tác vũ trang tuyên truyền, gây dựng cơ sở quần chúng ở các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn.

Tám tháng (từ tháng 7/1941 đến tháng 2/1942) hoạt động chống địch khủng bố, xây dựng căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, "*Cứu quốc quân đã nêu một tấm gương sáng chói về tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất, tinh thần tự lực cánh sinh, vượt khó khăn gian*

-
1. Viện Lịch sử quân sự, *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Sđd, tr. 63.
 2. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 94.

*khổ của một đội quân cách mạng*¹. Không những giữ gìn, phát triển được lực lượng, tiêu hao sinh lực địch, Cứu quốc quân còn bảo vệ, giữ vững cơ sở cách mạng, mở rộng căn cứ địa, duy trì được tinh thần khởi nghĩa Bắc Sơn và phong trào cách mạng ở khu căn cứ Bắc Sơn - Võ Nhai cỗ vũ phong trào toàn quốc, tạo chỗ dựa để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng ở các tỉnh Việt Bắc trong thời kỳ mới.

b. Căn cứ địa Cao Bằng - Bắc Cạn - Lạng Sơn

Tháng 6/1940, khi vừa về tới biên giới Việt - Trung, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chăm lo ngay tới việc xây dựng chỗ đứng chân cho cách mạng Việt Nam. Nơi được Người lựa chọn đầu tiên chính là Cao Bằng, bởi vì Người cho rằng:

*"Căn cứ địa Cao Bằng sẽ mở ra triển vọng lớn cho cách mạng ta. Cao Bằng có phong trào tốt từ trước, lại kề sát biên giới, lấy đó làm cơ sở liên lạc quốc tế rất thuận lợi. Nhưng từ Cao Bằng còn phải phát triển về Thái Nguyên và thông xuông nữa mới có thể tiếp xúc được với Thái Nguyên và toàn quốc thì khi phát động đấu tranh vũ trang, lúc thuận lợi có thể tấn công, lúc khó khăn có thể giữ"*².

Rồi do được Người trực tiếp chỉ đạo, mặc dù bị địch khùng bô dữ dội, phong trào cách mạng ở Cao Bằng vẫn ngày càng phát triển và vững chắc. Sau khoảng 3 tháng huấn luyện và vận động quần chúng tích cực ở ba châu Hòa An, Hà Quảng và Nguyên Bình, đến cuối tháng 4/1941, các hội cứu quốc đã phát triển tương đối tốt, thu hút được khoảng 2.000 hội viên gồm đủ các tầng lớp, lứa tuổi, thuộc đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao, Hmông, Kinh³.

Sau Hội nghị Trung ương VIII, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc, Cao Bằng đã trở thành một trong những tinh đi đầu trong

-
1. Viện Lịch sử quân sự, *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Sđd, tr. 66.
 2. Võ Nguyên Giáp, *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội, Hà Nội, 1969, tr. 33.
 3. Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 37.

cuộc vận động giải phóng dân tộc, nơi thí điểm đầu tiên của Mặt trận Việt Minh. Số cán bộ được Nguyễn Ái Quốc huấn luyện ở Quảng Tây về nước, trở thành lực lượng nòng cốt của phong trào. Nhờ công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nên đến cuối năm 1941, ở Cao Bằng đã xuất hiện nhiều xã "*hoàn toàn*" của Việt Minh. Đến đầu năm 1942, "*ba châu trong chín châu của Cao Bằng đã hoàn toàn nằm trong các xã, tổng của Việt Minh*"¹. Phần lớn quần chúng nhân dân trong các xã, tổng của địa phương đều tham gia vào các hội cứu quốc. Trong các xã "*hoàn toàn*", Ban Việt Minh xã làm chức năng chính quyền cơ sở. Trong các tổng và châu "*hoàn toàn*", các Ban Việt Minh đều do bầu cử dân chủ từ dưới lên. Tờ *Việt Nam độc lập* vừa tuyên truyền giải thích đường lối chính trị, vừa chỉ đạo công tác, được phổ biến trong các thôn, xóm. Các hội cứu quốc được như: Nông dân cứu quốc hội; Phụ nữ cứu quốc hội; Thanh niên cứu quốc hội; Phụ lão cứu quốc hội; Nhi đồng cứu vong hội... nhanh chóng được thành lập và phát triển một cách rầm rộ, đầu tiên là ở vùng các dân tộc Tày, Nùng, Thổ, Kinh cư trú, dần dần được mở rộng tới địa bàn các dân tộc ít người như Dao, Hmông. Sự tham gia tích cực của đồng bào các dân tộc vào phong trào cứu quốc không những góp phần đẩy mạnh tiến trình vận động cách mạng tại địa phương, cùng cố khôi đoàn kết toàn dân tộc mà còn gây ảnh hưởng tới cư dân của nhiều nơi khác trong cả nước.

Cùng với việc mở rộng phong trào Việt Minh, theo phương châm do Nguyễn Ái Quốc đưa ra: Việt Minh phát triển tới đâu là phát triển tự vệ tới đó, nên ở những nơi có phong trào Việt Minh đều đã tổ chức được các đội tự vệ chiến đấu. Trên cơ sở các tổ chức cứu quốc và lực lượng tự vệ cứu quốc, tháng 10/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã ra chỉ thị thành lập Đội du kích Pắc Bó - đội du kích thoát ly đầu tiên ở Cao Bằng, gồm 12 chiến sĩ làm hạt nhân cho hoạt động vũ trang của căn cứ Cao Bằng do đồng chí Lê Quảng

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 99.

Ba chỉ huy. Đồng thời, Việt Minh đã mở nhiều lớp học tập quân sự cấp tốc cho cán bộ để họ về địa phương huấn luyện cho các đội tự vệ. Đích thân lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã giảng dạy cho học viên của một số lớp học này. Đầu năm 1942, trước tình hình mới, Nguyễn Ái Quốc chỉ thị phân tán đơn vị, đưa các chiến sĩ về làm nòng cốt cho việc xây dựng lực lượng vũ trang ở các địa phương. Tháng 4/1942, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chuyển từ Pắc Bó về khu Lam Sơn, huyện Hòa An và Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Tại đây, trong khoảng thời gian tháng 5 và 6/1942, Người đã mở hai lớp huấn luyện về lý luận và công tác Đảng cho cán bộ chủ chốt của địa phương, chuẩn bị lực lượng cán bộ cho khu giải phóng sau này.

Nhờ sự cố gắng chung đó, đến giữa năm 1942, ở phần lớn các địa phương của Cao Bằng đã thành lập được các tổ đội vũ trang. Sang năm 1943, theo tác giả Trần Huy Liệu, tại Cao Bằng đã tổ chức được "*những cuộc tập trận giả huy động hàng mấy trăm tự vệ của mấy tổng*"¹. Không những thế, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc còn chỉ đạo tiến hành tuyển chọn một số cán bộ, chiến sĩ gửi sang Trung Quốc để được đào tạo về quân sự².

Về vũ khí, lúc đầu, các đội du kích phần nhiều chỉ được trang bị các loại thô sơ, tự tạo như súng săn, gươm, giáo mác, gậy gộc... Dần dần, Việt Minh đã lập được các công binh xưởng ở vùng núi Lam Sơn (Cao Bằng) để chế lựu đạn, địa lôi, rèn đúc súng đạn, gươm giáo³.

Trong giai đoạn đầu, nhiệm vụ chủ yếu của các đội vũ trang là bảo vệ khu căn cứ cách mạng, khuêch trương ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh bằng hình thức vũ trang tuyên truyền, đào tạo và huấn luyện cán bộ, chuẩn bị cho việc thành lập lực lượng vũ trang chính quy.

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 100.

2. Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Cách mạng tháng Tám...*, Sđd, tr. 83.

3. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 58, 61.

Cũng trong thời điểm này, tại Bắc Cạn, Lạng Sơn, cũng như ở nhiều địa phương khác của các tỉnh Tuyên Quang, Hà Giang, phong trào Việt Minh đã phát triển nhanh chóng, lôi cuốn sự tham gia của đông đảo đồng bào các dân tộc. Từ cuối năm 1941 sang đầu năm 1942, phong trào Việt Minh lan rộng ở khu vực phía Bắc Chợ Rã. Từ cơ sở Việt Minh Cao Tân (Chợ Rã), phong trào được nhen nhóm tại Cổ Linh, Cao Thượng. Cuối năm 1942, Ban Việt Minh liên xã Cao Minh (Cao Tân, Cao Thượng, Cổ Linh) được thành lập, trở thành tổ chức cách mạng đầu tiên của tỉnh Bắc Cạn.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Việt Minh ở các tỉnh trên đã cho phép Trung ương quyết định thành lập Liên tinh ủy Cao - Bắc - Lạng vào cuối năm 1942, đầu năm 1943.

Trước sự lớn mạnh rộng khắp của phong trào cách mạng, kẻ địch ráo riết tăng cường khủng bố, lùng sục tìm kiếm cán bộ, rào làng để ngăn chặn sự xâm nhập của Việt Minh, tung mật thám, gián điệp dò la tin tức... Để đối phó, Uỷ ban liên tinh Cao - Bắc - Lạng đã chủ trương thành lập các Tiểu tổ bí mật, gồm những cán bộ đã thoát ly ở các địa phương, hoạt động bí mật "*theo một quy cách nhất định... và bám sát nhân dân*"¹. Các tiểu tổ này "*chưa phải là đội vũ trang và đấu tranh vũ trang*" cho nên "*nhiệm vụ chủ yếu là bảo toàn cán bộ và giữ liên hệ với nhân dân*"². Từ bước đi ban đầu đó, Uỷ ban liên tinh đã quyết định tiến tới "*thành lập những đội vũ trang chuyên môn tuyển lựa trong đám tự vệ chiến đấu*"³. Nhiệm vụ chính của các đội vũ trang này là tiêu trừ Việt gian, phục kích các đội quân tuần tiễu hoạt động đơn tuyển của địch, ngăn chặn các hành động của các nhóm thổi phồng lợi dụng tình hình bất ổn để cướp bóc của cải của nhân dân.

1, 2. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 100.

3. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 100-101.

Sự phát triển của phong trào Việt Minh, sự lớn mạnh của lực lượng vũ trang cách mạng tại các tỉnh căn cứ địa Việt Bắc trên đây chứng tỏ sự vận động đúng hướng của cách mạng Việt Nam, trở thành chỗ dựa vững chắc cho phong trào Việt Minh của cả nước. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng lúc này phong trào cách mạng Việt Nam, mặc dù đã là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế, nhưng chưa thiết lập được mối liên hệ với bên ngoài và điều đáng nói là khu căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng vẫn đang trong tình trạng khá khu biệt, chưa liên thông được với phong trào toàn quốc. Nhiệm vụ đặt ra cho Việt Minh là vừa phải phát triển phong trào ở bên trong, vừa phải tìm cách liên lạc được với phong trào cộng sản quốc tế cũng như phong trào chống phát xít ở bên ngoài.

Nhận thức rõ tính bức thiết của vấn đề, ngày 13/8/1942, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (mang tên mới là Hồ Chí Minh), với danh nghĩa là đại biểu của Việt Nam Độc lập Đồng minh và phân bộ quốc tế phản xâm lược của Việt Nam đã rời căn cứ Cao Bằng sang Trung Quốc với mục đích liên hệ với cách mạng Trung Quốc cũng như với đại diện của quân Đồng minh ở mặt trận Hoa Nam. Thế nhưng, ngày 29/8/1942, vừa mới tới phố Túc Vinh, thị trấn Đô Quan, thuộc tỉnh Quảng Tây, Nguyễn Ái Quốc đã bị nhà cầm quyền địa phương của Tưởng Giới Thạch bắt giữ và giam cầm qua 30 nhà tù của 13 huyện của tỉnh Quảng Tây. Mãi tới ngày 13/9/1943, Người mới được thả tự do ở Liễu Châu. Ngay sau đó, Người đã liên lạc được với Hội Giải phóng Việt Nam - một bộ phận của Việt Minh tại Vân Nam (Trung Quốc) và với một số tổ chức chống Nhật - Pháp ở đây.

2. Đẩy mạnh chuẩn bị khởi nghĩa

Từ cuối năm 1942, đầu 1943, cục diện chiến tranh thế giới có nhiều chuyển biến quan trọng. Chiến thắng tại Stalingrad (ngày 2/2/1943), Hồng quân Liên Xô đẩy lùi tất cả các cuộc tấn công của phát xít Đức, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở ra thời kỳ tổng tấn công của Hồng quân Liên Xô trên mặt trận phía đông, tạo ra một bước ngoặt quan trọng làm thay đổi căn bản chiến cục của Chiến

tranh thế giới thứ hai, ảnh hưởng rất lớn đến phong trào chống phát xít trên lãnh thổ các nước bị chiếm đóng. Ngày 10/7/1943, với một lực lượng lớn quân lực và vật lực, quân Đồng minh đổ bộ lên đảo Sicily của Ý và nhanh chóng chiếm lại đảo này. Ngày 6/6/1944, mặt trận thứ hai cũng đã được quân Đồng minh mở màn lên Normandie - Bắc Pháp. Tại mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, quân Nhật đã phải chịu những thất bại nặng nề trước sự tấn công của Mỹ. Tại Đông Dương, quân Đồng minh đã thực hiện nhiều vụ ném bom oanh tạc các mục tiêu của Nhật và Pháp. Từ tháng 9/1943, máy bay ném bom B24 của Mỹ, xuất phát từ căn cứ ở Quảng Tây đã tiến hành những trận oanh kích liên tiếp xuống cảng Hải Phòng và những mục tiêu "ưu tiên" khác ở Bắc Kỳ¹.

Phong trào cách mạng trong nước phát triển mạnh mẽ, trước hết là tại vùng rừng núi phía Bắc. Trước tình hình đó, khoảng tháng 7/1942, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ra Chỉ thị mở rộng căn cứ địa Cao Bằng². Theo tinh thần của Chỉ thị, các Đội xung phong công tác được thành lập, bằng phương pháp vũ trang tuyên truyền mở rộng căn cứ: Đông tiến về phía Lạng Sơn; Tây tiến về phía Hà Giang, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bai; Nam tiến về phía Thái Nguyên.

Đặc biệt, hướng công tác thứ hai là tiến xuống miền xuôi, được coi là mục tiêu chính, là hướng chủ đạo của Việt Minh nhằm phá sự tách biệt của căn cứ địa, nối liền khu căn cứ với đồng bằng, mở rộng ảnh hưởng của Việt Minh. Trên hướng công tác này, lực lượng của Đội xung phong công tác được phân chia thành hai mũi: thứ nhất, xuất phát từ Đông Khê (Lạng Sơn) tiến xuống Đình Cá (Thái Nguyên); thứ hai, xuất phát từ Nguyên Bình (Cao Bằng), tiến qua Ngân Sơn (Bắc Cạn) tiến xuống Chợ Chu, Đại Từ (Thái Nguyên). Đồng thời, một bộ phận cứu quốc quân trước đây rút lên biên giới, sau khi được huấn luyện, bổ sung và được trang bị đã trở

1. David Marr, *Viet Nam 1945. The Quest for power*. University of California Press. Berkley Los Angeles London, 1995, tr. 38.

2. Dương Trung Quốc, *Viet Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 355.

về Bắc Sơn - Vũ Nhại bổ sung cho lực lượng tại chỗ¹. Tháng 11/1942, Cứu quốc quân đã phát triển cơ sở tại Chợ Chu, Sơn Dương, Chiêm Hóa và Đại Từ, và tháng 1/1943, mở rộng địa bàn tại vùng Thượng Yên Thế, Đồng Hỷ, tạo điều kiện liên lạc với Trung ương Đảng². Từ cuối tháng 1/1943, Cứu quốc quân đã bắt liên lạc được với Đội xung phong công tác theo hướng Nam tiến tại Cao Bằng, và ngày 7/2/1943, toàn bộ Cứu quốc quân do Chu Văn Tân chỉ huy đã trở về nước hoạt động³. Trong lúc đó, theo sự chỉ đạo của Trung ương, từ căn cứ Bắc Sơn - Vũ Nhại, Cứu quốc quân cũng khẩn trương tiến hành triển khai công tác vũ trang tuyên truyền theo hướng Bắc tiến để khai thông với căn cứ Cao Bằng, chuẩn bị thành lập Khu giải phóng. Phương pháp hành động của các đội xung phong công tác là đi đến đâu, tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng và xây dựng cơ sở Việt Minh tại chỗ đến đó, để trên cơ sở đó thành lập ra các Đội xung phong công tác khác, nhân rộng phong trào cách mạng. Nhờ có những thành quả của công tác tuyên truyền, vận động đó cho nên đến tháng 8/1943, hai đoàn công tác Bắc tiến và Nam tiến đã hội tụ tại xã Nghĩa Tá, Chợ Đồn, Bắc Cạn⁴. Như vậy có thể nói, từ thời điểm này, các khu căn cứ cách mạng đã được khai thông, các tuyến liên lạc từ Cao Bằng đã được hình thành suốt với Cứu quốc quân và với Trung ương Đảng (đang đóng ở đồng bằng) và quan trọng hơn là nhờ đó đã hình thành những điều kiện thuận lợi cho việc thành lập khu giải phóng sau này.

Trong bối cảnh cao trào cách mạng ngày một dâng cao, từ ngày 25 đến ngày 28/2/1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã nhóm họp tại Võng La (Đông Anh, Phúc Yên) với sự tham dự của các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt... để

1, 4. Nguyễn Khánh Toàn (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, 1858-1945, Sđd, tr. 428.

2, 3. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 95.

đánh giá tình hình và đề ra những nhiệm vụ cấp thiết cần thực hiện nhằm "... mau hoàn thành nhiệm vụ giải phóng"¹. Trên cơ sở những bài học được rút ra từ các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương, Hội nghị xác định:

"... toàn bộ công tác của Đảng lúc này phải nhằm vào chỗ chuẩn bị khởi nghĩa để một khi cơ hội đến kịp thời đưa quân chúng nhân dân ra chiến đấu"².

Hội nghị chủ trương mở rộng hơn nữa Mặt trận Dân tộc thống nhất lấy Việt Minh làm nòng cốt, thành lập Mặt trận Dân chủ chống Nhật ở Đông Dương, gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa theo những nội dung liên quan đến các vấn đề là: về tuyên truyền (phổ biến chiến thuật du kích); về tổ chức (lập các đội tự vệ và tiểu tổ du kích và tiến hành huấn luyện quân sự); về phương pháp đấu tranh (... đưa quân chúng ra tranh đấu bằng nhiều hình thức, từ thịnh nguyện, mít tinh, bãi thị đến khi "tình thế biến đổi thuận lợi, phải lập tức đưa quân chúng ra tranh đấu theo hình thức cao hơn như biểu tình, thị uy, bãi công chính trị, phá phách, v.v... để ngay đưa quân chúng tiến tới khởi nghĩa"; về công tác vận động quần chúng (vận động các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, tôn giáo... ở mọi vùng nông thôn, thành thị, miền núi, đồng bằng...)³.

Những chủ trương đúng đắn và sáng suốt của Hội nghị Ban Thường vụ đã góp phần mở ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lên một tầm cao mới của cao trào cách mạng trong cả nước.

Cũng thời điểm này, cùng với việc Cứu quốc quân trở lại địa bàn chiến lược Bắc Sơn - Võ Nhai, phong trào cách mạng tại căn cứ này cũng được đẩy lên một bước. Ngoài nhiệm vụ Bắc tiến mở thông lên Cao Bằng, bộ phận còn lại thực hiện nhiệm vụ bí mật gây cơ sở ở vùng Phú Lương nhằm nối liền hai địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân. Theo tác giả Trần Huy Liệu, trong một thời gian

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 273.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 298.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 298- 300.

ngắn, "khu căn cứ đã bao gồm 7 huyện là Bắc Sơn (Lang Son), Võ Nhai (Thái Nguyên), Yên Thế (Bắc Giang), sang Phú Lương, Đại Từ, Chợ Chu (Thái Nguyên) và Sơn Dương. Cơ sở hoạt động của nó một mặt liên lạc với Cao Bằng, một mặt tràn xuống Yên Sơn (Vĩnh Yên)"¹. Để thuận lợi cho việc chỉ đạo, khu căn cứ tạm thời được chia thành phân khu A (gồm các vùng thuộc Lạng Sơn và Bắc Giang) và phân khu B (gồm các địa phương thuộc Tuyên Quang, Bắc Cạn, Thái Nguyên và Vĩnh Yên). Trong bối cảnh đó, ngày 25/2/1944, Trung đội Cứu quốc quân thứ ba được thành lập ở Khuổi Kịch, châu Sơn Dương (Tuyên Quang), gồm 24 chiến sĩ do Chu Văn Tấn chỉ huy, hoạt động ở Nam Đại Từ, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Vĩnh Yên. Hoàng Quốc Việt thay mặt Trung ương Đảng làm lễ công nhận đơn vị này².

Sự lớn mạnh về mọi mặt của các khu căn cứ cách mạng đã làm cho thực dân Pháp điên cuồng tập trung mọi lực lượng tiến hành khủng bố, vây ráp, hòng dập tắt cao trào cách mạng đang lan rộng khắp nơi. Đối với khu Bắc Sơn - Võ Nhai, vào tháng 10/1944, Pháp điều động cả lính khố xanh, khố đỏ, lính Pháp, lính Âu Phi với cả vũ khí hạng nặng bao vây chau Võ Nhai đàn áp cực kỳ tàn khốc³, nhân dân phải chạy vào rừng với Cứu quốc quân. Trước tình hình đó, Cứu quốc quân đã "quyết định vũ trang khởi nghĩa đoạt chính quyền"⁴. Tuy nhiên, ở vào tình thế lúc này, các cuộc chiến đấu của Cứu quốc quân mới chỉ nằm trong khuôn khổ của các cuộc chiến đấu tự vệ với các trận phục kích và bảo vệ nhân dân. Do vậy, Trung ương đã quyết định cho cứu quốc quân một lần nữa tạm thời rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng. Với đội ngũ khoảng hơn 200 chiến sĩ, Cứu quốc quân được chia nhỏ "phân tán đi các ngả thương Yên Thế, Bắc Sơn, Phú Lương, Đại Từ, Chợ Chu, Sơn Dương, chỉ để một số ít ở lại địa phương, liên lạc với quần chúng"⁵.

1, 3, 4. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd., tr. 96.

2. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 373.

5. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 98.

Đối với khu căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, từ cuối năm 1943, Pháp đã điều động một lực lượng lớn quân đội kết hợp với bộ máy chính quyền tay sai ở địa phương tiến hành bao vây, lục soát, bắt bớ, giết hại cán bộ, nhân dân. Trước tình hình đó và khí thế sôi sục cách mạng của quần chúng, tháng 7/1944, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng chủ trương phát động chiến tranh du kích và gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa với tinh thần là "*phát động du kích chiến trong liên tỉnh*", với mục đích mới chỉ là "*tiến tới vũ trang hành động, phát động du kích chiến, đánh lùi những cuộc tiến công của địch, làm chủ các vùng rừng núi*"¹.

Tháng 9/1944, Hồ Chí Minh có mặt ở biên giới Việt - Trung. Sau khi nghe báo cáo và nghiên cứu tình hình, Người chỉ thị hoãn việc thực hiện chủ trương trên, bởi vì Người nhận định điều kiện chưa chín muồi để phát động chiến tranh du kích và phân tích:

*"Bây giờ thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động trong vòng chính trị thì gặp những lúc gay go quyết liệt không đủ để đẩy cho phong trào tiến lên. Trái lại, nếu nổi lên bạo động thì càng làm mồi cho địch khủng bố. Do đó, hình thức đấu tranh lúc ấy phải từ thuần túy chính trị sang quân sự mà chính trị vẫn trọng hơn quân sự"*².

Điều đó tránh tổn thất cho cách mạng, đồng thời vạch ra hướng đi đúng đắn cho cách mạng trong thời điểm nhạy cảm này.

Trên quan điểm đó và đứng trước yêu cầu thực tiễn của cách mạng, tháng 12/1944, lãnh tụ Hồ Chí Minh đã ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân và giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp phụ trách. Trên thực tế, bản Chỉ thị chính là cương lĩnh quân sự của Đảng, đề cập một cách toàn diện đến đường

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 101.

2. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1977, tr. 130.

lối, phương châm, tổ chức và hoạt động của lực lượng vũ trang cách mạng. Nội dung của nó là¹:

"*Tên đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền...*".

Thành phần Đội được "*chọn lọc trong hàng ngũ những du kích Cao - Bắc - Lạng số cán bộ và đội viên kiên quyết, hăng hái nhất*".

Đội "... có nhiệm vụ dùi dắt cán bộ vũ trang của các địa phương, giúp đỡ huấn luyện, giúp đỡ vũ khí... làm cho các đội này trưởng thành mãi lên".

Chiến thuật của Đội là: "*vận dụng lối đánh du kích bí mật, nhanh chóng, tích cực, nay đồng mai tây, lai vô ảnh khú vô tung*".

Đó "... là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam chúng ta".

Ngày 22/12/1944, tại khu rừng Sau Cao, nằm giữa hai tổng Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân đã chính thức được thành lập gồm 3 tiểu đội với 34 chiến sĩ được chọn từ những chiến sĩ du kích Cao - Bắc - Lạng, thuộc nhiều thành phần dân tộc khác nhau. Tại buổi lễ, đồng chí Võ Nguyên Giáp tuyên bố thành lập và nêu rõ nhiệm vụ của Đội. Trước lá cờ đỏ sao vàng, toàn thể các chiến sĩ đã tuyên thệ 10 lời thề danh dự.

Thực hiện huấn thị "*phải đánh thắng trận đầu*" của lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngay sau lễ thành lập, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy vào 17 giờ ngày 24/12/1944 đã tấn công đánh chiếm đồn Phay Khắt, đóng tại xã Cam Lộng, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, bắn chét tên Đồn trưởng Pháp, bắt sống toàn bộ binh lính đồn trú. Đến 7 giờ sáng hôm sau, ngày 25/12, cũng bằng cách đánh táo bạo và mưu trí, đội lại tấn công đồn Nà Ngàn (cách Phai Khắt 15km), tiêu diệt tên Đồn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 356-357.

trường, tiêu diệt 22 lính khố đỏ, tịch thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng. Chiến thắng Phay Khắt - Nà Ngần là chiến công đầu tiên của đơn vị chủ lực đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng. Chiến thắng này đã gây được tiếng vang trong cả nước và mở đầu cho truyền thống quyết chiến, quyết thắng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ thắng lợi quân sự đầu tiên này, *Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân* đã tăng cường mở rộng phạm vi hoạt động, đặc biệt là mở rộng công tác tuyên truyền vận động cách mạng, bám sát lấy nhân dân để xây dựng cơ sở và đồng thời xúc tiến việc thành lập mới các đội tuyên truyền vũ trang, mở rộng và củng cố vững chắc khu căn cứ cách mạng cũng như gây ảnh hưởng ra bên ngoài.



Lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân tại khu rừng Trần Hưng Đạo, Nguyên Bình (Cao Bằng), ngày 22/12/1944

Nguồn: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam sơ thảo*, tập 1, 1920-1954, Nxb. Sự thật, 1982, tr. 374.

3. Phong trào đấu tranh ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, ở các xứ Trung Kỳ và Nam Kỳ

Sau Hội nghị Trung ương VIII, Nghị quyết của hội nghị đã được các cán bộ lãnh đạo Đảng khẩn trương đem triển khai tới các cơ sở Đảng trên toàn quốc. Tuy nhiên, sau khi các cuộc khởi nghĩa nổ ra vào cuối năm 1940, đầu năm 1941, thực dân Pháp đã ráo riết tăng cường khủng bố, làm tổn hại lớn đến việc vận động cách mạng. Hệ thống cơ sở Đảng bị tổn thất, chậm phát triển. Tình hình vào tháng 12/1941 được ghi nhận là:

*"... nhiều đảng bộ bị đứt mối rời rạc (nhất là Đảng bộ Nam Kỳ)"; "... Đảng ta không những út chi bộ, mà có nhiều chi bộ eo hẹp, sống một cách thoi thóp"; "Đảng và các tổ chức quần chúng nhiều nơi còn lộn xộn, không được ngăn nắp... Nơi thì tổ chức đảng và hội quần chúng quá hẹp hòi, cô độc khiến cho phong trào chậm phát triển, nơi thì tổ chức quá cầu thả, khiến cho bọn phản động có thể chui vào"*¹.

Trước tình hình đó, ngày 1/12/1941, Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị về công tác tổ chức², trong đó đề xuất những biện pháp linh hoạt để khôi phục cơ sở Đảng, triển khai và vận dụng một cách mềm dẻo tinh thần Hội nghị Trung ương VIII về vận động quần chúng để nhanh chóng phát triển các hội cứu quốc. Trên cơ sở đó tiến lên thành lập các Ủy ban vận động Việt Minh để lập ra Mặt trận Việt Minh ở các địa phương.

Với bản Chỉ thị này và với quyết tâm của các cán bộ Đảng, nhiều cơ sở Đảng ở các địa phương đã được củng cố, nhiều tổ chức cứu quốc đã ra đời, phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển trên khắp cả nước, tuy mức độ có khác nhau giữa các địa phương.

Cùng với làn sóng cách mạng dâng lên mạnh mẽ tại các khu căn cứ cách mạng ở các tỉnh miền núi phía bắc, ảnh hưởng của Mặt trận

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 207-209.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 206-230.

Việt Minh đã ngày càng lan rộng. Với khí thế chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa giành chính quyền, tại nhiều địa phương đã liên tiếp nổ ra các cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành, đình công tại các nhà máy, hầm mỏ, đòi chia lại ruộng đất ở nông thôn, chống bắt lính, đòi thả người nhà bị giam giữ. Hầu hết tại các tỉnh trên cả nước đều nổ ra các cuộc đấu tranh chống Pháp - Nhật, ủng hộ Việt Minh với những yêu sách khác nhau. Các cuộc đấu tranh của nông dân ở nông thôn thường được phát động với những khẩu hiệu: "*chống nhỏ lúa trồng đay, nhỏ ngô trồng thầu dầu*", "*chống cướp đất*", "*chống thu thóc tạ*", "*chống bắt lính, bắt phu*"... Đối với công nhân và cư dân thành thị thì các cuộc bãi công, biểu tình đều đưa yêu sách đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện đời sống, đòi bán gạo, vài, diêm, xà phòng, phản đối chế độ ngược đãi của nhà cầm quyền¹. Trong các cuộc đấu tranh đó, ngoài mục tiêu kinh tế, đòi sống, những mục tiêu chính trị, cách mạng cũng đã xuất hiện với việc rải truyền đơn, biểu ngữ chống Pháp - Nhật, ủng hộ Việt Minh, tuyên truyền cách mạng, quyên góp mua sắm vũ khí chuẩn bị khởi nghĩa...

Như vậy, có thể thấy việc triển khai tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần VIII, Chương trình, Điều lệ của Mặt trận Việt Minh cũng như Chỉ thị về công tác tổ chức của Trung ương đã mang lại kết quả là không những hệ thống tổ chức Đảng ở nhiều địa phương trong cả nước được tăng cường và củng cố thêm một bước mà tiến trình vận động thành lập Mặt trận Việt Minh cũng ngày càng được đẩy mạnh và phát triển.

Ở Bắc Kỳ, tuy chưa rộng khắp nhưng đến đầu năm 1942, ở các địa phương như Bắc Giang, Bắc Ninh, Phúc Yên, Thái Nguyên, Hưng Yên, Hà Nội, Hà Đông, Hà Nam, Thái Bình... đã thấy xuất hiện các Hội cứu quốc của các tầng lớp xã hội khác nhau. Đồng thời, một mạng lưới các cơ sở cách mạng, theo sự chỉ đạo của Trung ương Đảng đã được xây dựng nằm bao bọc quanh Hà

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 81-84.

Nội có vai trò là An toàn khu, là cầu nối trực tiếp từ căn cứ Việt Bắc với đồng bằng và là trung tâm chỉ đạo của cách mạng để đối phó kịp thời với tình hình thực tiễn của cả nước. Cũng từ vành đai này của cách mạng, các cơ quan ngôn luận của Đảng đã kịp thời ra mắt và đã có những đóng góp không nhỏ vào việc tuyên truyền đường lối cứu nước của Mặt trận Việt Minh như tờ *Cứu quốc*¹, là "cơ quan ngôn luận cổ động của Việt Nam Độc lập Đồng minh", ra mắt bạn đọc từ ngày 25/1/1942, với mục đích kịp thời tuyên truyền phô biến các chủ trương, chính sách của Đảng. Một tờ báo khác là *Cờ giải phóng* cũng được Trung ương quyết định xuất bản vào ngày 10/10/1942 để phục vụ yêu cầu cấp thiết của thực tiễn đấu tranh cách mạng lúc bấy giờ. Đến đầu năm 1944, ảnh hưởng của Việt Minh đã lan rộng đến hầu khắp các tỉnh của Bắc Kỳ². Nhờ có những hoạt động tích cực của Việt Minh nên một làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng nhân dân đã bùng lên mạnh mẽ. Tại các thành phố và thị xã ở Bắc Kỳ, từ tháng 3 đến tháng 6/1943 đã nổ ra cuộc đấu tranh của công nhân và viên chức thuộc các xí nghiệp của Hà Nội, Việt Trì, Đáp Cầu, Đông Anh, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Phòng, Uông Bí, Kiến An, Nam Định³. Theo *Cờ giải phóng*, chỉ riêng tại Hà Nội từ năm 1943 đến 1944 đã có tới 18 cuộc đình công, bãi công của công nhân⁴. Tại các vùng nông thôn, nhiều cuộc đấu tranh của nông dân cũng đã nổ ra. Có thể lấy làm ví dụ như các cuộc đấu tranh của nông dân Tiên Hải (Thái Bình) đòi chia lại công điền (tháng 6/1942); nông dân Gia Lâm biểu tình phản đối Nhật phá lúa trồng đay (1943); nông dân Hà Đông, Ninh Bình đấu tranh chống thu thóc (1943); nông dân Bắc Ninh tẩy chay

1. Xem: Đỗ Quang Hưng, *Lịch sử báo chí Việt Nam*, Sđd, tr. 196-198 và Nguyễn Thành, *Báo chí cách mạng Việt Nam*, Sđd, tr. 285.

2. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 84.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, tr. 287-288.

4. Ban nghiên cứu lịch sử Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 62-63.

việc trông đay cho Nhật (1944)¹...; đặc biệt là có những nơi nông dân đã đánh nhau với lính Nhật để bảo vệ tài sản như ở làng Đông Sơn, huyện Tiên Du (Bắc Ninh) ngày 14/6/1943².

Đối với Trung Kỳ, hệ thống tổ chức Đảng ở đây bị Pháp phá vỡ nhiều lần, việc phục hồi chậm do luôn bị mật thám Pháp theo dõi, đánh phá. Cho đến giữa năm 1942 chỉ còn một số ít cơ sở Đảng nằm rải rác ở các địa phương như Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, Quảng Ngãi... Việc tuyên truyền, vận động của Việt Minh gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, đến những 1943-1944, phong trào ở nhiều tỉnh đã được phục hồi nhanh chóng, nhất là ở Thanh Hóa, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi³. Trong khí thế cách mạng chung của cả nước, một lòng căm thù Pháp - Nhật nên nhân dân đã nỗi lên tranh đấu. Chẳng hạn như: nông dân Quảng Nam, Đà Nẵng đấu tranh chống thu thóc (1/1942); binh lính Hội An bãi gác (cuối năm 1941); nhân dân Quảng Nam mít tinh ủng hộ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (3/1942)⁴. Đặc biệt nhất trong số các cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Kỳ lúc đó là cuộc đấu tranh của nông dân các làng Kim Liên, Ngọc Liên, Ngọc Long, Hóa Lộc, tổng Bá Trạch, huyện Hoằng Hóa cũng như của các làng Tam Khê, Vân Thọ, thuộc phủ Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa chống khùng bô, chống chiếm đất, đấu tranh chống bắt phu làm sân bay cho Nhật ở Lai Thành vào tháng 2/1944⁵.

Ở Nam Kỳ, sau khi cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, hệ thống cơ sở Đảng cũng bị triệt phá, lực lượng của Đảng bị thiệt hại nặng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 287-288 và Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 81-84.

2, 3. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Sđd, tr. 76.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 287.

5. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 83.

nè. Đầu năm 1941, Xứ ủy mới được tái lập nhưng đến tháng 8/1941, phần lớn các ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ lại bị thực dân Pháp bắt, và như vậy trên thực tế, Xứ ủy Nam Kỳ không còn tồn tại. Nhìn chung, cho đến giữa năm 1942, công tác tuyên truyền vận động của Việt Minh vẫn chưa mấy tiến triển ở Nam Kỳ. Tuy nhiên, phong trào đấu tranh của quần chúng cũng đã nổ ra, bao gồm nhiều giai tầng xã hội, đặc biệt là phong trào của công nhân, viên chức, dân nghèo thành thị, thanh niên sinh viên... Có thể thấy phong trào này qua những cuộc đấu tranh của đội ngũ công nhân như: công nhân bên tàu Sài Gòn đình công đòi tăng lương, cải thiện điều kiện làm việc (trong các năm 1941, 1942, 1943, 1944); công nhân Long Xuyên, Rạch Giá biểu tình đòi tăng lương (1944)¹. Theo Niên giám thống kê Đông Dương 1939-1946, ở Nam Kỳ, từ tháng 5/1942 đến tháng 6/1943, có 24 cuộc đấu tranh của công nhân². Chỉ riêng tại khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn vào cuối năm 1944 đã có 50 cơ sở xí nghiệp có Công hội và đã bắt đầu tổ chức công nhân lè té theo từng khu phố như Xóm Chiếu, Bàn Cờ, Tân Định, Đất Hộ, Phú Nhuận, Gò Vấp, Xóm Cùi, Bình Tây,...

Như vậy, nhìn chung từ sau khi Mặt trận Việt Minh ra đời cho tới trước sự kiện ngày 9/3/1945, phong trào cách mạng đã có những bước phát triển đáng kể trên phạm vi cả nước. Nếu không tính tới phong trào cách mạng tại hai khu căn cứ địa thì phong trào đấu tranh của nhân dân ở đồng bằng Bắc Kỳ cũng như ở hai xứ Trung và Nam Kỳ đã dần chuyển hướng từ mục tiêu dân chủ, kinh tế sang "*những cuộc đấu tranh chính trị*", dọn đường cho một cuộc đấu tranh tổng lực là khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Tuy nhiên, vì những điều kiện khách và chủ quan khác nhau nên phong trào diễn ra không đồng đều giữa các địa phương và các vùng miền.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, 1940-1945, Sđd, tr. 287-288 và Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 81-84.

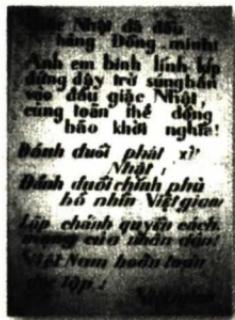
2. *Annuaire statistique de L'Indochine française 1939-1946*.

Phong trào ở miền Bắc phát triển hơn nhiều so với miền Nam. Đặc biệt là tại các vùng nông thôn miền Nam vẫn chưa có những cuộc đấu tranh như ở nông thôn miền Bắc.

4. Cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa - tư tưởng

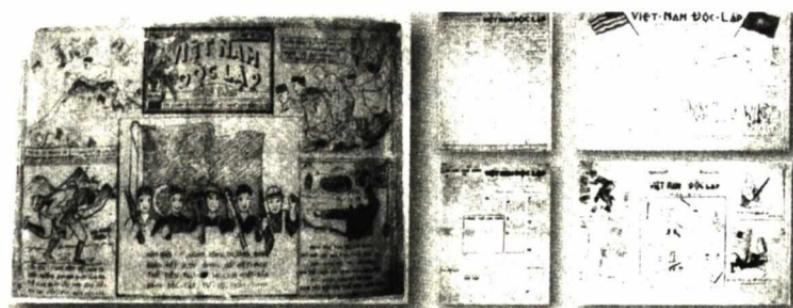
Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, cả hai tên phát xít Pháp - Nhật đều đã lợi dụng lĩnh vực văn hóa - xã hội để tranh giành cảm tình của người bản xứ, lôi kéo họ về phía mình nhằm vào những mục đích to lớn về chính trị, kinh tế, loại bỏ ảnh hưởng của nhau và cao hơn hết là chống phá ảnh hưởng của cách mạng. Mỗi tên phát xít đều đưa ra những chủ thuyết mị dân và đều dựa vào các thế lực tay sai phản động trong nước để thực hiện những hoạt động "*văn hóa*" của mình. Điều này làm cho đời sống văn hóa - xã hội của Việt Nam đã phức tạp lại càng trở nên hỗn loạn hơn. Nhiều xu hướng văn hóa, nhiều luồng tư tưởng mang màu sắc khác nhau xuất hiện, từ những loại hình văn hóa tư sản phản động phục vụ cho lợi ích của Pháp, khuyến khích phô biến những phong tục lạc hậu, tha hóa hoặc đi theo con đường tuyên truyền cho chủ nghĩa phát xít Nhật Bản đến các xu hướng cải lương tư sản, phong kiến hay cả theo tư tưởng của các nhóm Troskit.

Nhận thức rõ sự nguy hại của các trào lưu tư tưởng và những khuynh hướng văn hóa phản động đó, Đảng Cộng sản Đông Dương đã rất chú trọng đến việc đấu tranh trên mặt trận này. Nhiều loại hình sách, báo, tài liệu, truyền đơn của Đảng, nhất là các tờ *Nam độc lập*, *Cờ giải phóng*, *Cứu quốc* của Việt Minh từ trung ương đến các địa phương cũng như của các tổ chức quần chúng đều đã nhất loạt được phát hành và chưa bao giờ phong phú như lúc đó đã góp phần vạch trần âm mưu, thủ đoạn tàn bạo, xảo quyệt của kẻ thù, đồng thời tuyên truyền cho đường lối cứu nước của Đảng, hướng dẫn, giáo dục quần chúng, lôi cuốn họ vào các hoạt động cách mạng, hướng ứng Việt Minh. Cùng với sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nền văn hóa mới ngày càng khẳng định chỗ đứng và vai trò trong sự nghiệp cách mạng nói chung, ở chiêu kia, nền văn hóa nô dịch của Pháp, Nhật đã dần dần bị quần chúng chán ghét, khinh thị, xa lánh.



Một số truyền đơn của Đảng Cộng sản Đông Dương
và Mặt trận Việt Minh thời kỳ 1941-1945

Nguồn: Trung bày chuyên đề Một số sưu tập hiện vật về Cách mạng tháng Tám 1945 chào mừng kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2005), mở cửa ngày 16/8/2005 tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, tr. 6.



Báo Việt Nam độc lập

Nguồn: Trung bày chuyên đề Một số sưu tập hiện vật về Cách mạng tháng Tám 1945 chào mừng kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2005), mở cửa ngày 16/8/2005 tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, tr. 6.

Năm 1943, Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng (tháng 2/1943) đã nêu rõ tầm quan trọng của công tác "vận động văn hóa" trong vấn đề "chuẩn bị khởi nghĩa". Nghị quyết hội nghị nhấn mạnh:

"Đảng cần phải phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, đảng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc, chống lại văn hóa phát xít thụt lùi. Ở những đô thị văn hóa như Hà Nội, Sài Gòn, Huế... phải gây ra những tổ chức văn hóa cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai hay bán công khai để đoàn kết các nhà văn hóa và trí thức (ví dụ có thể tổ chức những nhóm "văn hóa tiền phong", "nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác", "nhóm nghiên cứu lịch sử Việt Nam")"¹.

Trên tinh thần đó, năm 1943, để vũ trang cho toàn Đảng, trước hết là cho những cán bộ hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng, những lý luận cơ bản để chống lại văn hóa phong kiến, thực dân, phát xít và khẳng định địa vị độc tôn của văn hóa mác-xít (văn hóa dân chủ mới), Đảng đưa ra bản Đề cương Văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 301.

Bản Đề cương Văn hóa Việt Nam khẳng định tầm quan trọng của cuộc cách mạng văn hóa trong mối quan hệ biện chứng giữa cách mạng văn hóa và cách mạng chính trị là:

"*a. Một trận văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) mà người cộng sản phải hoạt động. b. Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hóa nữa. c. Có lãnh đạo được phong trào văn hóa, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả*"¹.

Bản Đề cương nêu rõ nhiệm vụ của các nhà văn hóa yêu nước Việt Nam là phải chống lại các trào lưu văn hóa phi vô sản, xây dựng một nền văn hóa dân chủ mới dựa trên ba tính chất là:

"*a. Dân tộc hóa (chống lại mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).*

b. Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đồng bào quần chúng hoặc xa quần chúng).

c. Khoa học hóa (chống lại tất cả những gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ)"².

Để thực hiện có kết quả những nguyên tắc nêu trên, bản Đề cương yêu cầu "*phải kịch liệt chống những xu hướng văn hóa bảo thủ, chiết trung, lập dị, bí quan, thâm bí, duy tâm... Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hóa quá tròn của bọn Troskit*". Chỉ có như vậy thì "*văn hóa mới Việt Nam*" mới bảo đảm thật sự "*là một thứ văn hóa có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung*"³.

Phần cuối bản Đề cương Văn hóa đề ra những nhiệm vụ cấp thiết trước mắt trên lĩnh vực hoạt động văn hóa.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 316.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 319.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 319-320.

Vậy là từ khi ra đời, đây là lần đầu tiên Đảng công khai công bố một bản Đề cương Văn hóa để vũ trang cho Đảng, cho các cán bộ hoạt động trên lĩnh vực văn hóa một cương lĩnh cách mạng văn hóa dân chủ mới chống lại các trào lưu văn hóa - tư tưởng phản động, phi vô sản khác, đồng thời vạch ra một phương châm đúng đắn để xây dựng một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa cho nước nhà. Vì vậy, bản Đề cương đã ngay lập tức nhận được sự đồng tình của đông đảo các tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ cũng như đội ngũ thanh niên, sinh viên trong cả nước.

Sau khi bản Đề cương Văn hóa ra đời, Đảng xúc tiến thành lập Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam và ra tờ *Tiền phong* để thu hút giới trí thức, văn nghệ sĩ vào Mặt trận Việt Minh. Giữa năm 1943, Hội Văn hóa cứu quốc ra đời với những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa nổi tiếng như Nguyễn Đình Thi, Đặng Thai Mai, Như Phong (Nguyễn Đình Thạc), Xuân Trường (Hà Nghệ), Học Phi (Chu Văn Tập), Nguyên Hồng (Nguyễn Nguyên Hồng), Nam Cao (Trần Hữu Trí), Nguyễn Huy Tưởng... Trong không khí đó, nhiều tác phẩm văn học được sáng tác theo quan điểm Mác xít ra đời, chẳng hạn như: Đặng Thai Mai với "*Văn học khái luận*", "*Lỗ Tấn*"; Đào Duy Anh với "*Việt Nam văn hóa sù cương*", "*Khổng giáo phê bình tiểu luận*"; Hoài Thanh, Hoài Chân với "*Thi nhân Việt Nam*"; Vũ Ngọc Phan với "*Nhà văn hiện đại*"... Cũng như vậy, dòng thơ ca cách mạng tiếp tục nở rộ, với những nhà thơ nổi tiếng "*dùng bút làm đòn chuyển xoay chế độ*" như Sóng Hồng, Tô Hữu, Lê Đức Thọ, Trần Huy Liệu, Xuân Thủy...; nhiều nhạc phẩm cách mạng vang lèn cổ vũ tinh thần yêu nước, động viên quân chúng nhân dân trong thời khắc quan trọng của lịch sử cách mạng Việt Nam, với những nhạc sĩ lớn như Lưu Hữu Phước, Văn Cao, Nguyễn Đình Thi, Đỗ Nhuận...

Dưới ánh hưởng của Việt Minh, đội ngũ trí thức cách mạng còn tích cực tham gia các phong trào yêu nước như Phong trào do Hội truyền bá chữ quốc ngữ khởi xướng¹. Ngày 30/6/1944, Đảng Dân

1. *Hội truyền bá quốc ngữ* do các đảng viên cộng sản chủ trương lập ra năm 1938.

chủ Việt Nam do Dương Đức Hiền làm Tổng Thư ký được thành lập ở Hà Nội. Trong xu thế chung, các nhóm trí thức khác tập trung xung quanh tạp chí *Thanh Nghị*¹ và Tổng hội sinh viên Việt Nam cũng ngày càng thể hiện rõ tinh thần ái quốc, thiện cảm với đường lối đấu tranh của Việt Minh vì độc lập dân tộc và quyền tự do của mỗi con người.

III. CAO TRÀO CÁCH MẠNG TIỀN KHỞI NGHĨA

1. Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945

Năm 1940, chiếm Đông Dương, Nhật muốn thay chân Pháp ở đây, nhưng chưa thể ngay lập tức vì Nhật chưa đủ cả thể và lực để làm việc này nên đành bằng lòng với một chế độ cộng trị với Pháp, thông qua bộ máy chính quyền Pháp để cai trị Đông Dương. Tuy nhiên, vào cuối năm 1944, đầu năm 1945, tình hình thế giới đã có nhiều thay đổi quan trọng. Chiến tranh thế giới thứ hai bước tới hồi kết thúc. Ở mặt trận châu Âu, Hồng quân Liên Xô tổng phản công trên mặt trận phía Đông, giải phóng nhiều lãnh thổ, thăng tiến đến tả ngạn sông Rhin, phát xít Đức đã đến giờ tận số. Tháng 8/1944, Paris - thủ đô của Pháp được giải phóng. Tướng De Gaulle lên cầm quyền. Ngày 23/10/1944, các nước Đồng minh chính thức công nhận chính phủ De Gaulle. Ở châu Á - Thái Bình Dương, quân Đồng minh tấn công như vũ bão nên Nhật phải lùi trên khắp các mặt trận. Trên đất Đông Dương, ngay từ cuối năm 1942, quân Anh, Mỹ đã cho máy bay ném bom bắn phá các tuyến đường giao thông huyết mạch Bắc Nam, ngăn chặn sự di chuyển của quân đội Nhật trên các vùng miền, dọn đường cho một cuộc đổ bộ vào Đông Dương. Cũng lúc đó, trong những người Pháp ở Đông Dương, nhóm trung thành với De Gaulle đứng đầu là tướng Mordant, mâu thuẫn nhau kịch liệt với nhóm Decoux, đã bắt đầu hoạt động ráo riết, chuẩn bị kế hoạch chiếm lại Đông Dương. Thế nhưng, mọi động

1. Xem Đỗ Quang Hưng, *Lịch sử báo chí Việt Nam (1865-1945)*, Sđd, tr. 172-173.

thái này đã không lọt qua được tai mắt của Nhật. Vì vậy, Nhật phải tính đến khả năng thanh toán Pháp, nắm trọn quyền cai trị Đông Dương, rành tay đối phó với Đồng minh khi lực lượng này tiến vào. Mưu đồ này được thực hiện bằng một loạt các sự kiện như: ngày 7/9/1944, Thủ tướng Nhật Koiso tuyên bố trước Quốc hội là phải lật đổ chế độ Decoux ở Đông Dương; ngày 14/9/1944, Hội đồng chỉ đạo chiến tranh Nhật đưa ra 3 đề án về Đông Dương; ngày 29/12/1944, Thủ tướng Nhật đề nghị xúc tiến kế hoạch lật đổ Decoux; ngày 1/2/1945, Hội đồng chỉ đạo chiến tranh Nhật quyết định nắm trọn quyền chỉ huy ở Đông Dương, với thời điểm chính xác và chiến thuật sẽ được quyết định sau¹.

Đúng như Đảng Cộng sản Đông Dương đã dự đoán, tình trạng tạm thời hòa hoãn giữa hai tên phát xít đã chấm dứt, mâu thuẫn giữa chúng gay gắt đến mức giống như "*cái nhợt bọc phải vỡ mủ*". Nhật quyết định đưa thêm quân vào Đông Dương và quyết định hành động trước đề tiêu diệt Pháp bằng một cuộc đảo chính.

Mặc dù Pháp đã biết được kế hoạch của Nhật² và lúc này đang nắm trong tay gần như nguyên vẹn lực lượng vũ trang, gồm 6 vạn lính chính quy và hai vạn lính khô xanh, trong khi Nhật chỉ có hơn 6 vạn quân³, nhưng với tâm lý thất bại và hèn nhát, Pháp đã không có phản ứng nào trước những hành động của Nhật. Cuộc đảo chính của Nhật đã diễn ra mau lẹ.

Vào lúc 16 giờ ngày 9/3, tại Phủ Toàn quyền ở Sài Gòn, Pháp phải ký với Nhật một hiệp ước, trong đó quy định việc Pháp phải cung cấp gạo cho Nhật trong năm 1945. Sau đó, lúc 18 giờ, Đại sứ Nhật Matsumoto trao cho Toàn quyền Đông Dương Decoux tối hậu

1. David G. Marr, *Viet Nam 1945. The Quest for power*, tr. 43, 88.

2. Stein Tonnesson, *The Vietnamese Revolution of 1945, Roosevelt, Ho Chi Minh et De Gaulle in a world at war*, London, 1995, tr. 242.

3. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 118.

thu buộc Pháp phải chấp nhận sự chỉ huy duy nhất của Nhật trong việc phòng thủ Đông Dương và buộc Pháp phải trả lời trước 21 giờ cùng ngày. Pháp xin hoãn thời gian trả lời với lý do phải hỏi ý kiến Bộ Tư lệnh quân Pháp ở Hà Nội. Nhật cho đó là sự từ chối nên 21 giờ 30 phút đã hạ lệnh đồng loạt tấn công Pháp trên toàn Đông Dương và về căn bản nhanh chóng đè bẹp sự kháng cự của đối phương. Toàn quyền Decoux và số lớn sĩ quan cao cấp Pháp ở Sài Gòn bị Nhật bắt ngay tại Phủ Toàn quyền và giam giữ tại đó cho đến đêm 7/5/1945. Theo thống kê của Trần Huy Liệu, không kể số lính lê dương và lính khô đό, riêng số binh lính Pháp bị giết trong thời điểm Nhật đảo chính đã lên tới 1.662 người, chưa kể hàng nghìn người Pháp khác bị Nhật bắt giam¹. Đến chiều ngày 10/3, quân Pháp đầu hàng Nhật, Nhật làm chủ các vùng đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Sài Gòn và nhiều tinh lỵ. Những đơn vị quân Pháp còn cõi thù ở Cà Mau, Biển Hồ và trên một số vùng Bắc Đông Dương cũng lần lượt bị loại, chỉ còn một ít tàn quân chạy qua biên giới Việt - Trung. Với sự kiện này, lực lượng quân sự Pháp hoàn toàn tan rã, chính phủ thuộc địa đầu hàng, bị cầm tù hoặc làm tay sai cho Nhật.

2. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng từ ngày 9 đến 12/3/1945. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"

Trước những diễn biến vừa nêu ở trên, Đảng ta đã theo dõi sát tình hình. Ngay đêm Nhật đảo chính Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng đã họp ở Đình Bảng, do đồng chí Trường Chính chủ trì, với sự tham gia của các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Trân, Lê Thanh Nghị.

Hội nghị khẳng định "*chính biến ngày 9/3/1945 là một cuộc đảo chính, mục đích là truất quyền Pháp, tước khí giới của Pháp,*

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 120.

chiếm hắn lấy Đông Dương làm thuộc địa riêng của chủ nghĩa để quốc Nhật"¹.

Ngày 12/3/1945, Hội nghị ra bản Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Bản Chỉ thị đã phân tích nguyên nhân, mục đích và diễn biến của cuộc đảo chính và chỉ ra rằng sự kiện này đã gây ra "một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc" với những biểu hiện là:

"1. Hai quân cướp nước cắn xé nhau chí tử. 2. Chính quyền Pháp tan rã. 3. Chính quyền Nhật chưa ổn định. 4. Các tầng lớp trung gian hoang mang. 5. Quân chúng cách mạng muôn hành động"².

Tuy nhiên, dựa vào lý luận Mác - Lênin về khởi nghĩa vũ trang và cách mạng, cân nhắc kỹ tình hình, Ban Thường vụ Trung ương cho rằng: "mặc dầu tình hình chính trị khủng hoảng sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương chưa thực sự chín muồi". Lý do được đưa ra là: lực lượng của Nhật tồn tại chưa đáng kể; lực lượng trung gian chưa thực sự ngả hẳn về phe cách mạng; lực lượng cách mạng vẫn còn chưa được chuẩn bị đầy đủ, chưa sẵn sàng cho một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền³. Mặt khác, Ban Thường vụ Trung ương cũng dự liệu tới "những cơ hội tốt đang giúp cho những điều kiện khởi nghĩa mau chín muồi" và "một cao trào cách mạng sẽ nổi dậy":

"a. Chính trị khủng hoảng (quân thù không rảnh tay đối phó với cách mạng). b. Nạn đói ghê gớm (quân chúng chán ghét quân cướp nước). c. Chiến tranh đến giai đoạn quyết liệt (Đồng minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật)"⁴.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, 1940-1945, Sđd, tr. 364.

2, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, 1940-1945, Sđd, tr. 365.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, 1940-1945, Sđd, tr. 366.

Những nhận định quan trọng này có ý nghĩa quan trọng đối với việc vận động cách mạng, vừa ngăn ngừa tình trạng nóng vội, nỗi dậy non, vừa tránh tình trạng lúng túng chờ thời. Hơn nữa, đó cũng là cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương thêm một lần nữa điều chỉnh một cách cụ thể chiến lược và sách lược cách mạng Việt Nam. Trước hết, Hội nghị cho rằng: "*hàng ngũ kẻ thù và Đồng minh quân có chỗ thay đổi*", "*Sau cuộc đảo chính này, để quốc phát xít Nhật là kẻ thù chính - kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương*"¹. Hệ quả được Hội nghị rút ra là "*khẩu hiệu chính và toàn bộ chiến thuật cách mạng cũng phải thay đổi*", rằng phải "*cương quyết tẩy trừ những khẩu hiệu và hình thức đấu tranh cũ, chuyển qua những hình thức tuyên truyền, tổ chức và tranh đấu mới*"². Trên cơ sở đó, Đảng cho rằng lúc này cách mạng nước ta đang ở trong "*thời kỳ tiền khởi nghĩa*" và "*đem khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" thay cho khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật, Pháp"*"³ với nhiệm vụ trung tâm là "*Phát động một phong trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa*" và "*sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi nghĩa một khi đã đủ điều kiện*"³.

Với chủ trương đó, bản Chỉ thị ngày 12/3/1945 nêu rõ phương hướng tổ chức và hoạt động vũ trang như sau:

Về tuyên truyền: cần "*chuyển qua những hình thức tuyên truyền mạnh bạo hơn*", "*thành lập các đội tuyên truyền xung phong*", "*võ trang công khai diễn thuyết*" với khẩu hiệu "*Chống chính quyền của Nhật và của bọn Việt gian thân Nhật*". Nêu khẩu hiệu "*Chính quyền cách mạng của nhân dân*".

2. Về tranh đấu:

"*Chuyển qua những hình thức đấu tranh cao hơn*"; "*Phát động du kích ở những nơi có địa hình địa thế*"; "*Huy động đội tự vệ trước vũ khí của binh lính bại trận, đào ngũ, dao động, mất tinh thần*";

-
1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 366.
 2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 366-367.
 3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 367.

"gắn khẩu hiệu đòi cờm áo, chống thu thóc thuế, phá kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo với khẩu hiệu Chính quyền cách mạng của nhân dân".

3. Về tổ chức: cùng với việc mở rộng cơ sở Việt Minh, tổ chức thêm nhiều tự vệ, du kích và tiêu tóm du kích; thành lập những căn cứ địa mới; thống nhất các chiến khu và phát triển "Việt Nam giải phóng quân"; Tổ chức "Ủy ban quân sự cách mạng" (tức Ủy ban khởi nghĩa); thành lập "Ủy ban nhân dân cách mạng Việt Nam" theo hình thức một "Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam" với hệ thống các cấp, ở từng địa phương, cơ sở¹.

Dự tính khả năng quân Đồng minh có thể sẽ đổ bộ vào Đông Dương đánh Nhật, bản Chỉ thị cho rằng, đây có thể là một cơ hội để phát động một cuộc tổng khởi nghĩa trên phạm vi cả nước nhưng không thể ỷ nại, chờ đợi mà phải chủ động, tích cực chuẩn bị để nắm bắt thời cơ giành thắng lợi. Bản Chỉ thị đề xuất những biện pháp cần làm là:

*"Ngay bây giờ phát động du kích, chiếm căn cứ, duy trì và mở rộng chiến tranh du kích, phải là phương pháp duy nhất của dân tộc ta để đóng vai trò chủ động trong việc đánh đuổi quân ăn cướp Nhật Bản ra khỏi nước, chuẩn bị hướng ứng quân Đồng minh một cách tích cực"*².

Hơn nữa, bản Chỉ thị cũng cho rằng, không phải ngay khi quân Đồng minh vừa vào là đã có thể phát động khởi nghĩa mà phải đợi khi quân Đồng minh đã bám chắc và tiến lên được, Nhật phải kéo quân cản quân Đồng minh để hở mặt sau thì lúc đó mới có thể phát động khởi nghĩa. Ngoài ra, bản Chỉ thị cũng còn dự báo những khả năng xuất hiện thời cơ của cách mạng Việt Nam nếu như "*cách mạng Nhật bùng nổ và chính quyền cách mạng của nhân dân Nhật thành lập hay nếu giặc Nhật mất nước như Pháp năm 1940 và quân*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 369-371.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 372.

*đội viễn chinh Nhật mất tinh thần, thì khi ấy dù quân Đồng minh chưa đổ bộ, cuộc tổng khởi nghĩa vẫn có thể bùng nổ và thắng lợi*¹.

Bản Chi thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Ban Thường vụ Trung ương Đảng là một văn kiện cực kỳ quan trọng, được đưa ra vào một thời điểm mang tính bước ngoặt lịch sử. Những chỉ dẫn trong bản chi thị lịch sử này được vận dụng sáng tạo vào thực tiễn đã góp phần mở đường cho thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám sau này.

Ngay sau Hội nghị, Đảng đã phân công cán bộ về các địa phương để truyền đạt tinh thần và nội dung của Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương tới các cấp bộ Đảng trong cả nước. Đồng thời, ngày 15/3/1945, Tổng bộ Việt Minh đã phát hịch Kháng Nhật cứu nước với nội dung kêu gọi toàn thể quốc dân đồng bào đứng lên "*nhầm theo lá cờ đỏ sao vàng 5 cánh của Việt Minh*", "*Đánh đuổi giặc Nhật! Tiêu trừ Pháp gian và Hán gian!*", "*Dựng lên một nước Việt Nam hùng cường, tự do và độc lập*"². Tờ hịch được in thành 15 vạn tờ truyền đơn và nhanh chóng được phân phát tại các tỉnh Bắc Kỳ³.

3. Cao trào cách mạng tiền khởi nghĩa

a. Tại Bắc Kỳ

Từ thời điểm Nhật đảo chính Pháp và nhất là sau khi có Chi thị ngày 12/3/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, một phong trào đấu tranh đã dâng lên mạnh mẽ trên khắp đất nước và thực sự đã trở thành cao trào cách mạng có sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa từng phần.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 373.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 532-534.

3. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 389 và Trần Hữu Đính, Lê Trung Dũng, *Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện*, Sđd, tr. 197.

Ở vùng căn cứ Việt Bắc, trên tinh thần phát triển và củng cố căn cứ địa cách mạng, các lực lượng của Giải phóng quân và Cứu quốc quân đã nhanh chóng khai thác điều kiện thuận lợi này để đẩy mạnh chiến tranh du kích, không ngừng mở rộng địa bàn hoạt động, phát triển lực lượng.

Ngày 10/3/1945, tại Cao Bằng, Hội nghị liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng được tổ chức đã quyết định:

"*1. Lập tức đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở nông thôn, rồi tùy nơi lập chính quyền nhân dân cấp xã, châu, huyện, phủ hay đến cấp tỉnh.*

2. Phân phối cán bộ của đội tuyên truyền về cùng với các đội vũ trang của địa phương tổ chức thêm những đơn vị Giải phóng quân trực tiếp đánh Nhật.

3. Đối với quân Pháp, chủ trương không tập kích họ rút lui, trái lại tích cực kêu gọi họ cùng nhau tổ chức chống Nhật"¹.

Thực hiện chủ trương này, các đội vũ trang của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân tỏa đi các cơ sở, tăng cường lực lượng cho các địa phương trong khu căn cứ. Các bộ phận của Giải phóng quân tiến theo nhiều hướng khác nhau, vừa phục kích tiêu hao sinh lực địch vừa tuyên truyền cách mạng, tiến tới phát động nhân dân đứng lên khởi nghĩa, đánh đổ chính quyền địch, thành lập chính quyền của nhân dân. Những địa bàn đầu tiên có các mũi tiến công của Giải phóng quân là Bảo Lạc (Cao Bằng) hướng sang Thất Khê, Bình Gia (Lạng Sơn); dọc biên giới Việt - Trung (châu Hà Quảng) tiến sang Bắc Quang (Hà Giang). Một bộ phận của Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về phía châu Ngân Sơn, bao vây và bức hàng đòn Ngân Sơn, sau đó tiến về giải phóng Chợ Rã, Chợ Đồn, Na Rì (Bắc Cạn). Trên các mũi tiến công, Giải phóng quân đã tiêu diệt nhiều đơn vị địch, thu hàng nghìn vũ khí của tàn binh Pháp chạy trốn. Quân giải phóng đi tới

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Sđd, tr. 94.

đâu cũng được quần chúng nhân dân mang theo cờ đỏ sao vàng và vũ khí thô sơ tiếp đón nồng nhiệt. Một cao trào khởi nghĩa thực sự đã bắt đầu. Ở nhiều địa phương, Giải phóng quân nhanh chóng tiến hành giải tán chính quyền địch, tịch thu bǎng, triện của bọn Tống lý, vũ khí của bọn bảo an binh, trùng trị Việt gian, thành lập chính quyền mới. Mặt khác, các hội cứu quốc của Việt Minh cũng nhanh chóng được thành lập và cung cố tại các địa phương này, làm chỗ dựa cho chính quyền.

Ở Bắc Cạn, ta định liên hệ với những tàn binh Pháp để lập Ủy ban Việt - Pháp chống Nhật với các điều kiện là:

*Pháp phải tôn trọng chủ quyền của ta; Binh lính của họ không được những nhiễu dân; Ta để cho nhân dân bán lương thực cho họ*¹.

Nhưng do chủ nghĩa thất bại của phía Pháp, chủ trương này đã không thực hiện được. Còn ở Cao Bằng, một số đơn vị Pháp còn chống lại Việt Minh đã bị quân và dân ta đánh bại, tước tất cả vũ khí.

Ở hai tỉnh Cao Bằng và Bắc Cạn, chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều xã và châu. Trên những vùng hoạt động của Cứu quốc quân lúc này phong trào nổi dậy giành chính quyền cũng được đẩy mạnh. Tại Tuyên Quang và Thái Nguyên, ban lãnh đạo Phân Khu B của chiến khu Hoàng Hoa Thám đã lãnh đạo nhân dân đứng dậy lật đổ ách thống trị thực dân, làm chủ tại các địa phương và ngày 13/3/1945 đưa du kích đánh chầu ly Sơn Dương. Ngày 26/3 và 29/3/1945, Cứu quốc quân hợp lực với phong trào quần chúng phát động khởi nghĩa thắng lợi ở Chợ Chu và Đại Từ (Thái Nguyên) và ngày 1/4 lật đổ chính quyền địch tại Yên Sơn và 18/5 tại Yên Bình (Tuyên Quang).

Tại phân khu A, trong năm 1945 Cứu quốc quân đã phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở các địa phương ở Thái Nguyên và Lạng Sơn như Võ Nhai (21/3), Đinh Cả (10/4), Vũ Lẽ (16/4), Nam Nhi (17/4), Bắc Sơn (18/4), Bình Gia (29/4), Bằng Mạc

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Sđd, tr. 94.

(2/5). Đồng thời, Cứu quốc quân còn phối hợp với Giải phóng quân từ Cao Bằng tiến xuống giải phóng Tràng Định, Diêm He, Thoát Lãng (Lạng Sơn). Một bộ phận Cứu quốc quân còn phối hợp với tự vệ chiến đấu của Bắc Giang đánh Yên Thế lần thứ nhất (1/4), Hữu Lũng (15/4), Bố Hạ (18/4), Mỏ Sắt (19/4), Lục Ngạn (30/5) và Đồn Chã (3/6). Tri châu Hữu Lũng, Lục Ngạn đầu hàng Việt Minh. Ở nhiều nơi, nhân dân phá kho thóc của Nhật chia cho nhau.

Tại một bộ phận của Khu an toàn dự bị của Trung ương ở Bắc Giang, trong tháng 3/1945, Ủy ban dân tộc giải phóng đã được thành lập ở phần lớn các xã. Xuân Biều và Xuân Định (huyện Hiệp Hòa) là những xã đầu tiên lập ủy ban ngay sau khi Chi thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" phát ra. Quần chúng họp mít tinh tước bằng triệu của hào lý và lập chính quyền. Cuộc mít tinh đã được biến thành cuộc biểu tình thị uy có vũ trang của quần chúng vây đòn điền của chủ Pháp. Lính đòn khiếp sợ. Việt Minh tổ chức cho quần chúng xúc hàng trăm tấn thóc. Đây là cuộc phá kho thóc đầu tiên của nông dân Bắc Giang. Tiếp đó, một bộ phận Cứu quốc quân tiến về Bắc Giang, kết hợp với phong trào nổi dậy của nhân dân địa phương, bức hàng chính quyền địch ở Hiệp Hòa và Yên Thế, thành lập chính quyền nhân dân.

Tại vùng đồng bằng sông Hồng đã xuất hiện những cuộc đấu tranh vũ trang mặc dù hình thức đấu tranh này ở đây chưa phải là nhiều. Tiêu biểu lúc bấy giờ là cuộc đánh đòn Bàn Yên Nhân ngày 11/3/1945 của du kích Việt Minh tỉnh Hưng Yên. Lợi dụng lúc Nhật chưa kịp đến, quân ta đã đánh đòn, thu toàn bộ vũ khí, tên đòn trưởng phải bỏ chạy¹. Điểm đặc biệt của cao trào đấu tranh cách mạng đang sôi sục ở khắp các tỉnh trong vùng là làn sóng biểu tình của nông dân phá kho thóc của Nhật, cứu đói. Trong hoàn cảnh lúc đó, khi nạn đói đang hoành hành, hàng triệu nông

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Sđd, tr. 99.

dân vùng trung châu bị chết vì đói thì khẩu hiệu "*Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói*" lập tức trở thành lời hiệu triệu, thành mệnh lệnh khởi nghĩa, thôi thúc toàn dân xông lên diệt giặc, giành quyền sống cho mình và giải phóng dân tộc khỏi ách phát xít. Tại các tỉnh như Hà Nội, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Yên, Hòn Gai, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa..., phong trào phá kho thóc của Nhật chia cho dân nghèo đã liên tiếp nổ ra. Đặc biệt là nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân đi phá kho thóc đã "*mang tính chất vũ trang*", "*nông dân vừa tịch thu thóc lúa vừa tịch thu súng đạn của địch*"¹.

Để đẩy mạnh hơn nữa phong trào cách mạng trong cả nước, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền, Ban Thường vụ Trung ương đã triệu tập Hội nghị quân sự Bắc Kỳ từ ngày 15 đến ngày 20/4/1945 tại huyện Hiệp Hòa (Bắc Giang), dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh để giải quyết những vấn đề quân sự được nêu ra tại Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương tháng 3/1945.

Phân tích tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị nhận định:

*"Tình thế đặt nhiệm vụ quân sự lên tất cả các nhiệm vụ quan trọng và cần kíp trong lúc này. Chúng ta phải tích cực phát triển chiến tranh du kích, gây dựng căn cứ địa kháng Nhật, để chuẩn bị cuộc tổng khởi nghĩa cho kịp thời cơ"*².

Nhằm đẩy mạnh và phát triển cuộc đấu tranh cách mạng lên một tầm cao mới trên phạm vi cả nước, cũng như tăng cường các hoạt động vũ trang, Hội nghị cho rằng cần phải thống nhất các lực lượng vũ trang sẵn có như Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân, Việt Nam Cứu quốc quân... thành Việt Nam Giải phóng quân. Ngày 15/5/1945, lễ thành lập Việt Nam Giải phóng quân được tổ

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 135.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 391.

chức tại Định Hóa (Thái Nguyên)¹. Đồng thời, Hội nghị cũng quyết định xây dựng 7 chiến khu cách mạng: ở Bắc Kỳ là các chiến khu Lê Lợi, Quang Trung, Hoàng Hoa Thám và Trần Hưng Đạo; Trung Kỳ là các chiến khu Trung Trắc và Phan Đình Phùng; Nam Kỳ là chiến khu Nguyễn Tri Phương. Đặc biệt, Hội nghị còn nhấn mạnh: "*Cần phải đánh thông liên lạc giữa các chiến khu Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ*"².

Hội nghị đã cử ra Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ đứng đầu là Võ Nguyên Giáp và các ủy viên là Chu Văn Tân, Văn Tiến Dũng, Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh...³. Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ là "*Bộ tư lệnh Việt Nam giải phóng quân miền Bắc Đông Dương*", chịu trách nhiệm "*chi huy các chiến khu miền Bắc Đông Dương, đồng thời có nhiệm vụ giúp đỡ cho toàn quốc về quân sự*"⁴.

Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ đã bàn những biện pháp cụ thể để thực hiện chỉ thị "*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Hội nghị đặc biệt nhấn mạnh là "*nhiệm vụ phát triển cao trào kháng Nhật cứu nước ra toàn quốc*" và "*mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất*", "*phát động chiến tranh du kích trong các chiến khu*", còn ở những nơi chưa có điều kiện phát động du kích thì sử dụng các hình thức vũ trang tuyên truyền, "*tổ chức các đội tự vệ, tự vệ chiến đấu, bộ đội địa phương*", "*bám vào nạn đói*" để "*đưa nhân dân ra đường tranh đấu*"⁵.

Hội nghị yêu cầu "*cần phải nhanh chóng tổ chức ra chính quyền cách mạng hay những hình thức quá độ*". Đối với những khu căn cứ cách mạng thì tổ chức ra Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp

1. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 396.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 392.

3. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 393.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 398-399.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 395.

bằng phô thông đầu phiếu, còn ở những nơi "chưa đánh đổ được chính quyền của địch thì tổ chức ra Ủy ban dân tộc giải phóng". Trên phạm vi toàn quốc, Hội nghị đề nghị triệu tập một cuộc Đại hội Đại biểu gồm các giới, các đảng phái, các thân sĩ toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam¹.

Trên tinh thần đó, ngày 16/4/1945, Tông bộ Việt Minh ra Chỉ thị về việc tổ chức "Ủy ban dân tộc giải phóng" các cấp và nhấn mạnh đó là "*hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng*"².

Ngoài ra, Hội nghị cũng đề cập đến vấn đề thời cơ của cuộc tổng khởi nghĩa, về khả năng quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương, về mâu thuẫn giữa Mỹ - Trung Quốc với Anh - Pháp, cũng như về những biện pháp cụ thể để đối phó với tình hình thực tiễn...

Như vậy, có thể nói Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ đã tập trung giải quyết những vấn đề cụ thể được Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" nêu ra, nhất là cụ thể hóa những nhiệm vụ quân sự để tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trên phạm vi toàn quốc.

Cùng lúc ấy, sau một thời gian ở Trung Quốc, vào cuối tháng 4/1945, Hồ Chí Minh trở lại Pắc Bó và đến đầu tháng 5/1945, Người đến chiến khu Hoàng Hoa Thám và chọn Tân Trào (thuộc huyện Sơn Dương, Tuyên Quang) làm căn cứ để chỉ đạo phong trào cách mạng trong cả nước và chuẩn bị Đại hội Quốc dân. Sau khi nắm bắt đầy đủ tình hình trong nước và tinh thần Hội nghị quân sự Bắc Kỳ, Người đã chỉ thị nhanh chóng lập một khu căn cứ cách mạng rộng lớn lấy tên là Khu Giải phóng. Khu Giải phóng bao gồm hầu hết địa bàn các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang và một số vùng phụ cận của các tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bai, Vĩnh Yên.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 395-396.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 396.

Trên tinh thần đó, ngày 4/6/1945, Tổng bộ Việt Minh triệu tập Hội nghị cán bộ Việt Minh tuyên bố chính thức thành lập Khu Giải phóng do Ủy ban chỉ huy lâm thời "*phụ trách lãnh đạo toàn khu về các phương diện chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội*" và thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh.

Như vậy, việc thành lập và xây dựng Khu Giải phóng cũng như quá trình thực hiện một cách hiệu quả Mười chính sách lớn của Việt Minh tại đây đã làm cho Khu Giải phóng chẳng những là căn cứ địa kháng Nhật mà còn là hình ảnh phôi thai của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sắp ra đời.

Ngay sau khi thành lập Khu Giải phóng, một cao trào kháng Nhật đã phát triển mạnh mẽ khắp các vùng nông thôn và thành thị Bắc Kỳ. Ngoài những chiến khu lập trước, tại các tỉnh, các vùng cũng đều đã lập ra được các khu căn cứ: chiến khu Hiền Lương (Hạ Hòa, Phú Thọ) (6/1945); chiến khu Vân (Lương Ca, Trần Yên, Yên Bai) (6/1945); chiến khu Quỳnh Lưu (Nho Quan, Ninh Bình) thuộc chiến khu Quang Trung, những địa phương giáp ranh 3 tỉnh Hòa Bình - Ninh Bình - Thanh Hóa (6/1945); chiến khu Trần Hưng Đạo (Đông Triều, Hải Dương) (6/1945)¹... và các căn cứ như Yên Thế (Bắc Giang); Lập Thạch (Vĩnh Yên); Bãi Sậy (Hưng Yên); Trầm Lộng (Hà Đông); Đông An (Hà Nam); Phương Quả (Thái Bình). An toàn khu của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ cũng đã được xây dựng tại vùng ngoại thành Hà Nội².

Cùng với việc xây dựng các khu căn cứ là việc đẩy mạnh các hoạt động quân sự tại các địa bàn này. Hoảng sợ trước sự phát triển mạnh mẽ của cao trào cách mạng, quân đội Nhật đã tiến hành những đợt càn quét, vượt sông Lô thọc sâu vào vùng giải phóng. Nhưng các đợt tấn công của chúng đã bị Giải phóng quân kết hợp

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 129.

2. Nguyễn Khánh Toàn (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 2 1858-1945, Sđd, tr. 444.

với dân quân tự vệ địa phương phục kích đẩy lùi. Đó là các trận đánh diễn ra tại Phủ Thông (Bắc Cạn), Tĩnh Túc (Cao Bằng), Văn Lãng (Thái Nguyên) và trên các tuyến đường Thái Nguyên - Chợ Chu - Đại Từ, Bắc Cạn - Phủ Thông¹. Trong tháng 6 và tháng 7/1945, Giải phóng quân đã tấn công và lần lượt chiếm các đồn, phủ, huyện như: đồn Chă (Thái Nguyên); Ngân Sơn (Bắc Cạn); châu Lục Yên, đồn Nghĩa Lộ (Yên Bai); phủ Yên Bình (Tuyên Quang); đồn Bắc Quang (Hà Giang); phố Bình Gia (Lạng Sơn); huyện Yên Thế, đồn Bố Hạ (Bắc Giang); đồn Tam Đảo (Vĩnh Yên)...².

Tại vùng Đông Bắc, sau Hội nghị quân sự Bắc Kỳ, công tác vận động quần chúng và xây dựng các đội vũ trang được triển khai một cách khẩn trương. Ngày 8/6, nhân dân cùng lực lượng du kích đã tiến hành khởi nghĩa, đánh chiếm các đồn Đông Triều, Tràng Bạch, Mạo Khê, Chí Linh (Hải Dương) lập Đệ tứ chiến khu (tức Chiến khu Trần Hưng Đạo hay còn gọi là Chiến khu Đông Triều) và lập ra Ủy ban cách mạng³. Trước những đợt hành quân càn quét hòng tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng của Nhật, quân du kích không những đã bảo vệ được lực lượng cách mạng mà còn làm cho lực lượng vũ trang của chiến khu phát triển nhanh chóng, uy tín của Việt Minh được nâng cao hơn bao giờ hết, phong trào cứu quốc từ đó đã phát triển rầm rộ và rộng khắp tại các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Kiến An, Quảng Yên... Lực lượng vũ trang cách mạng đã tấn công các đồn Uông Bí, Bí Chợ, lập chính quyền nhân dân ở các huyện Kinh Môn, Thanh Hà (Hải Dương)⁴, bức

-
1. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 339-340 và Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Sđd, tr. 112.
 2. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 342-343 và Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Sđd, tr. 132.
 3. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Sđd, tr. 114.
 4. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Sđd, tr. 360-362.

hàng quân địch ở đồn Cát Hải (Quảng Yên). Ngày 20/7/1945, quân du kích của chiến khu đã đánh chiếm thị xã Quảng Yên và huyện Yên Hưng, buộc bọn chỉ huy và binh lính địch đầu hàng, thu toàn bộ vũ khí gồm 500 khẩu súng¹.

Tại vùng giáp ranh các tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, chiến khu Quang Trung được thành lập vào tháng 5/1945. Ngày 20/6/1945, trung đội Giải phóng quân đầu tiên của chiến khu đã ra đời² và nhanh chóng tiến hành các hoạt động vũ trang trong chiến khu. Ảnh hưởng của Việt Minh nhanh chóng lan rộng cả một vùng phía Bắc Trung Kỳ và Nam Bắc Kỳ. Trong chiến khu, ngoài căn cứ Quỳnh Lưu là trung tâm chỉ đạo của Giải phóng quân còn có các căn cứ khác cũng được xây dựng và tập hợp lại thành một mạng lưới liên hoàn, hỗ trợ lẫn nhau như Ngọc Trạo (Thanh Hóa), Diễm Tu Lý, Mường Khói, Cao Phong, Thạch Yên (Hòa Bình). Bên cạnh những hoạt động vũ trang, lập chính quyền ở những khu giải phóng cũng như tại các vùng căn cứ cách mạng thì tại nhiều vùng nông thôn và thành phố, thị xã, thị trấn ở Bắc Kỳ lúc đó cũng đã lan rộng làn sóng cách mạng dưới ngọn cờ Việt Minh. Nhiều cuộc đấu tranh phá kho thóc của Nhật cứu đói, nhiều cuộc biều tình, mít tinh, diễn thuyết tuyên truyền Việt Minh kêu gọi quần chúng đấu tranh, vạch trần tội ác của phát xít Nhật, cảnh cáo bọn tay sai theo Nhật đã diễn ra ở nhiều nơi.

Tại các thành phố, phong trào của công nhân, trí thức, học sinh, sinh viên cũng dâng lên mạnh mẽ, lôi cuốn hầu hết các tầng lớp xã hội ở thị thành, tranh thủ được sự ủng hộ của báo chí. Nhiều tờ báo công khai ở Hà Nội như các tờ *Thanh Nghị* và *Tri Tân*, nhờ sự giác ngộ của cách mạng đã trở thành nơi tập hợp của giới trí thức tiến bộ và nhiều nhân vật chính trị³. Các số báo thường đề cập đến vấn đề độc lập dân tộc, đồng loạt đăng tải các bài tố cáo tội ác của giặc,

1. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Sđd, tr. 363.
2. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Sđd, tr. 113.
3. Đỗ Quang Hưng, *Lịch sử báo chí Việt Nam (1865-1945)*, Sđd, tr. 173, 209-210.

kêu gọi quần chúng nhân dân vùng lân tranh đấu dưới ngọn cờ Việt Minh. Trong xu thế chung của phong trào, một số đồng sinh viên, học sinh cũng như nhiều học giả, nhiều văn nghệ sĩ tiến bộ từ chỗ giác ngộ cách mạng đã đứng hẳn về phía Việt Minh và trở thành lực lượng cách mạng nòng cốt trong cuộc vận động tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội cũng như tại các thị xã, thị trấn ở Bắc Kỳ.

b. Tại Trung Kỳ

Sau những đợt khùng bố của thực dân Pháp vào cuối năm 1939, hệ thống tổ chức Đảng tại phần lớn các tỉnh ở Trung Kỳ đã bị mất liên lạc với Trung ương, một số lớn đảng viên hoặc bị bắt, hoặc phải trốn tránh sự lùng sục của địch. Vì vậy, nói chung phong trào ở xứ này chưa thực sự phát triển rộng khắp như ở Bắc Kỳ. Thế nhưng, sau cuộc đảo chính Nhật - Pháp, với bản Chỉ thị ngày 12/3/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, các tầng lớp nhân dân ở Trung Kỳ đã sẵn sàng đón nhận thời cơ tiến lên tổng khởi nghĩa. Tại nhiều địa phương, công tác khôi phục hệ thống cơ sở Đảng và xây dựng Mặt trận Việt Minh lúc này cũng được tiến hành khẩn trương. Lợi dụng tình hình sau cuộc đảo chính, nhiều đảng viên đang bị giam cầm tại các nhà tù đã vượt ngục trở về hoạt động cách mạng. Mặt khác, Trung ương cũng điều động thêm cán bộ về tăng cường cho Xứ ủy Trung Kỳ. Nhờ vậy, phong trào chuẩn bị khởi nghĩa đã nhanh chóng phát triển rộng khắp tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên...

Tại Thanh Hóa, ngay từ tháng 7/1941, chiến khu Ngọc Trao (Thạch Thành) ra đời¹. Sau khi Tỉnh bộ Việt Minh Thanh Hóa ra đời, một phong trào chuẩn bị khởi nghĩa lan rộng ra các địa phương trong tỉnh. Từ tháng 4 đến tháng 7/1945, Ban Việt Minh các huyện Đông Sơn, Thạch Thành, Nông Cống, Tĩnh Gia, Cẩm Thủy, thành phố Thanh Hóa đã được thành lập².

1. Ban Nghiên cứu lịch sử Thanh Hóa, *Lịch sử Thanh Hóa*, tập 5 (1930-1945), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 141-144.

2. Ban Nghiên cứu lịch sử Thanh Hóa, *Lịch sử Thanh Hóa*, tập 5 (1930-1945), Sđd, tr. 196.

Tại Nghệ An và Hà Tĩnh, Ban Chấp hành Việt Minh liên tỉnh được tổ chức vào tháng 5/1945. Cũng vào thời gian này, căn cứ Đá Bạc (Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh) cũng được thành lập¹. Tháng 7/1945, Hội nghị liên tỉnh Nghệ Tĩnh quyết định gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền².

Phong trào cách mạng cũng lan rộng tại Quảng Bình từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp. Tháng 7/1945, Hội nghị cán bộ Đảng tỉnh Quảng Bình (tại chùa An Xá, Lê Thùy) đã lập Tỉnh ủy lâm thời. Sau đó, Hội nghị Việt Minh toàn tỉnh quyết định chuẩn bị tổng khởi nghĩa³ và nhanh chóng thành lập hai căn cứ là Trung Thuần và Võ Xá⁴. Sau khi bắt liên lạc được với Trung ương cùng với số đảng viên từ nhà tù trở về, tại Thừa Thiên đã chính thức thành lập Tỉnh ủy vào ngày 24/5/1945 và bắt tay vào công tác chuẩn bị khởi nghĩa. Từ đó, Việt Minh của các địa phương (tổng, huyện) được thành lập, các đội du kích, các tổ tự vệ nhanh chóng ra đời.

Tại Quảng Nam, các đoàn thể cách mạng cũng được thành lập trong nhiều làng xã. Khu căn cứ hai huyện Tam Kỳ và Quế Sơn được thành lập. Tháng 7/1945, Thành ủy Việt Minh thành phố Đà Nẵng được thành lập.

Rồi từ tháng 5 đến tháng 7/1945, tổ chức Việt Minh đã được thành lập tại các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và sau đó nhanh chóng lan rộng sang các tỉnh Tây Nguyên: Gia Lai, Đắc Lắc, Lâm Đồng..., nhất là ở Quảng Ngãi với cuộc khởi nghĩa vũ trang, thành lập chiến khu Ba Tơ.

-
1. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Sđd, tr. 369.
 2. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 142.
 3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình, *Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình*, tập 1 (1930-1945), Quảng Bình, 1995, tr. 109-110.
 4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình, *Lịch sử Đảng bộ Quảng Bình*, tập 1 (1930-1945), Sđd, tr. 110.

Ba Tơ là một châu miền núi ở phía tây tỉnh Quảng Ngãi, đại bộ phận dân cư là người Hrê. Tại đây, thực dân Pháp đã cho xây dựng một hệ thống nhà tù chuyên giam cầm các chiến sĩ cách mạng. Chính tại Ba Tơ, cơ sở Đàng địa phương đã thiết lập được đường dây liên lạc với các đồng chí trong nhà tù và nhất là từ đầu năm 1944, các đảng viên đã được phổ biến chương trình và điều lệ của Mặt trận Việt Minh¹. Sau khi được tin Nhật đảo chính Pháp, ngày 11/5/1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã quyết định lãnh đạo tù chính trị phối hợp với lực lượng vũ trang quần chúng nổi dậy phá nhà tù, thành lập Ủy ban cách mạng Ba Tơ. Ngày 14/3/1945, Đội du kích Ba Tơ được thành lập với 28 chiến sĩ². Khi nhận được tin quân Nhật kéo đến Ba Tơ truy kích quân Pháp, Ủy ban Cách mạng Ba Tơ vừa khẩn trương củng cố chính quyền cách mạng, vừa vạch ra các phương án để duy trì và phát triển đội du kích Ba Tơ cũng như tăng cường củng cố phong trào cách mạng ở địa phương. Nhận định về lực lượng địch, ta lúc đó, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định đưa đội du kích rút lui vào rừng. Vì vậy, sau đó, mặc dù bị Nhật vây ráp, truy lùng gắt gao hàng tháng trời nhưng dựa vào địa hình rừng núi, lại được sự đùm bọc của đồng bào, đội du kích Ba Tơ đã anh dũng chiến đấu chống lại kẻ địch, bảo toàn lực lượng để từ đó nhanh chóng mở rộng địa bàn hoạt động vũ trang tuyên truyền về hướng đồng bằng. Trên cơ sở đó, hai căn cứ địa mới ở Quảng Ngãi là Vĩnh Sơn và Núi Lớn đã nhanh chóng được xây dựng³.

Sự phát triển của phong trào khởi nghĩa vũ trang ở Trung Kỳ cho thấy, ở nhiều nơi "chưa có quá trình lâu dài từ trước" nhưng lại đã "... kịp thời đón một cao trào từ miền Bắc tràn vào", như nhận xét của tác giả Trần Huy Liệu⁴.

-
1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 143.
 2. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Sđd, tr. 364.
 3. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Sđd, tr. 365.
 4. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 142.

c. Tại Nam Kỳ

Sau khi cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại, sự khủng bố gắt gao của thực dân Pháp đã làm cho hệ thống tổ chức Đảng ở Nam Kỳ tạm thời bị tan vỡ, các đảng viên phải ẩn mình không dám hoạt động. Cho mãi đến cuối năm 1943, tổ chức cơ sở của Đảng ở Nam Kỳ mới dần dần khôi phục¹. Tuy nhiên, do cách trở, không liên lạc thường xuyên được với Trung ương ở miền Bắc nên trong một thời gian dài phong trào vẫn bị phân liệt, với sự tồn tại cùng lúc hai cơ quan Xứ ủy: "*Xứ ủy Giải phóng*" và "*Xứ ủy Tiền phong*".

Vào đầu năm 1945, một số đảng viên ở Mỹ Tho, Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc... đã cùng nhau tái lập cơ quan Xứ ủy Nam Kỳ, xây dựng cơ sở cách mạng ở các vùng nông thôn. Xứ ủy Nam Kỳ còn quyết định tái bản tờ báo *Giải phóng* do Đặc ủy Vầm Cò Đông thành lập trong những năm 1933-1934², làm cơ quan tuyên truyền của Xứ ủy (nên được gọi là Xứ ủy Giải phóng). Sau khi Nhật đảo chính Pháp, theo tinh thần Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" của Ban Thường vụ Trung ương, "*Xứ ủy Giải phóng*" đã tăng cường đầy mạnh mẽ tuyên truyền Việt Minh, phát triển lực lượng, chuẩn bị đón thời cơ. Tuy nhiên, tình hình ở Nam Kỳ trong giai đoạn này rất phức tạp. Sự kiện 9/3 làm cho các lực lượng thân Nhật trỗi dậy do hy vọng vào việc Nhật sẽ trao trả độc lập cho Việt Nam như Đảng Phục quốc và các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo... Do vậy, Nam Kỳ bị ảnh hưởng của nhiều xu hướng khác nhau, việc tuyên truyền cách mạng của các tổ chức Đảng tại các địa phương gặp nhiều khó khăn, hoạt động của "*Xứ ủy Giải phóng*" không gây được ảnh hưởng rộng rãi trong quần chúng nhân dân.

-
1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 145.
 2. Theo Trần Văn Giàu thi trong những năm 1933-1934, Đặc ủy Vầm Cò Đông lập tờ *Giải phóng*, xuất bản hàng tháng, in xu xoa, có khi in ở Bà Điểm, có lúc in ở Tân Phong, Tân Phú. Trần Văn Giàu, *Hồi ký* (bản thảo cá nhân chưa xuất bản), tr. 137.

Trong khi đó, sau khi vượt ngục trở về (vào tháng 10/1943), đồng chí Trần Văn Giàu đã cùng một số cán bộ Đảng đã tái thành lập một cơ quan Xứ ủy Nam Kỳ khác ở khu vực Sài Gòn - Gia Định¹. Vì nhiều lý do, Xứ ủy Nam Kỳ này đã chỉ đạo phong trào theo tinh thần Nghị quyết Trung ương tháng 11/1939². Từ cuối năm 1943 đầu năm 1944, Xứ ủy cho xuất bản tờ báo bí mật *Tiền phong*³ làm công cụ tuyên truyền, vận động quần chúng (vì vậy, Xứ ủy này được gọi là "Xứ ủy Tiền phong"). Cùng với việc tăng cường đẩy mạnh công tác khôi phục hệ thống tổ chức Đảng, "Xứ ủy Tiền phong" đã chú trọng tập trung tuyên truyền vận động cách mạng đối với các tầng lớp quần chúng thị dân (công nhân, thanh niên, trí thức, tiểu tư sản...) nhằm xây dựng lực lượng ở Sài Gòn - Gia Định, chuẩn bị sẵn sàng đứng lên khi thời cơ đến. Đây chính là bước quyết định quan trọng trong việc nhận định tình hình để tích cực chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Nam Bộ.

Sau sự kiện 9/3/1945, cuộc họp của "Xứ ủy Tiền phong" ở Phú Lạc (gần Sài Gòn) đã đề ra nhiệm vụ: tăng cường tuyên truyền và củng cố tổ chức hệ thống cơ sở Đảng; đẩy mạnh công tác vận động quần chúng bằng hình thức tổ chức các hội quần chúng như công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên... và nhanh chóng "*đưa các tổ chức quần chúng ra hoạt động nửa công khai và công khai để cho tổ chức và phong trào có thể phát triển nhảy vọt thì mới kịp với tình hình*"⁴; tập trung vào địa bàn Sài Gòn và các vùng phụ cận để tăng cường công tác công vận, binh vận và thanh vận, tiến tới tổ chức tự vệ chiến đấu, dần dần thành lập các lực lượng xung kích. Hội nghị còn nhất trí tăng cường khôi phục các cơ sở Đảng ở Nam Kỳ và tìm cách liên lạc với tổ chức Đảng ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

-
1. Xem: Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 62.
 2. Trần Văn Giàu, *Hồi ký* (bản thảo cá nhân chưa xuất bản), tr. 109.
 3. Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 138.
 4. Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 156.

Trên tinh thần ấy, về công vận, theo Trần Văn Giàu thì vào cuối năm 1944, Đảng bộ Sài Gòn đã thiết lập được khoảng trên 30 "chỗ đứng chân" lớn, nhỏ, công tư sở, không kể các khu phố lao động với một số lượng đáng kể cán bộ công đoàn tích cực¹. Để đáp ứng kịp những biến chuyển của tình hình, "*Xứ ủy Tiền phong*" chủ trương đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ công đoàn cơ sở, gây dựng phong trào công nhân ở Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn. Kết quả là vào thời điểm này, lực lượng công nhân của riêng Sài Gòn - Chợ Lớn hưởng ứng phong trào cách mạng đã đạt tới con số 15 vạn người².

Một điểm đặc biệt khác trong tiến trình chuẩn bị khởi nghĩa ở Sài Gòn là việc vận động tầng lớp thanh niên học sinh. Về điểm này, "*Đảng đã lãnh đạo khéo léo không để Thanh niên Tiền phong đổi lập với Việt Minh mà đi theo Việt Minh để rồi dần dần sáp nhập vào Việt Minh và đoạt chính quyền ở Sài Gòn - Chợ Lớn và các tỉnh*"³.

Cũng như vậy, từ mùa hè năm 1942, nhóm sinh viên Nam Kỳ học ở Hà Nội, trong đó nổi trội nhất là Lưu Hữu Phước, Huỳnh Văn Tiêng và Mai Văn Bộ đã về Sài Gòn khởi xướng phong trào yêu nước trong tầng lớp thanh niên học sinh. Số sinh viên này đã tổ chức mít tinh, diễn thuyết (nhất là buổi diễn thuyết tại Nhà hát lớn thành phố về đề tài "*Trần Hưng Đạo phá Nguyên*" của hai diễn giả Nguyễn Ngọ Minh và Trần Văn Khê) và sau diễn thuyết lại có cả đồng ca về tinh thần yêu nước, có triển lãm của Vương Quang Lễ về "*Nguồn gốc của dân tộc Việt Nam*", sáng tác nhiều bài hát yêu nước như bài: "*Tiếng gọi thanh niên*" (nhạc của Lưu Hữu Phước, lời Mai Văn Bộ) và dựng một số vở kịch như: *Đêm Lam Sơn*, *Nợ Mê Linh*, *Hội nghị Diên Hồng* (của Huỳnh Văn Tiêng). Mùa hè năm 1943, nhóm sinh viên còn tổ chức cắm trại Lò Ô gần Thủ Đức, với những hoạt động rất phong phú vừa để "*rèn luyện lòng yêu đồng bào, yêu nhân dân*", vừa thiết thực phục vụ đồng bào như:

1. Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 106.

2, 3. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, Sđd, tr. 146.

khám chữa bệnh, truyền bá vệ sinh, dạy chữ, biểu diễn nghệ thuật... và "*Trại cũng là một lớp học sư... học sư để tự hào dân tộc, để tự lập tự cường...*"¹.

Trước sự lớn mạnh của phong trào thanh niên, sinh viên, từ đầu năm 1945, "*Xứ ủy Tiền phong*" đã tăng cường lôi cuốn thanh niên sinh viên theo sự lãnh đạo của Đảng, nhanh chóng tổ chức các lớp huấn luyện chính trị, đồng thời kết nạp một số sinh viên và trí thức yêu nước tiến bộ vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau ngày 9/3/1945, lợi dụng lúc Nhật có ý đồ xây dựng lực lượng quần chúng làm hậu thuẫn, tháng 5/1945, "*Xứ ủy Tiền phong*" đã cử bác sĩ Phạm Ngọc Thạch (lúc này là đảng viên Đảng Cộng sản) cùng một số cán bộ khác của Đảng đứng ra tổ chức phong trào "*Thanh niên Tiền phong*" lấy lá cờ vàng sao đỏ làm biểu tượng. Ngày 5/7/1945, tại vườn Ông Thượng ở trung tâm Sài Gòn, phong trào "*Thanh niên Tiền phong*" đã tổ chức một cuộc mít tinh tuyên thệ với sự tham dự của khoảng 50.000 người với đầy đủ nghi thức². Từ đó, phong trào "*Thanh niên Tiền phong*" đã nhanh chóng lan rộng ra khắp các tỉnh Nam Kỳ, thu hút sự tham gia của đông đảo các tầng lớp thanh niên, học sinh nông thôn và cho đến giữa tháng 8/1945, lực lượng Thanh niên Tiền phong của cả Nam Kỳ đã lên tới trên 1 triệu người³.

Tại Gia Định, đến tháng 7/1945, uy thế của "*Thanh niên Tiền phong*" đã lấn át cả chính quyền thân Nhật. Từ tháng 8/1945, Chương trình Việt Minh được phổ biến rộng rãi tại địa phương, trong đó "*Thanh niên Tiền phong*" là lực lượng xung kích trong công tác tuyên truyền Việt Minh, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Tại Biên Hòa, Thủ Dầu Một, phong trào cách mạng cũng dâng cao. Tổ chức Đảng đã lãnh đạo quần chúng tích cực chuẩn bị khởi nghĩa, tích trữ vũ khí, thành lập Đội Tự vệ.

1. Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 116.

2. Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 166-168.

3. Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 173.

Tại Tân An, lực lượng cách mạng vừa tiến hành công tác vận động, tuyên truyền vừa tổ chức các đội du kích ở các làng xã, sắm sửa vũ khí, vận động binh lính địch đứng về phía nhân dân.

Tại Mỹ Tho, Gò Công, Vĩnh Long, Cần Thơ..., lực lượng cách mạng đã nhanh chóng thành lập các Ủy ban lâm thời để chuẩn bị khởi nghĩa, với lực lượng nòng cốt là "*Thanh niên Tiền phong*".

Tại nhiều tỉnh khác như Sa Đéc, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Rạch Giá, Châu Đốc, Tây Ninh, Hà Tiên..., các lực lượng cách mạng tại chỗ cùng với số cán bộ đảng vượt ngục trở về đã nắm bắt thời cơ tuyên truyền quần chúng, lãnh đạo thanh niên, tích cực chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.

Phải nói rằng, phong trào cách mạng tiền khởi nghĩa ở Nam Kỳ bắt đầu muộn hơn so với miền Bắc nhưng phát triển nhanh và rộng khắp trên tất cả các địa phương. Tuy nhiên, phong trào Nam Kỳ cũng bộc lộ sự thiếu thống nhất về tổ chức Đảng. Có những nơi như Châu Đốc đã tồn tại cùng lúc đến "*ba tinh ủy và hai nhóm Việt Minh cũ và mới*"¹. Điều đó phần nào đã ảnh hưởng tới tiến trình khởi nghĩa giành chính quyền ở các địa phương.

Tuy nhiên, trước tình hình này, Trung ương Đảng đã kịp thời chấn chỉnh. Báo *Cờ Giải phóng* số 15 đăng bài: "*Để thống nhất Đảng bộ Nam Kỳ hãy kíp đi vào đường lối của đồng chí Trường Chinh*". Bài báo nghiêm khắc phê phán tình trạng chia rẽ nội bộ Đảng ở Nam Kỳ nhằm xóa bỏ mâu thuẫn, thống nhất lực lượng, tổ chức, đầy mạnh chuẩn bị khởi nghĩa.

IV. TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN

1. Nhật đầu hàng Đồng minh

Thực hiện cam kết với phe Đồng minh, ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Ngày 9/8/1945, Hồng quân Liên Xô với lực lượng trên 1,7 triệu chiến sĩ đã mở màn các đợt tấn công tiến đánh

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, Sđd, tr. 143.

đội quân Quan Đông của Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên. Chỉ sau gần hai tuần tiến công, Hồng quân Liên Xô đã đánh bại đội quân chủ lực với trên một triệu binh lính của quân đội Nhật. Trong lúc đó, với ý đồ răn đe và chứng tỏ sức mạnh của vũ khí nguyên tử của mình, ngày 6/8/1945, Mỹ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống Hiroshima và ngày 9/8/1945, Mỹ ném luôn quả thứ hai xuống thành phố Nagasaki. Trước những đòn tấn công quyết liệt và thần tốc của Hồng quân Liên Xô cũng như của lực lượng Đồng minh, Nhật thấy rằng sự thất bại hoàn toàn là không thể tránh khỏi. Vì thế, ngày 11/8/1945, Nhật thông báo với phe Đồng minh về việc chấp nhận đầu hàng và ngày 14/8/1945, Nhật hoàng Hirohito tuyên bố chính thức đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, đồng thời ra lệnh cho toàn bộ binh lính của quân đội Nhật Bản nhanh chóng放下 vũ khí.

Ở Việt Nam, ngay trong đêm 11/8/1945, tin đầu hàng của Nhật đã được lan truyền. Sự kiện này làm cho cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Dương vốn đã bắt đầu sâu sắc ngay từ khi Nhật đảo chính Pháp thì nay càng trở nên quyết liệt. Binh lính Nhật ở Việt Nam rơi vào tình trạng hoang mang cực độ, một số theo tinh thần võ sĩ đạo đã tự sát, số khác bắt liên lạc với Việt Minh xin gia nhập hàng ngũ cách mạng¹.

Trong lúc này, khí thế cách mạng của quần chúng nhân dân trong cả nước đã nhanh chóng dâng cao như vũ bão, áp đảo kẻ thù. Ở hầu hết các thành phố và các vùng nông thôn đều diễn ra những cuộc biểu tình, mít tinh với cờ đỏ sao vàng và khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh. Khí thế cách mạng ngùn ngụt không những làm cho các thế lực thân Pháp và Nhật hoảng sợ mà còn tác động tích cực tới các đảng phái, các tầng lớp trung gian, lôi cuốn họ đi theo Việt Minh.

1. Xem: Đinh Quang Hải, “Những Nhật kiều cuối cùng ở Việt Nam hồi hương sau 1954”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 6, 2002, tr. 63-67 và Furuta Mooto, “Tử binh lính quân đội Thiên Hoàng đến chiến sĩ Việt Minh - vài nét về những người Nhật tham gia Việt Minh”, trong: *Cách mạng tháng Tám - những vấn đề lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 314-323.

Một số lớn quan lại trong bộ máy chính quyền làng xã ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ đã chủ động trao trả chính quyền cho cán bộ Việt Minh. Bộ máy chính quyền Trung ương bù nhìn thân Nhật cũng như rắn mắt đầu, lúng túng trước những biến động ma lẹ của tình hình.

Về phía Pháp, phái De Gaulle muốn tái kiểm soát Đông Dương nên đã lập ra một đạo quân viễn chinh để tham gia vào các cuộc hành quân của quân Đồng minh tại chiến trường Đông Dương. Trước đó, ngày 24/3/1945, De Gaulle đã ra tuyên bố về tương lai của Đông Dương hậu chiến. Ngày 7/6/1945, De Gaulle chính thức giao trách nhiệm cho tướng Philippe Leclerc thành lập và chỉ huy đạo quân viễn chinh Pháp gồm hai sư đoàn sẵn sàng sang Đông Dương¹. Ngày 15/8/1945, De Gaulle lại bổ nhiệm Đô đốc George Thiery d'Argenlieu làm Cao ủy Đông Dương, kiêm chức Tổng Tư lệnh hải lục không quân Pháp ở Viễn Đông, có trách nhiệm soạn thảo phương án đưa quân tái chiếm Việt Nam, Lào, Cao Miên². Đồng thời, Chính phủ Pháp cũng ra lệnh cho các đơn vị quân đội đang có mặt ở Trung Quốc và Ấn Độ quay trở lại Đông Dương sớm nhất có thể.

Đối với Mỹ, Tổng thống Roosevelt từ đầu đã có ý định "*ngăn cản không cho nước Pháp phục hồi lại Đông Dương*" và "*mong muốn một sự ủy trị của Liên hợp quốc cho đến khi những người dân có khả năng tự cai quản lấy mình*"³.

Nhưng sau khi Roosevelt qua đời, người kế nhiệm là Harry S. Truman lại thi hành một đường lối mới nhằm thay đổi lập trường về vấn đề Đông Dương⁴. Trước sự lớn mạnh của Liên Xô, sức mạnh của phong trào dân chủ, sự phát triển của phong trào giành độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc cũng như của phong trào vì hòa bình tại các nước tư bản, để lôi kéo De Gaulle về phía Mỹ và các nước phương Tây, Truman bật đèn xanh cho Pháp đưa quân trở lại tái chiếm Đông Dương.

1. Stein Tonesson: *The Vietnamese Revolution...*, Sđd, tr. 321.

2. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 408.

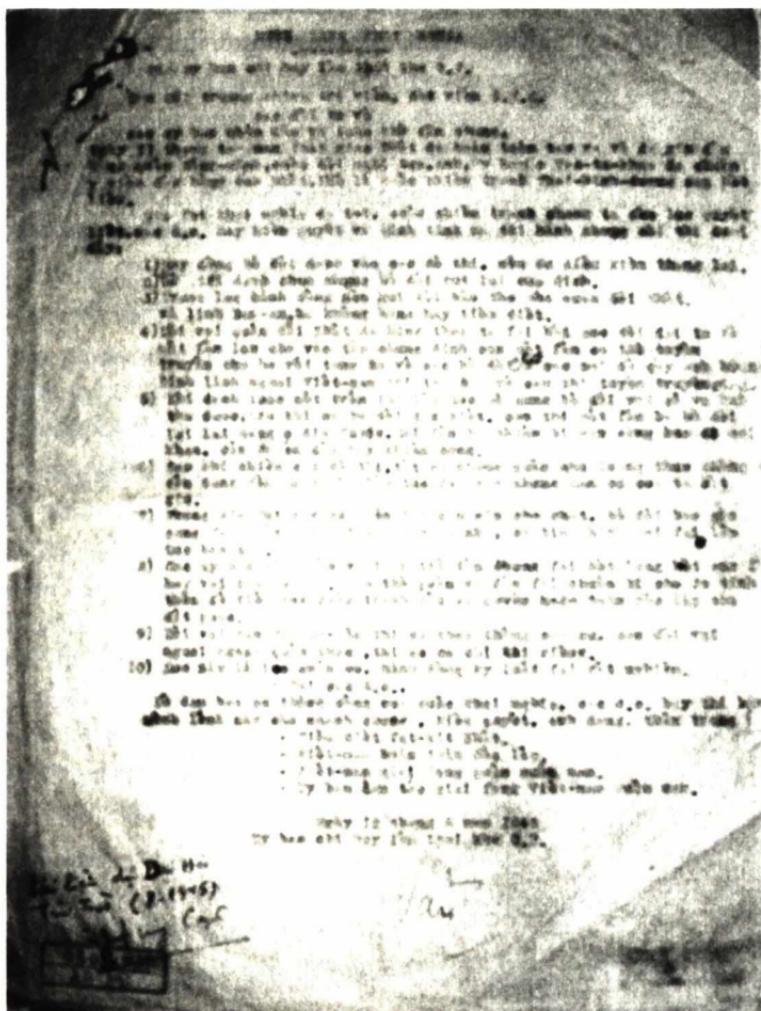
3, 4. David Marr, *Viet Nam 1945. The Quest for power*, Sđd, tr. 226.

Đối với Anh, mặc dù chưa tuyên bố chính thức, việc Anh từ đầu đã cho phép De Gaulle được lấy Anh làm địa điểm tập hợp lực lượng kháng chiến và từ đó hình thành nên một chính phủ kháng chiến của Pháp là một sự bảo đảm cho Pháp quay trở lại Đông Dương và khi Anh được "*phân công*" cho việc giải giáp quân Nhật ở miền Nam Đông Dương thì việc Pháp níp bóng quân Anh là một điều cực kỳ thuận lợi.

Như vậy, có thể nói trong lúc quân đội Nhật chưa kịp hoàn hồn trước những thất bại liên tiếp và trước sự đầu hàng vô điều kiện của Nhật, trong lúc quân Đồng minh chưa kịp thực thi việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương và khi bộ máy chính quyền thực dân của cả Nhật và Pháp ở Đông Dương rơi vào tình trạng tê liệt hoàn toàn thì đã mở ra thời cơ thuận lợi cho nhân dân ba nước Đông Dương đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng Việt Nam và các nước Đông Dương có thực hiện được mục tiêu giành độc lập hay không hoàn toàn phụ thuộc vào chính sự nỗ lực của mỗi dân tộc và việc lợi dụng thời cơ nghìn năm có một này như thế nào để vừa hiệu quả nhất lại vừa tránh được những tổn thất về xương máu cho mỗi quốc gia, dân tộc.

2. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương và Quốc dân Đại hội

Những điều trình bày ở trên cho thấy, vào mùa thu năm 1945, tình thế của một cuộc khởi nghĩa đã đến lúc chín muồi. Trên cả nước, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, rộng khắp lôi cuốn hàng triệu người xuống đường tranh đấu, khí thế khởi nghĩa giành chính quyền sôi sục, nội bộ quân địch rơi vào tình trạng rối loạn, khốn quẫn, chính quyền thân Nhật các cấp, nhất là cấp cơ sở nhiều nơi hoặc tự tan rã hoặc hoang mang giao động cực độ. Trước tình hình đó, Tổng bộ Việt Minh ngay tức khắc đã triệu tập Quốc dân Đại hội. Lãnh tụ Hồ Chí Minh lúc đó đang ôm nặng cũng đã cùng với Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh khẩn trương chuẩn bị để hội nghị có thể nhanh chóng được khai mạc.



Mệnh lệnh khởi nghĩa của Ban Chỉ huy lâm thời Khu giải phóng
ngày 13/8/1945

Nguồn: Trung bày chuyên đề Một số sưu tập hiện vật về Cách mạng tháng Tám 1945 chào mừng kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2005), mở cửa ngày 16/8/2005 tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, tr. 10.

Ngày 11/8, khi hay tin Nhật sắp sửa đầu hàng Đồng minh, lập tức ngay hôm sau, ngày 12/8, Trung ương Đảng phát *Mệnh lệnh Khởi nghĩa giành chính quyền tại địa bàn Khu Giải phóng*¹. Ngày 13/8, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập do Tổng Bí thư Trường Chinh đứng đầu và các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Lê Thanh Nghị, Trần Đăng Ninh, Chu Văn Tân². Ngay trong đêm 13/8, Ủy ban khởi nghĩa đã ban bố lệnh khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước với bản "Quân lệnh số 1":

*"Hỡi quân dân toàn quốc! Giờ tổng khởi nghĩa đã đến! Cơ hội có một cho quân dân Việt Nam vùng dậy giành lấy quyền độc lập của nước nhà!... Chúng ta phải hành động cho nhanh, với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng! Tổ quốc đang đòi hỏi những hy sinh lớn lao của các bạn! Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta!"*³.

Rồi trong hai ngày 14 và 15/8/1945, Hội nghị Đại biểu toàn quốc của Đảng đã nhóm họp tại Tân Trào có sự tham dự của đại biểu các Đảng bộ trên cả ba miền, cùng đại biểu của Lào và kiều bào ở nước ngoài. Nội dung của Hội nghị xoay quanh những vấn đề về tiến hành khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trên phạm vi cả nước. Hội nghị khẳng định: "Cơ hội rất tốt cho ta giành quyền độc lập dân tộc đã tới", cách mạng Việt Nam lúc này đang ở trong "tình thế vô cùng khẩn cấp" và đề ra 3 nguyên tắc hoạt động chính là:

*"Tập trung lực lượng vào những việc chính"; "thống nhất về mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy"; "kịp thời hành động không bỏ lỡ cơ hội", nhằm đạt được "mục đích cuộc chiến đấu của ta lúc này là giành quyền độc lập hoàn toàn"*⁴.

1, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 419-420.

2. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Sđd, tr. 131. Theo Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, 1858-1945, Sđd, thì Hội nghị toàn quốc của Đảng được triệu tập tại Tân Trào vào đêm 14/8/1945. Chính trong Hội nghị này, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc đã được thành lập và ra Quân lệnh số 1.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 424-425.

Hội nghị còn đề ra 3 khẩu hiệu đấu tranh nhằm đạt được mục tiêu của các mạng là: "*Phản đối xâm lược!*"; "*Hoàn toàn độc lập!*"; "*Chính quyền nhân dân!*". Liên quan đến vấn đề khởi nghĩa ở các địa phương, Hội nghị nhất trí giành sự chủ động cho mỗi địa phương, tùy vào điều kiện cụ thể để tiến hành phát động quần chúng nhân dân đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền theo phương châm: "*Đánh chiếm những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay thôn quê; Thành lập những ủy ban nhân dân ở những nơi ta làm chủ; Thi hành 10 chính sách của Việt Minh*"¹.

Mặt khác, Hội nghị cũng chỉ rõ tính phức tạp của bối cảnh quốc tế, mâu thuẫn trong phe Đồng minh, âm mưu dựa vào Anh, Mỹ để tái chiếm Đông Dương của Pháp. Về chủ quan, Hội nghị cũng nêu lên những khó khăn và thách thức đối với cách mạng Việt Nam. Về ngoại giao, mặc dù chúng ta đã cố gắng nhiều nhưng "*Cách mạng Việt Nam vẫn chưa giành được một địa vị trên trường quốc tế*"². Vì thế, để "*tránh cái trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng minh*", Hội nghị cho rằng cần "*tranh thủ sự đồng tình của Liên Xô và Mỹ*" để chống lại mưu đồ của Pháp và "*một số quân phiệt Tàu*". Thế nhưng cũng để tránh tâm lý ý lại vào bên ngoài, Hội nghị nhấn mạnh tinh thần tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính của cách mạng Việt Nam, rằng "*Dù sao chỉ có thực lực của ta mới quyết định được sự thắng lợi giữa ta và Đồng minh*"³.

Hội nghị cũng đề cập đến nhiều vấn đề khác như: tuyên truyền cổ động, quân sự, kinh tế, giao thông, các đảng phái, vấn đề cán bộ, vấn đề tổ chức Đảng...

Ngay sau khi Hội nghị toàn quốc của Đảng bế mạc, ngày 16/8/1945, tại đình Kim Long (Tân Trào), Đại hội quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập đã được khai mạc trọng thể. Tham dự Hội nghị có trên 60 đại biểu thay mặt cho các đảng phái, đoàn thể, dân tộc, tôn giáo của các địa phương trong cả nước cùng đại biểu Việt kiều ở

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 425.

2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 427.

Thái Lan và Lào. Đại hội nhất trí chủ trương phát động tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi toàn quốc của Đảng và ban bố 10 chính sách lớn của Việt Minh là:

"1. Giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập; 2. Võ trang nhân dân. Phát triển quân Giải phóng Việt Nam; 3. Tịch thu tài sản của giặc nước và của Việt gian, tùy từng trường hợp sung công làm của quốc gia hay chia cho dân nghèo; 4. Bỏ các thứ thuế do Nhật, Pháp đặt ra, đặt một thứ thuế công bằng và nhẹ; 5. Ban bố những quyền dân chủ cho dân (Nhân quyền, Tài quyền và Dân quyền: quyền phổ thông đầu phiếu, quyền tự do dân chủ (tự do tín ngưỡng, tự do tư tưởng, ngôn luận, hội họp, đi lại), dân tộc bình quyền, nam nữ bình quyền); 6. Chia lại ruộng công cho công bằng, giảm địa tô, giảm lợi tức, hoãn nợ, cứu tế nạn dân; 7. Ban bố Luật Lao động, ngày làm 8 giờ, định lương tối thiểu, đặt bảo hiểm xã hội; 8. Xây dựng nền kinh tế quốc dân, phát triển nông nghiệp. Mở mang ngân hàng; 9. Xây dựng nền quốc dân giáo dục; chống nạn mù chữ, phổ thông và cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ cấp. Kiến thiết nền văn hóa mới; 10. Thân thiện và giao hảo với các nước Đồng minh và các nước nhược tiểu dân tộc để giành lấy sự đồng tình và ủng hộ họ"¹.

Đại hội cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch để chỉ huy cuộc tổng khởi nghĩa. Nghị quyết của Quốc dân Đại hội nêu rõ:

"Ủy ban này cũng như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam trước khi thành lập một chính phủ chính thức, Ủy ban này thay mặt quốc dân mà giao thiệp với các nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước"².

Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam gồm có:

1. Hồ Chí Minh - Chủ tịch

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 559-560.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 560-561.

2. Trần Huy Liệu - Phó Chủ tịch

và 13 ủy viên khác: Nguyễn Lương Bằng - Uỷ viên, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền, Chu Văn Tấn, Nguyễn Văn Xuân, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Hữu Đang.

Một Ban thường trực của Uỷ ban cũng được cử ra gồm 5 người: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng, Phạm Văn Đồng và Dương Đức Hiền¹.

Đại hội quyết định lấy cờ đỏ sao vàng làm quốc kỳ và Tiết quân ca làm quốc ca của nước Việt Nam sau khi giành độc lập. Đồng thời, Đại hội cũng quyết định lập ra Uỷ ban Khởi nghĩa do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch và toàn quyền chỉ huy cho Uỷ ban khởi nghĩa.

Sáng ngày 17/8, tại đình Tân Trào, Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam tuyên thệ quyết hoàn thành sứ mệnh cao cả cứu nước, cứu dân.

Uỷ ban đã phát lệnh khởi nghĩa và ra lời hiệu triệu quốc dân đồng bào "... hãy tuốt gươm lắp súng để định đoạt lấy số phận của mình"².

Hồ Chủ tịch cũng gửi thư cho toàn thể quốc dân đồng bào:

"Hỡi đồng bào yêu quý!

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến!

Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Nhiều dân tộc bị áp trên thế giới đang đua nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.

Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"³.

1. Theo Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 157.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 563.

3. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, Sđd, tr. 380.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Hồ Chủ tịch, toàn thể nhân dân Việt Nam trên khắp mọi miền đất nước, từ thành thị đến nông thôn, từ đồng bằng đến miền núi, hải đảo đã nhất tề đứng lên tiến hành khởi nghĩa, lập ra chính quyền của nhân dân.

3. Giành chính quyền ở Bắc Kỳ

Ở Bắc Kỳ, ngay sau khi biết Nhật đầu hàng Đồng minh và nhất là sau khi *Bản quân lệnh số 1* được ban bố, Xứ ủy Bắc Kỳ nhóm họp ra "Thông báo khẩn cấp về tình hình mới gây ra bởi việc Nhật đầu hàng Đồng minh", đồng thời chỉ thị cho các cơ sở đẩy mạnh cuộc đấu tranh giành chính quyền. Cùng ngày 13/8, Ký bộ Việt Minh Bắc Kỳ đã ra thông báo khẩn cấp: "*Thời kỳ tiền khởi nghĩa đã hết, chúng ta đứng trong tình thế trực tiếp khởi nghĩa*". Từ thời điểm đó, một cao trào khởi nghĩa giành chính quyền đã nhanh chóng bùng lên trên tất cả mọi địa phương. Ở Khu giải phóng, các đội tự vệ vũ trang đã tổ chức tấn công, bức hàng một số đồn bốt của quân Nhật và bảo an binh, tịch thu vũ khí của địch.

Trong khí thế cách mạng đang hừng hực dâng trào đó, quần chúng nhân dân ở nhiều địa phương thuộc các tỉnh ở Bắc Kỳ như Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Yên Bái, Phú Thọ, Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Ninh, Hà Đông, Sơn Tây, Hải Dương, Hưng Yên, Kiến An, Ninh Bình, Thái Bình... đã nhất loạt đứng dậy lật đổ hệ thống chính quyền của địch lập chính quyền Việt Minh.

Vào 14 giờ ngày 16/8/1945, đúng lúc khai mạc Quốc dân Đại hội, Giải phóng quân dưới sự chỉ huy của Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa đã xuất quân tiến xuống giải phóng thị xã Thái Nguyên, lúc này đang do lính Nhật chiếm giữ¹. Tiếp đến, ngày 17/8/1945, cùng lúc với cuộc khởi nghĩa ở Hà Tĩnh, Quảng Nam (Trung Kỳ) và Mỹ Tho (Nam Kỳ), lực lượng cách mạng tiến hành

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 158.

khởi nghĩa ở Bắc Giang, Hải Dương giành chính quyền. Đây là những địa phương giành chính quyền sớm nhất.

Tại Hà Nội

Được tin Nhật đầu hàng và chính quyền tay sai đang lâm vào tình trạng hoang mang, dao động, và mặc dù chưa nhận được chỉ thị khởi nghĩa từ Tân Trào, nhưng căn cứ vào tinh thần Chỉ thị ngày 12/3/1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, vào tối ngày 14, sáng ngày 15/8, Xứ ủy Bắc Kỳ đã nhóm họp tại làng Vạn Phúc (Hà Đông) để soạn thảo kế hoạch khởi nghĩa. Hội nghị đặc biệt coi trọng địa bàn Hà Nội, thủ phủ của Liên bang Đông Dương thuộc Pháp, do đó quyết định vấn đề khởi nghĩa ở Hà Nội phải là trọng điểm, cần tập trung mọi lực lượng cho việc giành chính quyền ở đây. Trên tinh thần đó, Ủy ban quân sự cách mạng Hà Nội (tức Ủy ban Khởi nghĩa) được thành lập, gồm: Nguyễn Khang (Ủy viên thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ, Chủ tịch ủy ban), Nguyễn Huy Khôi (tức Trần Quang Huy, phụ trách Ban Công vận của Xứ ủy Bắc Kỳ, Bí thư), Nguyễn Quyết (Bí thư Thành ủy Hà Nội), Lê Trọng Nghĩa (cán bộ của Xứ Ủy Bắc Kỳ) và Nguyễn Duy Thân (thành ủy viên Hà Nội) nhằm thực hiện nhiệm vụ trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Ngày 16/8, tại nhà số 101 phố Gambetta (phố Trần Hưng Đạo), Ủy ban quân sự cách mạng Hà Nội đã nhóm họp để chỉ đạo việc chuẩn bị lực lượng, tăng cường hoạt động vũ trang tuyên truyền, động viên tối đa lực lượng quần chúng, sẵn sàng nổi dậy khi khởi nghĩa nổ ra ở Hà Nội. Đồng thời, Xứ ủy Bắc Kỳ quyết định cử đại diện tiếp xúc với Phan Kế Toại và Trần Trọng Kim để thăm dò thái độ và âm mưu của chính quyền tay sai¹ và thông qua các hoạt động tuyên truyền để làm sâu thêm tình trạng hoang mang, lo sợ của quân Nhật cũng như hàng ngũ tay sai theo đuôi phát xít, thực dân. Cũng trong ngày 16/8, ở hầu hết các huyện ngoại thành Hà Nội, Việt Minh đã tổ chức thắng lợi hàng chục cuộc mít tinh với sự tham gia đông đảo của các tầng lớp quần chúng nhân dân. Trong nội

1. Lê Trọng Nghĩa, *Các cuộc tiếp xúc giữa Việt Minh với chính phủ Trần Trọng Kim, Hồi ký, Xưa và Nay*, số 5 (6), tháng 8/1994.

thành, Đoàn thanh niên xung phong thành Hoàng Diệu cùng lúc đã tiến hành vũ trang tuyên truyền tại các rạp hát Quảng Lạc, Hiệp Thành và Tô Nhu¹. Khắp Hà Nội xuất hiện truyền đơn, biểu ngữ kêu gọi đồng bào đứng lên khởi nghĩa, ủng hộ Việt Minh, giành chính quyền về tay nhân dân. Lực lượng tự vệ Hà Nội lúc này, ngoài số tự vệ làm nhiệm vụ bảo vệ cơ sở cách mạng, tổ chức các cuộc đấu tranh quần chúng thì số tự vệ chiến đấu còn tương đối ít. Theo đồng chí Nguyễn Quyết, Bí thư thành ủy kiêm phụ trách quân sự thì vào ngày 16/8, lực lượng vũ trang chính thức mới có 3 chi đội với khoảng từ 700 đến 800 chiến sĩ, 70 súng trường, 30 súng ngắn².

Lúc này, từ chối dao động mạnh, chính quyền thân Nhật ở Hà Nội đã bắt đầu tan rã. Ngày 14/8/1945, chính phủ Trần Trọng Kim vẫn còn ra Tuyên cáo rằng:

*"Chúng tôi vẫn hợp tác chặt chẽ với các nhà đương chức Nhật Bản và chúng tôi không bao giờ quên rằng quân đội Nhật giải phóng (?) cho ta ra ngoài cái ách áp chế của người ngoại quốc (!)"*³.

Một số khác lại nuôi ảo tưởng chờ quân Anh - Mỹ - Tưởng đỗ bộ vào nước ta để nhân cơ hội đứng ra thành lập chính phủ bù nhìn, cho nên tỏ ý muốn thương lượng "hợp tác" với Việt Minh để trì hoãn cuộc khởi nghĩa. Ngày 16/8, Tổng hội Công chức (do chính quyền thân Nhật dựng lên) thông báo về việc tổ chức cuộc mít tinh quần chúng vào chiều ngày 17/8 ở trước Nhà hát Lớn để bày tỏ sự ủng hộ đối với chính phủ Trần Trọng Kim. Biết tin này, Ủy ban Quân sự cách mạng Hà Nội đã quyết định chuẩn bị cướp diễn đàn để vừa tuyên truyền ủng hộ Việt Minh vừa thăm dò thái độ của Nhật và mặt khác, hạ lệnh cho các cơ sở Việt Minh huy động quần

-
1. Trần Hữu Đính và Lê Trung Dũng, *Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện*, Sđd, tr. 294.
 2. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 400-401.
 3. Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, 1858-1945, Sđd, tr. 450.

chúng nhân dân đem theo cờ đỏ sao vàng và biểu ngữ đến dự mít tinh. Đến khoảng 2 giờ chiều ngày 17/8, khoảng 20.000 người đã tập hợp tại quảng trường Nhà hát Lớn. Cuộc mít tinh vừa bắt đầu, khắp quảng trường rợp trời cờ đỏ sao vàng với tiếng hô như sấm dậy của quần chúng nhân dân: "*Üng hộ Việt Minh!*", "*Việt Nam độc lập!*", "*Đả đảo bù nhìn!*". Rồi một môt đơn vị tự vệ xuất hiện trên lề dài, dồn bọn tò chục mít tinh vào một góc, hạ cờ què ly thay bằng cờ cách mạng trong tiếng hò reo vang dội của quần chúng nhân dân. Trên diễn đàn, các thành viên của Đoàn Thanh niên xung phong của Việt Minh tiến hành diễn thuyết, thông báo tin Nhật hoàng đầu hàng Đồng minh, kêu gọi quần chúng đứng lên lật đổ chính phủ tay sai thân Nhật, giành độc lập cho dân tộc, xây dựng chính quyền nhân dân. Trước khí thế cách mạng dâng cao của quần chúng nhân dân, các lực lượng bảo an binh và cảnh sát đã không có phản ứng đáng kể nào, phần lớn lực lượng này đã nhanh chóng ngã theo cách mạng. Quân đội Nhật cũng nằm im không có một cử động nào. Sau khi cuộc mít tinh kết thúc, những người tham dự mang theo cờ bắt đầu tuần hành dọc theo các đường phố chính của Hà Nội cho đến tận nửa đêm. Đoàn người biểu tình hô vang những khẩu hiệu cách mạng, ủng hộ Việt Minh.

Trên đà thắng lợi của cuộc mít tinh ngày 17/8, khí thế cách mạng ngùn ngụt dâng lên. Trong các ngày 17 và 18/8, Ủy ban nhân dân cách mạng được thành lập ở các xã ngoại thành và Gia Lâm. Dân quân tự vệ chiếm giữ hầu hết các đồn bảo an binh ở ngoại thành. Trong nội thành, trưa ngày 18, hơn 3.000 công nhân của các xí nghiệp Avia, Stai... đã tổ chức biểu tình trước Phủ Khâm sai, hô vang các khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh, đả đảo chính quyền thân Nhật¹, các tầng lớp nhân dân tích cực chuẩn bị đội ngũ, may cờ Tổ quốc. Ngày 19/8, Ủy ban Quân sự cách mạng Hà Nội đã quyết định phát động khởi nghĩa dưới hình thức biểu tình quần chúng. Việc chuẩn bị được tiến hành khẩn trương: huy động và tổ chức quần

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 161.

chúng thành đội ngũ, may cờ Tổ quốc, chuẩn bị khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh, sắm sửa vũ khí. Không khí khởi nghĩa sục sôi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nông dân, công nhân và các tầng lớp quần chúng lao động toàn thành phố tham dự. Mặt khác, để đảm bảo khởi nghĩa chắc thắng, Ủy ban còn chủ trương triệt để lợi dụng thời cơ quân Nhật đang hoang mang, vận động Nhật không can thiệp vào nội bộ của người Việt Nam với sự đảm bảo quân Nhật trở về nước yên ổn. Ngoài ra, Ủy ban cũng tính tới khả năng phản kháng của quân Nhật nên đã chuẩn bị chu đáo các phương án đối phó.

Trước khí thế hùng hực của cách mạng, chính quyền thân Nhật tìm mọi cách cứu vãn tình hình, "*cố gắng diễn cuồng khẳng định uy quyền*"¹ của một chính quyền đã đến giờ tận số, nhưng vô vọng. Lấy lý do là để có thể thương lượng với quân Đồng minh một cách thuận lợi hơn, sáng ngày 18/8, ông Hoàng Xuân Hãn, đại diện của chính phủ Trần Trọng Kim đề nghị với Ủy ban Quân sự cách mạng Hà Nội việc phân chia quyền lực. Việc phân chia này sẽ là: Việt Minh quản lý các vùng nông thôn còn các vùng đô thị sẽ thuộc quyền quản lý của chính phủ thân Nhật. Thế nhưng, đề nghị này đã bị Việt Minh từ chối thẳng thừng. Một số lực lượng, đảng phái khác như Việt Nam Quốc dân Đảng, Đại Việt quốc xã, Đại Việt quốc dân Đảng... cũng vội vàng tập hợp nhau lại mưu đồ đảo chính cướp chính quyền trước Việt Minh, nhưng lại mâu thuẫn với nhau vì không điều hòa được lợi ích giữa các nhóm² và cũng vì không được quần chúng ủng hộ nên âm mưu của chúng đã bất thành.

Sáng ngày 19/8, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, các tầng lớp nhân dân, đông tới hàng vạn người từ các vùng ngoại thành và các tỉnh lân cận như Hà Đông, Bắc Ninh với cờ đỏ sao vàng, biều ngữ, gậy gộc, mã tấu... nhất loạt tiến vào trung tâm Hà Nội. Ở nội thành, hàng vạn quần chúng lao động cũng sẵn sàng xuống đường hướng về quảng trường Nhà hát Lớn để tham dự lễ mít tinh. Theo sự điều

1. David Marr, *Viet Nam 1945. The Quest for power*, Sđd, tr. 390.

2. David Marr, *Viet Nam 1945. The Quest for power*, Sđd, tr. 400.

hành của Việt Minh, cuộc mít tinh có sự tham dự của khoảng 200.000 người đã khai mạc vào lúc 11 giờ trưa ngày 19/8. Cuộc mít tinh được bắt đầu bằng bài Tiến quân ca, tiếp đến đại diện Việt Minh lên diễn đàn kêu gọi đồng bào vùng lên đánh đổ mọi lực lượng xâm phạm đến nền độc lập của dân tộc, đánh đổ chính quyền thân Nhật, thành lập chính phủ Cộng hòa dân chủ Việt Nam¹. Tiếng reo hò vang dậy hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Minh. Đến 12 giờ trưa, những người tham dự biểu tình đã tỏa ra khắp mọi ngả, đến chiếm Phủ Khâm sai Bắc Bộ, Tòa thị chính và các công sở khác trong thành phố như Sở Mật thám, Sở Cảnh sát trung ương, Sở Bưu điện... Trước khí thế sục sôi cách mạng của quần chúng và sự sẵn sàng của lực lượng tự vệ chiến đấu, Thủ hiến Bắc Kỳ Nguyễn Xuân Chữ và Thị trưởng thành phố Hà Nội Trần Văn Lai cùng lực lượng viên chức, cảnh sát... đã vội vã đầu hàng, Việt Minh nhanh chóng chiếm giữ hầu hết các công sở của chính quyền tay sai trên địa bàn Hà Nội mà không để xảy ra xung đột đổ máu.

Quá trình giành chính quyền ở Hà Nội chi gặp trực trặc nhỏ tại trại Bảo an binh và nhà Ngân hàng Đông Dương. Tại trại Bảo An, Nhật điều động xe tăng chặn các góc phố và được dịp một số binh lính định làm phản, nhưng theo sự chỉ huy của Việt Minh, đoàn biểu tình đã chặn xe và Uỷ ban Quân sự cách mạng cử đại diện đến giải thích cho quân đội Nhật, đề nghị họ không can thiệp. Nhật phải cho xe và lính rút lui. Việc chiếm đồn Bảo an kết thúc thắng lợi. Tại Ngân hàng Đông Dương, Nhật bố trí một lực lượng mạnh với hỏa lực là súng liên thanh. Khi đoàn quân Việt Minh tới, Nhật kiên quyết không nhượng bộ và tuyên bố sẵn sàng nhả đạn vào đoàn biểu tình nếu chiếm cơ sở này. Trước tình hình đó, Uỷ ban quân sự cách mạng đã thương lượng với Nhật và cuối cùng, Nhật phải đồng ý cho một tiểu đội tự vệ Việt Minh cùng canh gác và như vậy, đây là địa điểm mà Việt Minh không giành được thắng lợi trọn vẹn như dự kiến ban đầu.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7, Sđd, tr. 567-568.

Ngày 20/8/1945, tại Bắc Bộ phủ, trước sự chứng kiến của đông đảo quần chúng nhân dân, Ủy ban nhân dân cách mạng Bắc Bộ đã được thành lập gồm: Nguyễn Khang (Chủ tịch) Lê Trọng Nghĩa (phụ trách ngoại giao), Nguyễn Văn Trân (phụ trách hành chính), Nguyễn Xuân Đan (phụ trách tuyên truyền), Nguyễn Duy Thân (phụ trách các công sở)¹. Đồng thời, Ủy ban nhân dân cách mạng Hà Nội cũng được thành lập, gồm: Nguyễn Huy Khôi (Chủ tịch), Nguyễn Quyết (phụ trách chính trị), Vương Thừa Vũ (phụ trách quân sự) và hai đồng chí Khánh, Ninh².

Thắng lợi của việc giành chính quyền ở thành phố Hà Nội là một đòn quyết định làm tan rã chính quyền tay sai Nhật, đẩy chúng đến chỗ hoàn toàn tuyệt vọng phải đầu hàng cách mạng. Thắng lợi ở Hà Nội còn gọi mở cho ta phương thức kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự với ngoại giao, dùng tinh thần, trí tuệ của con người Việt Nam để chiến thắng kẻ thù. Thắng lợi đó tạo đà cho việc giành chính quyền ở các địa phương khác, nhất là ở các tỉnh của Bắc Kỳ. Sau khi chiếm được các công sở của chính quyền thực dân ở Hà Nội, thông qua điện thoại, chính quyền Việt Minh đã thông báo cho các tỉnh trưởng, thị trưởng ở các tỉnh về việc giành chính quyền ở Hà Nội và ra lệnh cho chúng phải giao nộp chính quyền cho Việt Minh sở tại². Tổng khởi nghĩa giành chính quyền lan rộng trên phạm vi cả nước.

Tại Bắc Giang, Hải Dương (18/8)

Ngày 18/8, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, nhân dân hai tỉnh đã nỗ lực khởi nghĩa giành chính quyền.

-
- 1, 2. Trần Hữu Đính, Lê Trung Dũng, *Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện*, Sđd, tr. 302.
 3. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử quân sự Việt Nam*, tập 9, Sđd, tr. 403.

Tại Bắc Giang, ngay từ ngày 18/3, Ban cán sự tinh đã đề ra kế hoạch khởi nghĩa từng phần¹. Việc giành chính quyền sớm diễn ra ở tinh này mà sớm nhất là ở Hiệp Hòa. Cho đến tháng 7/1945, hầu hết các làng trong huyện đều đã nằm dưới quyền kiểm soát của Việt Minh. Cũng thời gian này, Ủy ban dân tộc giải phóng cấp huyện đã được thành lập ở Hiệp Hòa và Yên Thế. Rồi vào tháng 7/1945, Việt Minh lần lượt đánh chiếm các phủ, huyện ở Bắc Giang: ngày 16/7, chiếm phủ Yên Thế (lần thứ hai); ngày 19/7, chiếm phủ Lục Ngạn; ngày 20/7, tấn công đồn Đức La (Yên Dũng) và giải phóng huyện lỵ Yên Dũng, bắt giam Tri huyện, tịch thu vũ khí, khí tài và trong tháng 7 đã đồng thời giành chính quyền tại các huyện Việt Yên, Lục Ngạn, Hữu Lũng, tiến đánh một số đồn bốt, phục kích tiêu diệt địch. Ngày 18/8, Việt Minh chiếm tinh lỵ Bắc Giang (phủ Lạng Thương). Ngày 21/8, Ủy ban cách mạng lâm thời Bắc Giang ra mắt nhân dân trong một cuộc mít tinh quần chúng.

Trước ngày tổng khởi nghĩa nổ ra, phong trào cách mạng ở Hải Dương đã dâng lên mạnh mẽ. Sau khi có lệnh tổng khởi nghĩa, Tỉnh ủy Hải Dương đã lập tức chỉ đạo lực lượng cách mạng khẩn trương giành chính quyền tại các địa phương. Từ ngày 17/8 đến 20/8, mở màn từ huyện Cẩm Giàng, nhân dân Hải Dương đã lần lượt đứng lên lập chính quyền nhân dân tại tất cả các huyện lỵ và tinh lỵ Hải Dương, thu vũ khí quân trang, quân dụng của địch. Tại kho bạc của tỉnh, ta đã được bàn giao 3.263.499,98 đồng tiền mặt². Ngày 25/8/1945, mít tinh quần chúng, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Hải Dương ra đời.

Tại Thái Bình, Phúc Yên (19/8)

Khi được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, Đảng bộ Thái Bình đã phân công cán bộ xuống các địa phương chỉ đạo chuẩn bị khởi nghĩa. Ngày 17/8, nhân dân Tiền Hải giành chính quyền, lập Ủy ban

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 175.

2. David Marr, *Viet Nam 1945. The Quest for power*, Sđd, tr. 408.

nhân dân cách mạng lâm thời huyệ. Ngày 19/8, nhân dân thị xã và các huyện Quỳnh Côi, Tiên Hưng, Phụ Dực tiến hành khởi nghĩa. Ngày 20/8, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tinh được thành lập và ra mắt đồng bào trong một cuộc mít tinh của khoảng 2 vạn người¹. Tiếp tục, Việt Minh giành được chính quyền tại các huyện Duyên Hà, Thụy Anh (20/8), Hưng Nhân và Phù Kiến Xương (21/8), Vũ Tiên và Phù Tiên Hải (22/8). Tại huyện Thư Trì, do đê vỡ nên đến ngày 25/8, khởi nghĩa mới thành công².

Tại Phúc Yên, ngày 19/8, nhân dân thị xã Phúc Yên và các huyện Kim Anh, Đa Phúc đứng lên khởi nghĩa, đập tan âm mưu phá hoại của các lực lượng phản động, lập ra chính quyền nhân dân.

Tại Bắc Ninh, Thái Nguyên, Ninh Bình, Sơn Tây (20/8)

Bắc Ninh là địa phương có phong trào cách mạng phát triển rộng khắp. Từ ngày 16/8, Tỉnh ủy đã chỉ thị cho các địa phương chuẩn bị khởi nghĩa. Ngày 17/8, khởi nghĩa nổ ra ở huyện Tiên Du. Ngày 18/8, khởi nghĩa ở các huyện Lang Tài, Võ Giàng. Ngày 19/8, khởi nghĩa ở Yên Phong. Ngày 20/8, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, nhân dân mang theo vũ khí tiến về thị xã chiếm các công sở của bộ máy chính quyền tay sai. Do có sự thương lượng trước với Nhật, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng giành thắng lợi. Cũng trong ngày này, lực lượng cách mạng làm chủ huyện ly Thuận Thành và hôm sau là huyện Văn Giang. Ngày 21/8, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tinh chính thức được thành lập. Cuối cùng, ngày 22/8, huyện Quế Dương giành được chính quyền.

Tại Thái Nguyên, từ tháng 3/1945, nhân dân nhiều chau, huyện, phối hợp với cứu quốc quân tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Đến tháng 8, quân Nhật chỉ còn kiểm soát chau ly La Hiên (Võ Nhai) và thị xã Thái Nguyên. Ngày 19/8, Việt Nam giải phóng quân dưới sự chỉ huy của đồng chí Võ Nguyên Giáp tập kết tại

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 174.

2. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 412.

Thịnh Đán. Ngày 20/8, Giải phóng quân tiến đánh quân Nhật tại thị xã, uy hiếp ngụy quân. Sau khi đàm phán, đến ngày 26/8, quân Nhật phải trao lại vũ khí và kho lương thực cho lực lượng cách mạng. Ngày 28/8, Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập.

Sau khi nhận lệnh khởi nghĩa từ Trung ương, ngày 17/8, Tỉnh ủy Ninh Bình chỉ đạo lực lượng Việt Minh các huyện Gia Viễn, Nho Quan tổ chức nhân dân nồi dậy giành chính quyền. Ngày 20/8, lực lượng cách mạng tiến vào thị xã, tịch thu khí giới của bọn bảo an, chiếm các công sở của ngụy quyền, chiếm huyện lỵ Gia Khánh. Ngày 22/8, Uỷ ban nhân dân cách mạng được thành lập và tổ chức mít tinh ra mắt nhân dân trong tỉnh.

Tại Sơn Tây, từ trước một số địa phương đã tổ chức Uỷ ban giải phóng dân tộc. Sau khi có kế hoạch khởi nghĩa của Tỉnh ủy, ngày 16/8, huyện Quốc Oai đã lập chính quyền nhân dân. Ngày 17/8, lực lượng cách mạng chiếm huyện Thạch Thất, đồn Hòa Lạc và ngày 20/8, chiếm huyện Phúc Thọ, huyện Tùng Thiện. Ngày 21/8, lực lượng Việt Minh tiến chiếm thị xã, chiếm các công sở của địch, giải tán ngụy quyền, lập chính quyền cách mạng. Ngày 22/8, Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời Sơn Tây chính thức được thành lập¹.

Tại Yên Bái, Bắc Cạn, Tuyên Quang, Nam Định (21/8)

Nhờ có sự phát triển mạnh mẽ của phong trào du kích, đặc biệt là sự tồn tại của chiến khu Vần - Hiền Lương nên trong tháng 7/1945, lực lượng Việt Minh đã tiến hành nhiều trận đánh tập kích hệ thống đồn bốt của giặc trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Trước khi lệnh khởi nghĩa đến địa phương, Uỷ ban dân tộc giải phóng đã được thành lập tại nhiều nơi trong tỉnh. Đến giữa tháng 8, Nhật chỉ còn kiểm soát được tỉnh lỵ. Từ 16/8, lực lượng cách mạng đã tiến hành đàm phán với quân Nhật và trong thời gian đó đã xảy ra đụng độ giữa ta và địch. Đến ngày 20/8, quân Nhật phải trao chính quyền cùng một số

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 174.

đồn bốt, công sở, vũ khí lương thực cho Việt Minh. Ngày 22/8, Việt Minh làm chủ hoàn toàn thị xã Yên Bai và ngày 23/8, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập¹.

Tại Bắc Cạn, cho đến tháng 8/1945, hầu hết các địa phương trong tỉnh đã thành lập chính quyền cách mạng. Quân Nhật chỉ còn chốt ở thị xã và một vài thị trấn, phủ lỵ. Trong lúc lực lượng du kích chuẩn bị tấn công thị xã Bắc Cạn thì đúng vào lúc Nhật tuyên bố đầu hàng. Để tránh đổ máu, ta đã thương lượng với Nhật. Ngày 23/8, du kích ta tiến vào thị xã, quân Nhật đồng ý giao nộp một số lượng vũ khí đủ trang bị cho 2 tiểu đoàn, 500 hòm đạn và 21 vạn đồng Đông Dương².

Tuyên Quang là tỉnh có căn cứ cách mạng với Tân Trào được coi là thủ đô cách mạng, do đó trên địa bàn tinh, hoạt động quân sự của Việt Minh được khởi động sớm. Đến giữa tháng 6/1945 đã có 7 huyện giành được chính quyền và khi có lệnh tổng khởi nghĩa thì chỉ còn lại vấn đề giải phóng thị xã. Đêm 16 và 17/8, Việt Minh tấn công thị xã Tuyên Quang, buộc lực lượng bảo an nộp khí giới, chiếm các công sở của ngụy quyền, nhưng quân Nhật kháng cự dữ dội. Sau khi đàm phán không có kết quả, tối 20/8, quân cách mạng đã chiến đấu quyết liệt cho đến sáng 21/8 tiêu diệt được hơn 30 lính Nhật và đến 24/8, quân Nhật mới rút hết khỏi thị xã. Ngày 25/8, chính quyền về tay nhân dân, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập.

Tại Nam Định, ngay từ tháng 6/1945, các đội vũ trang tuyên truyền đã hoạt động ráo riết. Sau khi có lệnh khởi nghĩa, ban cán sự Đảng đã cử cán bộ về các huyện gấp rút phát động nhân dân nổi dậy giành chính quyền: ngày 17/8, chiếm huyện Trực Ninh; ngày 18/8 làm chủ huyện Nam Trực; ngày 20/8, chiếm các huyện Nghĩa Hưng, Xuân Trường, Giao Thủy, Lạc Quần và Hải Hậu. Cũng từ 19/8, được tin khởi nghĩa ở Hà Nội, quân chúng nhân dân thành

1, 2. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 174

phó Nam Định đã gây áp lực bắt tinh trưởng phải thả một số chiến sĩ cách mạng đang bị giam cầm tại đây. Một cuộc mít tinh lớn đòi thả hết chính trị phạm được tổ chức với sự tham dự của khoảng 2 vạn người¹. Ngày 20/8, đoàn tuyên truyền xung phong từ Hà Nội về Nam Định buộc tinh trưởng giao chính quyền cho lực lượng cách mạng. Cùng ngày, nhân dân các huyện Mỹ Lộc, Vụ Bản, Ý Yên nỗ lực giành chính quyền. Ngày 21/8, Uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tinh chính thức ra mắt nhân dân trong một cuộc mít tinh chào mừng thắng lợi.

Tại Cao Bằng, Hưng Yên, Kiến An (22/8)

Tại Cao Bằng, trong các ngày 19 và 20/8, quân đội Nhật lần lượt rút chạy khỏi các châu lỵ Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Quảng Uyên, Thạc An, lực lượng cách mạng nhanh chóng thiết lập chính quyền tại các địa phương này. Tối 22/8, lực lượng giải phóng quân tiến vào thị xã Cao Bằng, phối hợp với lực lượng quần chúng nhân dân giải tán chính quyền địch và buộc Nhật giao nộp vũ khí. Ngày 22/8, Uỷ ban nhân dân lâm thời thị xã Cao Bằng được thành lập².

Tỉnh Hưng Yên đã phát động khởi nghĩa đầu tiên ở huyện Phù Cừ vào ngày 14/8, tiếp đến là ở các huyện Khoái Châu (15/8), Mỹ Hào, Tiên Lữ (16/8), Kim Động (20/8), Văn Lâm (21/8). Riêng tại thị xã, từ ngày 18/8, lực lượng cách mạng đã tăng cường hoạt động tuyên truyền nhằm thuyết phục hàng ngũ quan lại bàn giao chính quyền cho Việt Minh. Đến ngày 22/8, lực lượng vũ trang cách mạng cùng với đồng bào quần chúng nhân dân tiến hành biểu tình thi uy làm cho bộ máy ngụy quyền tan rã. Ngày 23/8, chính quyền cách mạng ra mắt đồng bào³.

Tại Kiến An, địa phương đầu tiên giành chính quyền là huyện Kim Sơn vào ngày 12/8. Ngày 15/8, khởi nghĩa thành công tại Kiến

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 174.

2, 3. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 415.

Thụy. Các huyện Tiên Lãng, An Lão, Thủy Nguyên lập chính quyền vào ngày 17/8. Từ ngày 21/8, nhân dân thị xã nổi dậy khởi nghĩa và ngày 22/8, lực lượng cách mạng làm chủ hoàn toàn. Ngày 24/8, Ủy ban nhân dân cách mạng Kiến An được thành lập¹.

Tại Hải Phòng, Hà Đông, Hòa Bình (23/8)

Trong ngày 23/8, nhân dân các địa phương này, với số lượng lên đến hàng vạn người mang theo băng, khẩu hiệu, cờ đỏ sao vàng và đủ loại vũ khí tuần hành về trung tâm các thị xã, thành phố. Ủy ban nhân dân cách mạng được thành lập và ra mắt đồng bào chính trong các cuộc mít tinh kể trên. Riêng tại Hà Đông, trước đó, từ ngày 18/8 đến ngày 20/8, phần lớn các huyện đã lật đổ chính quyền cũ lập chính quyền cách mạng. Việc giành chính quyền ở thị xã đã gặp phải sự kháng cự quyết liệt của địch. Binh lính ngụy ở trại bảo an bất ngờ xả súng vào đoàn biểu tình, làm 47 người chết và 30 người bị thương². Nhưng cuối cùng, nhân dân ta đã làm chủ được tinh thê và lập được chính quyền.

Tại Hà Nam, Quảng Yên (24/8)

Tại Hà Nam, trong ngày 24/8, nhân dân các huyện đã kéo về thị xã với trang bị đủ các loại vũ khí thô sơ, giáo mác, biêu ngữ. Trước áp lực của quân chúng nhân dân, quân Nhật đã phải nhượng bộ. Đoàn biểu tình nhanh chóng chiếm dinh tinh trưởng, trại bảo an bình. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập. Cũng cùng ngày 24/8, lực lượng cách mạng đã làm chủ tỉnh Quảng Yên.

Tại Lạng Sơn, Phú Thọ (25/8)

Ngày 25/8, nhân dân các địa phương Lạng Sơn, Phú Thọ cũng giành được chính quyền. Đây là hai địa phương có phong trào cách mạng diễn ra từ rất sớm và phát triển rộng khắp, nhưng do việc thương lượng với quân Nhật gặp nhiều khó khăn (ở Phú Thọ) cũng

1. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 415.

2. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 174.

như do quân Tưởng can thiệp (ở Lạng Sơn) nên việc thành lập chính quyền cách mạng có phần chậm trễ hơn so với các nơi khác.

Tại Sơn La

Tương tự như các tỉnh Lạng Sơn, Phú Thọ, tại Sơn La, cho đến tháng 10/1945, chính quyền nhân dân mới được tái tổ chức, mặc dù sau khi có lệnh tổng khởi nghĩa đã hình thành chính quyền mới trên địa bàn tỉnh. Cũng vì những lý do khách quan nên tại một số địa phương khác ở Bắc Kỳ, việc giành chính quyền đã gặp khó khăn, không thể tiến hành cùng lúc với các địa phương khác: Thị xã Vĩnh Yên vẫn do lực lượng Quốc dân Đảng chiếm giữ; các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Móng Cái bị quân đội Tưởng chiếm đóng và tỉnh lỵ Lai Châu bị tàn quân Pháp từ Lào quay về chiếm giữ¹.

Như vậy, bằng hình thức biểu tình vũ trang với sự tham gia của đông đảo lực lượng quần chúng nhân dân, việc khởi nghĩa giành chính quyền tại các tỉnh ở Bắc Kỳ đã diễn ra nhanh chóng và tương đối "hòa bình".

4. Giành chính quyền ở Trung Kỳ

Sau khi biết tin Nhật đầu hàng Đồng minh và nhất là sau khi có lệnh Tổng khởi nghĩa, mặc dù lực lượng cách mạng ở các tỉnh Trung Kỳ vào thời điểm này vẫn trong tình trạng phân tán, nhưng tổ chức Đảng và Việt Minh ở các địa phương cũng đã kịp thời phát động quần chúng nhân dân vùng lân cận để chính quyền tay sai, lập ra chính quyền cách mạng.

Tại Hà Tĩnh, Quảng Nam (18/8)

Từ 17/8, nhân dân các huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc, dưới sự lãnh đạo của lực lượng tự vệ đã chiếm huyện lỵ, lập chính quyền nhân dân. Ngày 18/8, quần chúng nhân dân và lực lượng vũ trang tiến về thị xã, chiếm các công sở, buộc lính bảo an giao nộp vũ khí, chính quyền cách mạng được thành lập và ra mắt ngay trong cuộc mít tinh của quần chúng.

1. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 423.

Cũng vào ngày 18/8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền về cơ bản đã giành thắng lợi ở Quảng Nam. Theo kế hoạch của Tỉnh ủy, từ ngày 17/8, lực lượng vũ trang cách mạng đã làm chủ Hội An, nhân dân các huyện Duy Xuyên, Tam Kỳ, Điện Bàn, Thăng Bình, Hòa Vang cũng đứng lên đánh đổ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng. Từ ngày 22/8, nhân dân ta đã làm chủ phần lớn thành phố Đà Nẵng, chính quyền tay sai hoàn toàn tê liệt, binh lính ngã theo cách mạng. Song, trước sự cầu xin của quân Nhật được tập trung chờ ngày giải giáp nên đến ngày 26/8, quân khởi nghĩa mới chiếm trại bảo an và các công sở. Ngày 27/8, chính quyền cách mạng mới ra mắt nhân dân.

Tại Khánh Hòa (19/8)

Từ ngày 17/8, theo sự chỉ đạo của Ủy ban khởi nghĩa, nhân dân Vạn Minh đã giành được chính quyền từ tay địch. Ngày 19/8, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và Việt Minh, quần chúng nhân dân Khánh Hòa đã xuống đường biểu tình, tuyên bố lật đổ chính quyền cũ, lập chính quyền cách mạng, nhanh chóng chiếm giữ các công sở, trại lính trong thị xã Nha Trang.

Tại Thanh Hóa (20/8)

Ngày 20/8, cuộc khởi nghĩa đã giành được thắng lợi ở Thanh Hóa. Là một nơi có phong trào cách mạng phát triển từ giai đoạn tiền khởi nghĩa nên trong các ngày 19, 20, 21/8, nhân dân các huyện Thọ Xuân, Hà Trung, Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc, Thạch Thành, Yên Định, Nông Cống, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Đông Sơn, Cẩm Thủy, Thiệu Hóa đã đứng lên lật đổ chính quyền tay sai, lập chính quyền cách mạng¹. Ngày 20/8, khởi nghĩa thắng lợi ở thị xã Thanh Hóa, quân khởi nghĩa tuyên bố lập chính quyền nhân dân. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thị xã chính thức ra mắt đồng bào².

-
1. Ban Nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa, *Lịch sử Thanh Hóa*, tập 5 (1930-1945), Sđd, tr. 241.
 2. Ban Nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa, *Lịch sử Thanh Hóa*, tập 5 (1930-1945), Sđd, tr. 244

Tại Nghệ An, Ninh Thuận (21/8)

Ngày 21/8, ở các tỉnh Nghệ An và Ninh Thuận, Việt Minh phát động quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

Ở Nghệ An, sau khi Nhật đầu hàng Đồng minh, một Ủy ban khởi nghĩa đã được lập ra và ra lời kêu gọi nhân dân đứng lên phế bỏ chính quyền tay sai. Ngày 18/8, nhân dân huyện Quỳnh Lưu khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 20/8, chính quyền nhân dân được thành lập ở các huyện Hưng Nguyên, Nghĩa Đàn. Ngày 21/8, nhân dân trong tỉnh kéo về thành phố Vinh, kết hợp với lực lượng tự vệ công nhân các nhà máy, tiến hành chiếm các công sở, trại lính, chính quyền cách mạng được thành lập. Cùng ngày, lực lượng cách mạng đã làm chủ huyện Diễn Châu và ngày 23/8, các huyện còn lại là Thanh Chương, Nam Đàn, Anh Sơn, Đô Lương giành chính quyền.

Ngày 21/8, Việt Minh Ninh Thuận tổ chức quần chúng nhân dân biểu tình, bao vây đồn bảo an Tháp Chàm, chiếm dinh tinh trưởng, tịch thu vũ khí, chiếm các công sở. Tiếp theo, các huyện khác cũng lần lượt giành được chính quyền. Ngày 25/8, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Ninh Thuận chính thức ra mắt đồng bào.

Tại Quảng Ngãi (23/8)

Quảng Ngãi là một địa phương có phong trào cách mạng phát triển rất sớm và rộng rãi. Đến cuối tháng 7/1945, lực lượng vũ trang toàn tỉnh đã lên tới 2.000 tự vệ chiến đấu với đủ loại vũ khí khác nhau¹. Đến ngày 14/8, Việt Minh Quảng Ngãi đã ra lệnh cho lực lượng du kích và tự vệ cấp tốc tấn công chiếm các huyện lỵ, bố trí các chốt để đánh chặn quân Nhật hành quân và nhanh chóng thiết lập chính quyền nhân dân trong phạm vi toàn tỉnh². Các lực

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 187.

2. Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử cách mạng tháng Tám 1945*, Sđd, tr. 186.

lực lượng vũ trang đã anh dũng chiến đấu và lần lượt làm chủ các huyện Trà Bồng, Ba Tơ, Minh Long, Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, thành lập chính quyền cách mạng tại địa phương. Quân Nhật lúc này chỉ còn chiếm giữ thị xã. Trước tình hình đó, Việt Minh chủ trương dùng áp lực quần chúng dưới hình thức biểu tình, tuần hành, vận động binh lính địch đào ngũ, đồng thời tiến hành thương lượng và kết quả là lực lượng cách mạng đã làm chủ hoàn toàn thị xã. Ngày 23/8, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh được thành lập và ra mắt trong một cuộc mít tinh của hàng chục vạn quần chúng nhân dân trong tỉnh¹.

Tại Thừa Thiên Huế (23/8)

Ở Thừa Thiên Huế, sau khi Nhật đầu hàng, Tỉnh ủy lên kế hoạch giành chính quyền, trước tiên là ở các vùng nông thôn rồi đến thành phố. Từ ngày 18/8, nhân dân Phong Điện đã giành được chính quyền và sau đó, các huyện khác trong tỉnh cũng nổi dậy khởi nghĩa. Trong những ngày này, cả thành phố Huế ngập tràn một bầu không khí đấu tranh cách mạng, các tầng lớp quần chúng nhân dân nóng lòng đứng dậy khởi nghĩa. Cũng đúng lúc này, đoàn cán bộ gồm các đồng chí Tô Hữu, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Duy Trinh từ Tân Trào trở về cùng với mệnh lệnh khởi nghĩa của Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và thông tin về thắng lợi của cách mạng ở Hà Nội càng làm cho bầu không khí khởi nghĩa trong thành phố càng sục sôi hơn bao giờ hết. Trước những biến chuyển đó, ngày 20/8, Ủy ban lâm thời gồm 5 người do Tô Hữu đứng đầu được thành lập và thông qua kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền tại Huế. Từ ngày 21/8, lực lượng vũ trang cách mạng đã tăng cường hoạt động trong nội thành Huế. Ngày 23/8, quần chúng nhân dân dưới sự chỉ đạo của các lực lượng vũ trang cách mạng từ các huyện đã tiến về thành phố, chia thành các ngả chiếm giữ các công sở của chính quyền tay sai. Trước áp lực của quần chúng và do được chuẩn bị kỹ càng nên quá trình khởi nghĩa đã diễn ra theo

1. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, quyển 2, tập hạ, Sđd, tr. 187.

đúng kế hoạch. Mặt khác, sau khi biết tin Nhật đầu hàng, Bảo Đại và quan lại Nam triều rất dao động, lúng túng. Một mặt, Bảo Đại kêu gọi các nước Đồng minh ủng hộ nền "*độc lập*" của Việt Nam. Mặt khác, trước xu thế phát triển của cách mạng và thái độ ủng hộ của tuyệt đại đa số quần chúng đối với Việt Minh, một số quan chức tiến bộ trong chính phủ Bảo Đại như Phạm Khắc Hòe, Hồ Tá Khanh, Trần Đình Nam, Phan Anh, Trịnh Đình Thảo... đã "*cố vấn*", "*khuyên nhủ*" Bảo Đại tự nguyện thoái vị, trao lại chính quyền cho cách mạng.

Trưa ngày 23/8, Ủy ban khởi nghĩa đã tổ chức một cuộc mít tinh có sự tham dự của khoảng 150.000 người tại sân vận động thành phố Huế. Tại cuộc mít tinh này, Ủy ban nhân dân cách mạng Thừa Thiên Huế do Tôn Quang Phiệt làm Chủ tịch được tuyên bố thành lập. Cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay Việt Minh Huế kết thúc thắng lợi hoàn toàn. Chiều ngày 30/8/1945, tại cuộc mít tinh lớn được tổ chức trước Ngọ Môn có sự tham dự của đông đảo quần chúng nhân dân, Bảo Đại đọc Chiếu thoái vị, tuyên bố làm "*dân một nước độc lập hơn làm vua một nước nô lệ*" và trước sự chứng kiến của đồng bào, Bảo Đại giao nộp ấn, kiêm - biểu tượng quyền lực của chế độ phong kiến cho phái đoàn Chính phủ cách mạng từ Hà Nội vào.

Tại Quảng Bình, Quảng Trị (23/8)

Cũng trong ngày 23/8, ở các tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, nhân dân đã nhất tề vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Tại Quảng Bình, Ủy ban khởi nghĩa tinh được thành lập vào ngày 20/8. Sáng sớm ngày 23/8, lực lượng vũ trang tự vệ cùng lực lượng công nhân, nhân dân các địa phương nhanh chóng tiến vào thị xã Đồng Hới, chiếm nhà bưu điện, kho bạc, dinh tinh trưởng, đồn bảo an và công sở. Một cuộc biểu tình có sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân được tổ chức trước dinh tinh trưởng, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Quảng Bình ra mắt¹.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Bình*, tập 1 (1930-1954), Sđd, tr. 120-121.

Nhân dân các huyện Bố Trạch, Quảng Trạch, Quảng Ninh, Lê Thủy cũng tiến hành khởi nghĩa, lập chính quyền cách mạng và ngày 25/8, huyện Tuyên Hóa cũng đã lập được chính quyền mới.

Tại Quảng Trị, từ ngày 22/8, lực lượng tự vệ chiến đấu của tỉnh đã cấp tốc hành quân về thị xã. Cùng với đông đảo lực lượng quân chúng, tự vệ xung kích đã chiếm giữ các vị trí trọng yếu, các công sở, bắt giữ những tên cầm đầu của chính quyền địch, làm chủ thị xã. Cũng trong ngày, tại các huyện trong tỉnh, nhân dân đã nhanh chóng lập ra chính quyền cách mạng. Ngày 23/8, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Trị được thành lập.

Như vậy, tại phần lớn các tỉnh miền Trung, không kể vùng đất Tây Nguyên, vì phong trào Việt Minh ở đó lúc này còn yếu, phong trào khởi nghĩa giành chính quyền đã diễn ra nhanh gọn, triệt để.

5. Giành chính quyền ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ

Khi nghe tin Nhật đầu hàng Đồng minh, ngày 15/8, Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ (Xứ ủy Tiền phong) đã nhanh chóng thành lập Ủy ban khởi nghĩa do Bí thư Xứ ủy Trần Văn Giàu làm Chủ tịch. Trong Hội nghị mở rộng của Xứ ủy, được triệu tập ngày 16/8 tại Chợ Đệm (Chợ Lớn), Xứ ủy đã quyết định đưa Việt Minh ra hoạt động công khai, khẩn trương chuẩn bị lực lượng và kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn và Nam Kỳ. Cũng lúc đó, Chính phủ Trần Trọng Kim ở Nam Kỳ và các lực lượng thân Nhật cũng ra sức hoạt động với hy vọng thành lập chính quyền tay sai như lời tuyên bố trao trả Nam Kỳ cho chính phủ Trần Trọng Kim của Nhật.

Để ứng phó với tình hình đang tiến triển rất mau lẹ, Xứ ủy đã tăng cường công tác củng cố các tổ chức quần chúng cách mạng là Công đoàn xung phong và Thanh niên xung phong, tăng cường vũ trang cho các đội tự vệ. Cũng vào thời điểm này, Việt Minh đã cử bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đến gặp Thống chế Terauchi, Tổng chỉ huy quân đội Nhật ở Nam Đông Dương vừa thăm dò tình hình, vừa thương lượng để quân Nhật không can thiệp vào cuộc khởi

nghĩa. Được giải thích về đường lối Việt Minh, hơn nữa, nhờ có sự quen biết cá nhân từ trước với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Terauchi trao cho Phạm Ngọc Thạch khẩu súng và kiếm cá nhân làm tín vật đảm bảo việc quân Nhật sẽ đứng ngoài sự biến nội bộ của người Việt Nam. Theo tác giả Trần Văn Giàu, nhờ có sự thỏa thuận đó, lực lượng cách mạng đã được Nhật trao lại 2.000 khẩu súng trường Mucotông, 10 triệu viên đạn và một số lớn súng hỏng cùng đạn lép¹.

Sáng ngày 19/8, với mục đích đưa Việt Minh ra công khai, một buổi tuyên thệ thứ hai của Thanh niên Tiền phong được tổ chức ở vòm Ông Thượng có sự tham dự của hơn 50.000 người được tập hợp thành đội ngũ và một số đông quần chúng nhân dân tham dự ở vòng ngoài. Tại buổi lễ, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đã đọc bài diễn văn công khai đặt Thanh niên Tiền phong (lúc này gồm 300 cơ sở với khoảng 120 nghìn đoàn viên)² làm thành viên đặc lực của Việt Nam độc lập Đồng minh, quyết đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc và kêu gọi thanh niên Nam Bộ sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc³. Cũng vào ngày hôm đó, Việt Minh còn tổ chức hai cuộc mít tinh quần chúng ở rạp hát Nguyễn Văn Hào để Xứ ủy giới thiệu Mặt trận Việt Minh. Cuộc mít tinh đã vang lên các khẩu hiệu: "Việt Nam muôn năm!", "Chánh quyền về tay Việt Minh!"

Ngày 20/8, tin khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội lan truyền vào Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ làm cho khí thế cách mạng dâng cao hơn bao giờ hết. Ngày 21/8, Hội nghị Xứ ủy (lần thứ hai) đã cử ra một Ủy ban Hành chính lâm thời do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch, quyết định lấy Tân An làm nơi thí điểm khởi nghĩa giành chính quyền ở thị xã vào ngày 22/8 rồi từ đó phát triển phong trào ra toàn xứ, tùy theo điều kiện cụ thể. Ngày 23/8, Nhật giờ trô "trao trả" Nam Kỳ cho chính phủ bù nhìn. Ngày 23/8, tin Tân An giành được chính

1. Xem: Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 195.

2. Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 268.

3. Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 266.

quyền ở thị xã, làm chủ một số vùng và vị trí then chốt và đặc biệt là quân Nhật đã án binh bất động... tạo cơ sở cho Hội nghị Xứ ủy (mà Trần Văn Giàu gọi là Hội nghị lần thứ ba) nhanh chóng ra quyết định về kế hoạch khởi nghĩa ở Sài Gòn vào tối ngày 24 rạng sáng ngày 25/8 và tổ chức cuộc mít tinh để tuyên bố việc thành lập chính quyền cách mạng. Xứ ủy Nam Kỳ họp quyết định khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn và các tỉnh vào ngày 25/8 sau khi Tân An khởi nghĩa thắng lợi.

Các đơn vị Xung phong công đoàn và Thanh niên Tiền phong ráo riết chuẩn bị làm nòng cốt cho lực lượng khởi nghĩa. Đồng thời, để lôi kéo các tầng lớp xã hội, đảng phái, tôn giáo đứng về phía Việt Minh, củng cố khối thống nhất dân tộc, Việt Minh đã tổ chức một cuộc hội nghị tại trụ sở của Thanh niên Tiền phong với sự tham dự của nhiều đảng phái ở Sài Gòn và Nam Kỳ.

Đến 18 giờ tối ngày 24/8, Xứ ủy quyết định phát lệnh khởi nghĩa. Theo sự chỉ đạo, cuộc khởi nghĩa đã nhanh chóng nổ ra, lực lượng xung phong có vũ trang của công nhân và thanh niên tòa đi chiếm các công sở trong thành phố, bắt giữ Khâm sai của chính quyền thân Nhật là Nguyễn Văn Sâm. Về cơ bản, đến nửa đêm, lực lượng cách mạng đã giành thắng lợi. Chỉ trong một thời gian ngắn, Việt Minh chiếm lĩnh được dinh Thống đốc Nam Kỳ, trại lính, đồn cảnh sát, kho bạc, sở bưu điện, nhà máy điện, nhà máy nước và một số cây cầu quan trọng cũng như các giao điểm ra vào thành phố... mà "*hầu như không phải nổ phát súng nào*"¹. Tuy nhiên, do quân Nhật không nhượng bộ hoàn toàn nên một số nơi trọng yếu như: Phủ Toàn quyền, Ngân hàng Đông Dương, bến tàu quân sự, sân bay Tân Sơn Nhất... vẫn do Nhật chiếm giữ.

Trong khi việc tiến chiếm các vị trí trong thành phố được hoàn tất thì tại các vùng ngoại ô, nhân dân đã được tập hợp trên các tuyến đường chính dẫn vào trung tâm với đủ loại băng cờ, biểu

1. Trần Văn Giàu, *Hồi ký*, Sđd, tr. 235.

ngữ, vũ khí tự tạo... để lên đường kịp giờ tham dự cuộc mít tinh quần chúng được án định vào sáng ngày 25/8.

Từ sáng sớm, quần chúng nhân dân, đến khoảng một triệu người gồm cả những người sống trong nội thành, ngoại thành, các tỉnh lân cận, các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh miền Tây Nam Kỳ, kể cả từ Cao Miên đổ về trung tâm thành phố dự mít tinh. Cuộc mít tinh đã thực sự trở thành một cuộc biểu dương lực lượng của nhân dân Nam Bộ, với tinh thần quyết chiến đấu hy sinh để bảo vệ nền độc lập dân tộc. Đại diện Xứ ủy Nam Kỳ ra tuyên bố chính quyền về tay Việt Minh. Một Ủy ban lâm thời Nam Bộ, gồm Trần Văn Giàu - Chủ tịch, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Tạo, Huỳnh Văn Tiêng, Dương Bách Mai và Nguyễn Văn Tây đã được thành lập.

Thắng lợi ở Sài Gòn đã tạo đà cho phong trào khởi nghĩa của các tỉnh còn lại của Nam Bộ. Không những thế, dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy, lực lượng tự vệ của Công đoàn, Thanh niên Tiền phong ngay sau thắng lợi ở Sài Gòn đã cấp tốc tỏa về các địa phương trong vùng, kết hợp với các tổ chức cơ sở Đảng ở các tỉnh, kêu gọi quần chúng nhân dân vùng lên giành chính quyền.

Tại Mỹ Tho (18/8)

Trong số các tỉnh Nam Kỳ, Mỹ Tho là tỉnh đầu tiên phát động khởi nghĩa trước khi nhận được lệnh khởi nghĩa của Trung ương và Xứ ủy. Ngày 18/8, lực lượng cách mạng làm chủ thị xã Mỹ Tho và ngày 25/8, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh đã chính thức được thành lập¹.

Tại Tân An (23/8)

Ngày 23/8, khởi nghĩa ở Tân An cũng giành thắng lợi.

Tại Gia Định (25/8)

Ngày 25/8, đoàn biểu tình của quần chúng tiến vào tỉnh lỵ *Gia Định* chiếm công sở, trại lính, tịch thu vũ khí của bảo an binh. Ngày 26/8, Ủy ban nhân dân cách mạng Gia Định được thành lập.

1. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử...*, Sđd, tr. 411.

Tại Chợ Lớn, Long Xuyên, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bà Rịa, Trà Vinh, Thủ Dầu Một, Bến Tre, Tây Ninh và Sa Đéc (25/8)

Cũng trong ngày 25/8, một loạt các tỉnh trên đã khởi nghĩa thành công.

Tại Châu Đốc, Biên Hòa, Cần Thơ (26/8)

Ngày 26/8, Châu Đốc, Biên Hòa, Cần Thơ giành chính quyền.

Tại Rạch Giá (27/8)

Ngày 27/8, Rạch Giá cũng giành được chính quyền.

Tại Đồng Nai Thượng, Hà Tiên (28/8)

Ngày 28/8, Đồng Nai Thượng và Hà Tiên khởi nghĩa thắng lợi.

Nhu vậy, có thể nói quá trình giành chính quyền về tay nhân dân ở các tỉnh Nam Kỳ đã được thực hiện nhanh gọn, đúng kế hoạch và tránh được sự đổ máu không cần thiết.

Nhu vậy, cho đến ngày 28/8, về cơ bản cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền đã giành được thắng lợi trên phạm vi cả nước. Tại một số tỉnh ở Bắc Kỳ như Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Vĩnh Yên, Hải Ninh... thì vì những điều kiện khách quan như đã được trình bày ở trên, mà chủ yếu là do sự cùi kết giữa lực lượng phản cách mạng trong nước với quân đội Tường Giới Thạch nên không giành được chính quyền đồng thời với các tỉnh khác và phải sau khi lực lượng này rút đi thì mới thiết lập được chính quyền.

Khi cuộc khởi nghĩa đang diễn ra sôi sục, ngày 21/8, Trung ương Đảng đã chuyển đại bản doanh về Hà Nội để tiện chỉ đạo cuộc tổng khởi nghĩa. Đồng thời, Trung ương đã gấp rút cử các đoàn cán bộ cao cấp vào Trung Bộ và Nam Bộ thực hiện những nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Đoàn thứ nhất gồm Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng, Cù Huy Cận đại diện cho Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào kinh đô Huế để tiếp nhận sự thoái vị của vua Bảo Đại. Và như đã biết, chiều 30/8, tại Ngọ Môn, Bảo Đại đọc Chiếu thoái vị, trao ấn, kiêm cho đại diện chính phủ. Về phía Việt Minh, Trần Huy Liệu đọc diễn văn tuyên bố xóa bỏ hoàn toàn bộ máy chính quyền phong kiến nhà Nguyễn ở Việt Nam.



Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Nguồn: Trưng bày chuyên đề Một số sưu tập hiện vật về Cách mạng tháng Tám 1945 chào mừng kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2005), mở cửa ngày 16/8/2005 tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, tr. 8.

Đoàn thứ hai do Hoàng Quốc Việt dẫn đầu vào Trung Bộ và Nam Bộ để thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phô biến đường lối của Việt Minh, chỉ đạo các địa phương nhanh chóng xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền nhân dân cũng như củng cố tổ chức Đảng ở Trung Kỳ và Nam Kỳ.

Trong khi đó, vừa về tới Hà Nội (25/8), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền nhân dân và chuẩn bị tổ chức lễ tuyên ngôn độc lập để thông báo với quốc dân đồng bào trong nước và thế giới về thắng lợi của Cách mạng tháng Tám.

Ngày 28/8, Chính phủ lâm thời quyết định mở rộng thành phần, một số đảng viên cộng sản trong Chính phủ đã tự nguyện rút lui nhường ghế cho một số nhân sĩ yêu nước, tiến bộ ngoài Đảng được mời tham gia vào bộ máy chính quyền trung ương¹. Sau khi "cải tổ", Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm:

1. Hồ Chí Minh - Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao.
2. Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
3. Trần Huy Liệu - Bộ trưởng Bộ Thông tin - Tuyên truyền.
4. Chu Văn Tấn - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.
5. Dương Đức Hiền - Bộ trưởng Bộ Thanh niên.
6. Nguyễn Mạnh Hà - Bộ trưởng Bộ Kinh tế quốc gia.
7. Nguyễn Văn Tố - Bộ trưởng Bộ Cứu tế xã hội.
8. Vũ Trọng Khánh - Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
9. Đào Trọng Kim - Bộ trưởng Bộ Giao thông - Công chính.
10. Lê Văn Hiến - Bộ trưởng Bộ Lao động.
11. Phạm Văn Đồng - Bộ trưởng Bộ Tài chính.
12. Vũ Đình Hòe - Bộ trưởng Bộ Quốc gia giáo dục.
13. Phạm Ngọc Thạch - Bộ trưởng Bộ Y tế.
14. Cù Huy Cận - Bộ trưởng Bộ Không bộ.
15. Nguyễn Văn Xuân - Bộ trưởng Bộ Không bộ.

Chính phủ lâm thời quyết định tổ chức lễ Tuyên ngôn độc lập vào ngày 2/9/1945. Hai giờ chiều, tại vườn hoa Ba Đình, buổi lễ đã

1. Trong số này có Tổng Bí thư Trường Chinh. Xem: *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 160 hoặc: *Lịch sử chính phủ Việt Nam*, tập 1, 1945-1955, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2008, tr. 39-41.

được long trọng khai mạc trước sự chào đón hân hoan của trên 50 vạn người và sự chứng kiến của đại diện một số phái bộ Đồng minh ở Hà Nội cũng như các phóng viên báo chí quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trịnh trọng đọc bản Tuyên ngôn độc lập để tuyên bố về nền độc lập của Việt Nam cũng như sự ra đời của một nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Bản Tuyên ngôn khẳng định:

"Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã trở thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nỗi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

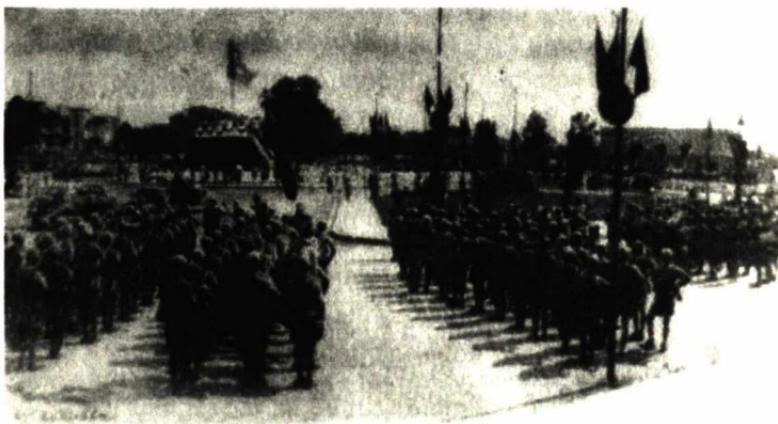
*Sự thật là ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp"*¹.

Để khẳng định Việt Nam sự thật đã thành một nước tự do, độc lập, bản Tuyên ngôn độc lập đã bác bỏ tất cả mọi cơ sở pháp lý mà thực dân Pháp đã viện dẫn hòng quay trở lại Việt Nam và tuyên bố *"thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiếp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam"*².

Bản Tuyên ngôn độc lập nêu bật những thắng lợi to lớn mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong Cách mạng tháng Tám, nhất là xóa bỏ hoàn toàn chế độ quân chủ đã tồn tại trên nghìn năm ở Việt Nam, thành lập chế độ mới - chế độ Dân chủ Cộng hòa. Bản Tuyên ngôn nhấn mạnh:

*"Một dân tộc đã gan góc chống ách đô hộ của Pháp hơn 80 năm, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập"*³.

1, 2, 3. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, 1945-1946, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 3.



Toàn cảnh lễ đài tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, ngày 2/9/1945

Nguồn: Trung bày chuyên đề Một số sưu tập hiện vật về Cách mạng tháng Tám 1945 chào mừng kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2005), mở cửa ngày 16/8/2005 tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, tr. 14.

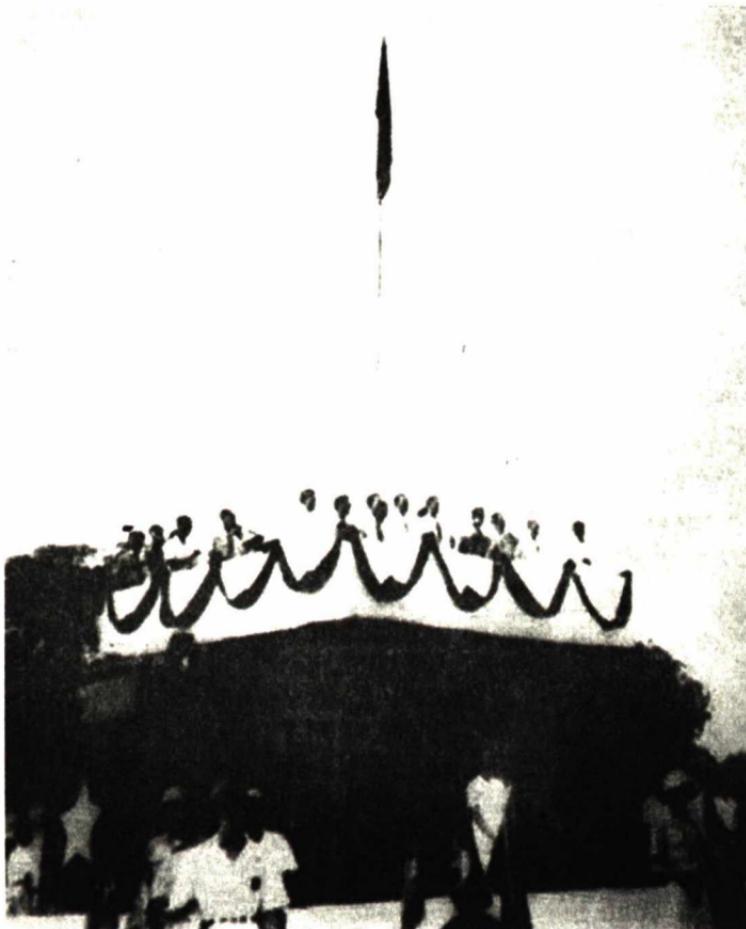
Trên tinh thần đó, Chính phủ lâm thời đã trọng trọng tuyên bố:

*"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập", cho nên "toute la dân tộc Việt Nam quyết đem hết tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"*¹.

Như vậy, chỉ trong vòng chưa đầy nửa tháng, với khí thế tiến công cách mạng, tinh thần yêu nước, sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc của nhân dân ta, cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền đã diễn ra một cách nhanh gọn, ít đổ máu, dưới những hình thái phong phú, sinh động, giành được thắng lợi vẻ vang trên phạm vi toàn quốc. Với bản Tuyên ngôn độc lập và sự kiện diễn ra ngày

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, 1945-1946, Sđd, tr. 4.

2/9/1945 trên quảng trường Ba Đình, Cách mạng tháng Tám chính thức kết thúc, khép lại trang sử cũ và mở ra một trang sử mới của đất nước Việt Nam.



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình ngày 2/9/1945

Nguồn: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam sơ thảo*, tập 1, 1920-1954, Nxb. Sự thật, 1982, tr. 402.

6. Tầm vóc vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Đảng ta, cả trong việc đề ra đường lối cách mạng, cũng như trong việc tổ chức thực hiện đường lối cách mạng. Trước hết, để tập hợp khối đoàn kết toàn dân tộc và tập trung mũi nhọn của cách mạng vào kẻ thù chính là kẻ thù dân tộc, Đảng ta đã nhạy bén chính trị, quyết định kịp thời chuyển hướng chiến lược cách mạng Việt (thay đổi chính sách) cho cách mạng Việt Nam. Mặt khác, trong việc chỉ đạo cách mạng, "...*Đảng đã vận dụng một cách sáng tạo quy luật cách mạng bạo lực và khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng tháng Tám là sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, giữa chuẩn bị lâu dài về lực lượng chính trị và quân sự với mau lẹ chớp lấy thời cơ, phát động quần chúng vùng dậy đánh đổ chính quyền của đế quốc, phong kiến.*"

Sinh ra và lớn lên từ trong phong trào cách mạng rộng lớn của quần chúng, các đội quân cứu quốc và giải phóng mà thanh thế vượt xa số quân cũng như quy mô những trận chiến đấu của nó đã gop phần rất quan trọng tạo ra cao trào cứu nước của quần chúng từ 1941 đến 1945.

*Trước thắng lợi vĩ đại của Liên Xô đánh tan đạo quân Quan Đông của phát xít Nhật, buộc Nhật phải đầu hàng không điều kiện, Đảng đã kịp thời nắm lấy thời cơ có một không hai đó để phát động cao trào tổng khởi nghĩa, dựa vào lực lượng chính trị của đồng bào quần chúng ở thành thị và nông thôn kết hợp với các lực lượng vũ trang cách mạng, đập tan các cơ quan đầu não của địch ở thủ đô và các thành phố, xóa bỏ toàn bộ hệ thống cai trị của địch ở nông thôn, giành chính quyền trong phạm vi cả nước*¹.

Trong lịch sử dân tộc ta đã từng có nhiều cột mốc quan trọng, trong đó, Cách mạng tháng Tám được coi là cột mốc quan trọng

1. Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 47-48.

nhất và nói theo cách của nhà sử học người Pháp Charles Fourniau thì "Cách mạng tháng Tám là tiêu điểm của thế kỷ XX"¹. Điều h ình ảnh Charles Fourniau là một sự kiện vĩ đại, bởi chỉ trong một thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhân dân Việt Nam đã lập tan được ách thống trị kéo dài hơn 80 năm của thực dân Pháp. Khi đã từng ngự trị ngót một nghìn năm trên đất Việt Nam, lập ra một nước thực sự "*của dân, do dân, vì dân*". Với thắng lợi của cuộc cách mạng này, từ là một nước thuộc địa, nước Việt Nam đã trở thành một nước độc lập, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ đã trở thành chủ nhân của đất nước, một kỷ nguyên mới đã mở ra cho cách mạng nước Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đó là "*một cuộc đổi đời chưa từng có đổi với mỗi người Việt Nam*"².

Đồng chí Trường Chinh viết:

"Cách mạng tháng Tám là kết quả của 80 năm đấu tranh không ngừng của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp. Nó cũng là một biến cố lịch sử vĩ đại nhất của nước ta từ khi Quang Trung đuổi quân xâm lược Mãn Thanh (1789) đến nay"³.

Trên bình diện quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng:

"Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã làm cho chúng ta trở thành một bộ phận trong đại gia đình dân chủ thế giới"⁴.

Đồng thời, là thắng lợi đầu tiên ở một nước nhược tiểu tự giải phóng mình khỏi ách ngoại bang, Cách mạng tháng Tám cỗ vũ

1. Charles Fourniau, *Những cội nguồn của Cách mạng tháng Tám* trong *Việt Nam trong thế kỷ XX*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 58.
2. Lê Duẩn, *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Sđd, tr. 13.
3. Trường Chinh, *Cách mạng tháng Tám*, Nxb. Sự thật, in lần thứ IV, Hà Nội, 1960, tr. 39.
4. Hồ Chí Minh tuyển tập, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 357.

mạnh mẽ tinh thần đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới. Các dân tộc thuộc địa coi thành công của Cách mạng tháng Tám là sự mở đầu cho phong trào giải phóng dân tộc trong khối thuộc địa Pháp. Còn trào lưu xã hội chủ nghĩa lại coi đó là dấu mốc quan trọng đưa Việt Nam gia nhập vào đại gia đình xã hội chủ nghĩa.

Nhà sử học Na Uy Stein Tonnesson khẳng định:

*"Trong những cuộc cách mạng cộng sản, cách mạng Việt Nam nổi bật lên như một trong những cuộc cách mạng năng động nhất, gây nên nhiều sự đảo lộn nhất... Việt Nam đứng ở tuyến đầu của phong trào chống thực dân trên toàn thế giới dẫn đến sự sụp đổ của một số đế quốc ở châu Âu. Điều đó đã đẩy mạnh sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc, biến thế giới của các vua chúa, các thuộc địa thành những nhà nước dân tộc"*¹.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của sự kết hợp đúng đắn giữa lý luận Mác - Lênin về chiến tranh cách mạng với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Thành tựu đó, vì vậy, không những là bài học lịch sử quý báu đối với nhân dân Việt Nam mà còn đóng góp vào kho tàng lý luận cách mạng của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi "chẳng những giải cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam ta có thể tự hào, mà giải cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc"².

1. Stein Tonnesson, *The Vietnamese Revolution of 1945. Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at War*, PRIO, Oslo, 1991, tr. 426.

2. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 159.

KẾT LUẬN

Tiến trình Lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1930-1945 đã được trình bày với ba thời kỳ có nội dung tuy khác nhau, nhưng là một quá trình phát triển biện chứng, chịu sự chi phối vừa của những điều kiện bên ngoài, phát sinh từ cuộc tổng khủng hoảng kinh tế thế giới và sự lớn mạnh của phong trào công sản, phong trào công nhân quốc tế, vừa của những điều kiện nội sinh mà quan trọng nhất là sự ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương - đội tiền phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đảm đương vai trò lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta.

1930-1935 là thời kỳ Việt Nam bị cuộc tổng khủng hoảng kinh tế thế giới tác động từ nhiều phía, từ trực tiếp đến gián tiếp, từ lĩnh vực kinh tế chuyển sang các lĩnh vực khác về chính trị - xã hội. Sự tác động trực tiếp của cuộc tổng khủng hoảng này được thể hiện thông qua hoạt động ngoại thương của Đông Dương với thế giới bên ngoài. Sự tác động gián tiếp của nó tới Việt Nam là thông qua chính sách "*gắn với thuộc địa để giải quyết khủng hoảng trong nước*" của thực dân Pháp và chính sách thuộc địa "*mới*" hay "*Chương trình cải cách*" đại quy mô vừa để khắc phục hậu quả của khủng hoảng kinh tế vừa giải quyết cuộc khủng hoảng thuộc địa của Pierre Pasquier. Cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng và cuộc khủng hoảng chính trị, đang diễn ra gay gắt ở Đông Dương "*gấp gỡ*" nhau cộng với "*Chương trình cải cách*" theo hướng "*hoài cổ*", "*phục cổ*" dựa trên "*3 trụ cột*" của viên Toàn quyền này đã đẩy cả xã hội Việt Nam vào một thời kỳ đen tối. Nền kinh tế đang trong quá trình phát triển "*ngoạn mục*" trong những năm 1920, dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai đã trở nên rối loạn, suy sụp kéo dài cho mãi đến khi Mặt trận bình dân Pháp ra đời, thực hiện một chính sách chống khủng hoảng kinh tế "*mới*" mới

được phục hồi trở lại làm cho đời sống của mọi tầng lớp nhân dân đều bị động chạm, bị ảnh hưởng. Đời sống chính trị bị đe dọa bởi chính sách khùng bô, đàn áp đối với mọi hoạt động chống lại chế độ thực dân - phong kiến.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh đó, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta vẫn diễn ra một cách quyết liệt và triệt để. Sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái do đường lối cứu nước không phù hợp của Việt Nam Quốc dân Đảng và sự đàn áp dã man của kẻ thù, giai cấp công nhân Việt Nam chính thức đứng lên vũ đài chính trị lãnh đạo phong trào dân tộc. Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời đầu năm 1930 đáp ứng đúng nhu cầu của lịch sử. Với đường lối cứu nước đúng đắn, ngay khi được thành lập, Đảng đã đẩy lên một phong trào rộng lớn, tập hợp được tất cả các tầng lớp nhân dân nhằm mục tiêu trực tiếp lật đổ chế độ thực dân - phong kiến, thành lập chính quyền công nông. Do nổ ra khi tình thế của một cuộc cách mạng xã hội chưa thực sự chín muồi trên phạm vi cả nước và trong đường lối chỉ đạo chiến lược còn thè hiện những sai lầm "*tả khuynh*" nên phong trào đấu tranh của nhân dân ta đã bị thất bại, bị kẻ thù dim trong biển máu, tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng bị triệt phá ở nhiều nơi, tổn thất nặng nề. Mặc dù vậy, phong trào 1930-1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh, bằng những gì đã đạt được cũng như bằng những kinh nghiệm mà nó để lại trong việc vận động, tổ chức quần chúng, tiến hành đấu tranh đã đóng góp to lớn vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 sau này.

Trong những năm 1932-1935, kẻ thù tiếp tục đàn áp, khùng bô phong trào. Thế nhưng, trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, Đảng vẫn tiếp tục giữ vững lá cờ lãnh đạo cách mạng, tiến hành đấu tranh kiên cường trên mọi lĩnh vực, dưới những hình thức phong phú, cả bí mật và công khai, cả hợp pháp và bất hợp pháp, cả bằng phong trào đấu tranh của quần chúng lẫn những cuộc đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản ở trong các nhà tù thực dân, cả trên lĩnh vực lý luận lẫn trên lĩnh vực văn học - nghệ thuật nhằm khôi phục tổ chức Đảng, khôi phục phong trào cách mạng nói chung. Kết quả là từ

những năm 1932-1933 trở đi, phong trào đã phục hồi dần từng bước trên phạm vi cả nước, tạo điều kiện cho sự phát triển phong trào đấu tranh dân chủ trong giai đoạn tiếp theo.

Trong thời kỳ 1936-1939, cuộc tổng khủng hoảng kinh tế thế giới qua đi, nhưng chủ nghĩa phát xít lại hiển hiện. Mặt trận Dân chủ chống phát xít được thành lập ở nhiều nước trên thế giới theo tinh thần Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản (tháng 7/1935). Mặt trận Nhân dân Pháp lên nắm chính quyền đã có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam. Mặt trận Nhân dân phản đế sau này đổi là Mặt trận Thống nhất dân chủ Đông Dương ra đời bao gồm rộng rãi các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tôn giáo khác nhau. Thực hiện chủ trương của Đảng về việc chuyển hướng hoạt động sang hình thức công khai và bán công khai, cả một phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân đã diễn ra sôi nổi, rầm rộ nhằm mục tiêu chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do cơm áo, hòa bình. Bên cạnh những cuộc bãi công, tổng bãi công của hàng vạn công nhân là những phong trào mang tính chất biểu dương lực lượng quần chúng như là phong trào Đông Dương Đại hội, phong trào "*đón tiếp*" Godart, Brévié và việc tranh cử vào các Viện Dân biểu và Hội đồng thành phố. Đặc biệt là trong thời gian này, Đảng triệt để lợi dụng sách báo hợp pháp làm lợi khí đấu tranh.

Nhưng phong trào dân chủ ở Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ thì trên thế giới, nguy cơ chiến tranh đã xuất hiện, Chiến tranh thế giới đe dọa nổ ra, nước ta bước vào một thời kỳ mới. Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới bùng nổ ở châu Âu. Nước Pháp tham chiến, còn Pháp ở Đông Dương lợi dụng cơ hội ấy để thủ tiêu các quyền tự do dân chủ mà nhân dân ta đã giành được trong thời kỳ 1936-1939 và giải tán hết những tổ chức quần chúng. Chính sách khủng bố lại diễn ra ở khắp nơi. Tháng 9/1939, Nhật chiếm Đông Dương, dựa vào Pháp để cai trị. Đông Dương một cổ hai tròng. Nền kinh tế bị vơ vét cạn kiệt để cung cấp cho nhu cầu chiến tranh của cả hai tên phát xít. Nhân dân Việt Nam khốn khổ vì đói, vì rét, vì sự đàn áp của kẻ thù, vì bom đạn chiến tranh. Ở nhiều nơi, nhân dân ta đã

nổi dậy chống Pháp - Nhật. Các cuộc khởi nghĩa liên tiếp diễn ra vào cuối năm 1940 đầu năm 1941, nhưng đều bị thất bại do nỗ lực chưa đúng thời cơ. Trước tình hình đó, Đảng ta đã kịp thời "*thay đổi chính sách*", chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cho cách mạng, đặt mâu thuẫn dân tộc lên trên mâu thuẫn giai cấp để tập hợp quần chúng vào Mặt trận Dân tộc thống nhất chống đế quốc. Năm 1941, Mặt trận Việt Minh ra đời, nêu cao khẩu hiệu giải phóng dân tộc. Do chủ trương đúng đắn của Đảng, uy tín và ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh ngày càng cao, phong trào cách mạng ngày càng phát triển mạnh mẽ trên tất cả mọi lĩnh vực nên thu hút sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân. Việc chuẩn bị lực lượng cả chính trị và quân sự được đẩy mạnh trên phạm vi toàn quốc để tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp giữa lúc một nạn đói lịch sử diễn ra, hàng triệu người ở vùng trung châu Bắc Kỳ đã chết vì đói. Thời kỳ tiền khởi nghĩa đã đến. Đảng kêu gọi toàn dân chống Nhật, khởi nghĩa giành chính quyền. Phong trào chống Nhật và tay sai diễn ra sôi nổi, quyết liệt. Hình thái khởi nghĩa giành chính quyền "*từng phần*" xuất hiện ở nhiều địa phương do sự nhạy bén, chủ động của tổ chức Đảng, tổ chức Việt Minh ở cơ sở. Rồi ngày 13/8, Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Thời cơ cách mạng đã chín muồi. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ trong một thời gian chưa đầy hai tuần lễ, cuộc tổng khởi nghĩa của toàn thể dân tộc ta đã đập tan chế độ thực dân, phong kiến, giành độc lập tự do cho dân tộc, lập ra bộ máy chính quyền lần đầu tiên "*của dân, do dân và vì dân*".

Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, một kỷ nguyên mới đã mở ra cho cách mạng Việt Nam - kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Như vậy, chỉ sau 15 năm nắm quyền lãnh đạo, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam làm nên một kỳ tích có ý nghĩa không chỉ trong phạm vi dân tộc mà còn trên phạm vi toàn thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. TÀI LIỆU LUÚN TRỮ

1. Tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia I Hà Nội

- Phòng Toàn quyền Đông Dương (GGI)
- Phòng Thông sứ Bắc Kỳ (RST)
- Phòng Sở Tài chính Đông Dương (DFI)

2. Tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh

- Phòng Thống đốc Nam Kỳ (Goucoch)
- Phòng Khâm sứ Trung Kỳ (RSA)
- Phòng Toà đại biểu (TĐB)

3. Tại Pháp

- Phòng Toàn quyền Đông Dương (GGI)
- Indochine - Ancien Fond (AFI)
- Indochine - Nouveau Fond (NFI)

II. TÀI LIỆU ĐÃ IN

1. Tiếng Pháp

1.1. Niên giám, tạp san

- Annuaire économique de l'Indochine
- Annuaire statistique de l'Indochine
- Annuaire statistique de l'Union française d'Outre mer
- Bulletin économique de l'Indochine (BEI)
- Indochine. Hebdomadaire Illustré

- Journal officiel de l'Indochine française (JOIF)
- Recueil général de la législation et de la règlementation de l'Indochine
- Répertoire des Sociétés anonymes indochinoises. Hà Nội, 1944
- Revue d'Extrême - Orient indochinoise illustrée

1.2. Báo

- L'Avenir du Tonkin
- Le Courier de Hải Phòng
- L'Eveil économique de l'Indochine
- L'Annam
- La Tribune Indochinoise

2. Tiếng Việt

2.1. Báo

- Dân chúng
- Giải phóng
- Khai hoá
- Nam Phong
- Nhành lúa
- Phụ nữ tân văn
- Tiếng dân
- Việt Nam độc lập

2.2. Tạp chí

- Công sản
- Lịch sử Đảng
- Nghiên cứu Lịch sử
- Nghiên cứu Văn học

- Sứ Địa (Sài Gòn)
- Thanh Nghị
- Tri Tân
- Văn Sứ Địa (Ban Nghiên cứu Văn Sứ Địa)

III. SÁCH LÝ LUẬN

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, các tập 1, 2, 3, 4, 12, Nxb. Chính trị quốc gia, 1993-1995.
2. C. Mác, Ăngghen, Lênin, *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984.
3. C. Mác, Ăngghen, Lênin, *Bàn về các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.
4. V.I. Lênin, *Toàn tập*, các tập 3, 6, 17, 23, 25, Nxb. Tiến bộ, Maxcova, 1976-1981.
5. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, các tập 1, 2, 3, 10, 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
6. Hồ Chí Minh, *Cách mạng tháng Mười vĩ đại mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1967.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, các tập, tập 2 (1930); tập 3, (1931); tập 4, (1932-1934), tập 5, (1935), tập 6 (1936-1939), tập 7 (1939-1945), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000-2005.
8. Trường Chinh, *Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam*, Hội Văn nghệ Việt Nam xuất bản (lần thứ 4), Hà Nội, 1952.
9. Trường Chinh, *Bàn về cách mạng Việt Nam*, Ban Chấp hành Trung ương Đảng xuất bản, Hà Nội, 1956.
10. Trường Chinh, *Tiến lên dưới lá cờ của Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1963.
11. Trường Chinh, *Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi theo con đường Các Mác đã vạch ra*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1968.

12. Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp, *Vấn đề dân cày*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959.
13. Lê Duẩn, *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
14. Lê Duẩn, *Chủ nghĩa Lenin và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
15. Lê Duẩn, *Giương cao ngọn cờ cách mạng của chủ nghĩa Mác sáng tạo, đưa sự nghiệp cách mạng của chúng ta tiến lên*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1965.
16. Lê Duẩn, *Giai cấp vô sản với vấn đề nông dân trong cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1965.
17. *Giai cấp công nhân Việt Nam và liên minh công nông*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
18. *Luận cương chính trị năm 1930 của Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983.

IV. SÁCH CÔNG CỤ

19. *Bibliographie de l'Indochine française 1929-1967*, Tome 3 (1930), Hà Nội, IDEO, 1933; Tome 4 (1931-1935). Hà Nội, IDEO, 1943.
20. Brebion (Antoine), *Dictionnaire de bibliographie générale, ancienne et moderne de l'Indochine française*, Paris, 1935.
21. Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
22. Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1919-1945*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000.
23. *Đại Từ điển kinh tế thị trường*, Hà Nội, 1998.
24. *Những sự kiện lịch sử Đảng, tập 1 (1920-1945)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.
25. Viện Sử học, *Tổng mục lục Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (1954-1994)*, Hà Nội, 1995.

V. SÁCH CHUYÊN KHẢO TIẾNG VIỆT

26. Đào Duy Anh, *Lịch sử cách mạng Việt Nam (từ 1862-1930)*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 1955.
27. Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ*, Nxb. Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1970.
28. Nguyễn Hải Âu, *Kinh tế thế giới (1929-1934)*, Nxb. Hàn Thuyên 1945.
29. Ban Cận hiện đại Viện Sử học Việt Nam, *Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1974.
30. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hải Phòng, *Lịch sử đảng bộ Hải Phòng*, tập 1, Nxb. Thành phố Hải Phòng, 1991.
31. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh, *Lịch sử Đảng bộ Hà Tĩnh*, tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
32. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Nghệ An, *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
33. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản tỉnh Nghệ An, *Lịch sử Đảng bộ Nghệ An*, tập 1 (1930-1954), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
34. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
35. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắc Lắc, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắc Lắc 1930-1954*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
36. Ban Nghiên cứu Lịch sử Công đoàn Việt Nam, *Sơ thảo lần thứ nhất Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam (1860-1945)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1974.
37. Ban Nghiên cứu Lịch sử Công đoàn Việt Nam, *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam (1860-1945)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1974.

38. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Thành ủy Hà Nội, *Hà Nội khởi nghĩa*, Hà Nội, 1970.
39. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961.
40. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
41. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Sơ thảo Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1981.
42. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Sơ thảo Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984.
43. Ban Nghiên cứu lịch sử tỉnh Nghệ Tĩnh, *Lịch sử Nghệ Tĩnh*, tập 1, Nxb. Nghệ Tĩnh, Vinh, 1984.
44. Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam* (12 tập), Hà Nội, Nxb. Văn Sử Địa, 1956-1957.
45. Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, *Cách mạng cận đại Việt Nam*. Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản năm 1956.
46. Ban thường vụ tinh uỷ Quảng Ngãi, *Đội du kích Ba Tơ - nhớ lại và suy nghĩ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà nội 2000.
47. Báo Ngọn cờ giải phóng, Hà Nội, 1955.
48. Báo tàng Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh - Những sự kiện*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1990.
49. Phan Trọng Báu, *Giáo dục Việt Nam thời cận đại*, Nxb. Khoa học xã hội, 1994.
50. Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), *Cơ cấu giai cấp - xã hội ở nước ta*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992.
51. Cao Văn Biền, *Giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ 1936-1939*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979.
52. Cao Văn Biền, *Công nghiệp than Việt Nam thời kỳ 1888-1945*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.

53. Nguyễn Công Bình, *Tìm hiểu giai cấp tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1959.
54. Trần Tử Bình, *Phú Riềng đó*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1967.
55. Nguyễn Khắc Cần, Phạm Viết Thực (Chủ biên), *Việt Nam cuộc chiến 1858-1975*, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2000.
56. Nguyễn Trọng Cỗnn, *Giai cấp công nhân và những cuộc đấu tranh đầu tiên trong phong trào công đoàn ngành hàng hải*, Nxb. Lao động, 1999.
57. Hồng Thé Công, *Lược thảo lịch sử phong trào công sản Đông Dương*, bản dịch, Viện Lịch sử Đảng, 275 trang.
58. Di tích lịch sử, *Nhà tù Côn Đảo, nhà lao Phú Quốc*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005.
59. Hoàng Văn Đào, *Việt Nam quốc dân Đảng (Lịch sử đấu tranh cận đại 1927-1954)*, Nxb. Giang Đông, Sài Gòn, 1965.
60. Nguyễn Khắc Đạm, *Những thủ đoạn bóc lột của tư bản Pháp ở Việt Nam*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.
61. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Chặng đường qua hai thế kỷ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
62. Phan Cự Đệ, *Phong trào thơ mới*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1982.
63. Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoành Khung, Lê Chí Dũng, Hà Văn Đức, *Văn học Việt Nam 1900-1945*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1997.
64. Phan Cự Đệ (Chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
65. Trần Giang, *Nam Kỳ khởi nghĩa ngày 23 tháng Mười Một năm 1940*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
66. Võ Nguyên Giáp, *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội, Hà Nội, 1969.

67. Võ Nguyên Giáp, *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
68. Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
69. Trần Văn Giàu, *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, quyển 1 và 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
70. Trần Văn Giàu, *Giai cấp công nhân Việt Nam sự hình thành và phát triển của nó từ giai cấp "tự mình" đến giai cấp "cho mình"*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1957.
71. Trần Văn Giàu, *Giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1961.
72. Trần Văn Giàu, *Giai cấp công nhân Việt Nam*, tập 2, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962.
73. Trần Văn Giàu, *Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng Tháng Tám*, tập 2. *Hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó trước các nhiệm vụ lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975; tập 3, *Thành công của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
74. Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Kiều Xuân Bá, *Lịch sử cận đại Việt Nam*, tập 4 (1919-1930), Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1963.
75. D. H, *Nhật ký hành trình của Hồ Chủ tịch bốn tháng sang Pháp*. Nxb. Thư viện Quân đội, Hà Nội, 1974.
76. Henry Claude, *Cuộc khủng hoảng kinh tế đến Thế giới chiến tranh thứ hai*. (Huy Văn dịch), Nha Đại học vụ xuất bản, 1951.
77. Ngô Văn Hoà, Dương Kinh Quốc, *Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
78. Đỗ Quang Hưng, *Công hội đờ Việt Nam*, Hà Nội, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1989

79. Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Thành, Dương Trung Quốc, *Lịch sử báo chí Việt Nam 1865-194*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2000.
80. Vũ Thị Minh Hương, *Nội thương Bắc Kỳ thời kỳ 1919-1939*, Luận án tiến sĩ, Hà Nội, 2002.
81. Nguyễn Văn Khánh, *Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa 1858-1945*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
82. Vũ Ngọc Khánh, *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước 1945*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1985.
83. Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sứ (1862-1945)*, in lần 2, Sài Gòn, 1971.
84. Đinh Xuân Lâm, *Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam. Một số vấn đề nghiên cứu*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998.
85. Đinh Xuân Lâm (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội 1998.
86. Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000.
87. *Lịch sử Đảng bộ Hải Phòng*. tập I, (1925-1955), Nxb. Hải Phòng, 1991.
88. *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tinh Nghệ Tĩnh*, Sơ thảo, tập I (1925-1954), Nxb. Nghệ Tĩnh, 1986.
89. *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh*, tập I (1930-1954), Sơ thảo, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.
90. *Lịch sử Đảng bộ nhà máy liên hợp Dệt Nam Định 1930-1977*. Đảng ủy nhà máy liên hợp Dệt Nam Định xuất bản năm 1980.
91. *Lịch sử Đảng bộ tinh Hà Tĩnh (1930-1945)*, tập I, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Hà Tĩnh xuất bản, 1971.
92. *Lịch sử Đảng bộ tinh Cao Bằng (1930-2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

93. *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, Hà Nội, 2003.
94. *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam (1860-1945)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1974.
95. *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906-1990)*. Nxb. Trẻ, 1993.
96. Trần Huy Liệu, *Lịch sử tám mươi năm chống Pháp*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, quyển 1, 1956; quyển 2, tập Thượng, 1958; quyển II, tập Hạ, 1961.
97. Trần Huy Liệu, *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
98. Trần Huy Liệu, *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960.
99. Trần Huy Liệu, Nguyễn Khắc Đạm, Nguyễn Văn Tạo, Nguyễn Lương Bích, Hướng Tân, *Tài liệu tham khảo lịch sử cận đại Việt Nam*, tập 6, Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, Hà Nội, 1956; tập 7, Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa, Hà Nội, 1956; tập 6II, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957.
100. *Một số vấn đề lịch sử đạo Thiên chúa trong lịch sử Việt Nam*. Nxb. Viện Khoa học xã hội và Ban Tôn giáo, Thành phố Hồ Chí Minh, 1988.
101. *Một số hiểu biết về tôn giáo Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1993.
102. Võ Nguyên, *Lịch sử các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam (từ 1858-1945)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1958.
103. Nguyễn An Ninh - Nhà trí thức yêu nước, Bán nguyệt san Xưa & Nay, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
104. Nguyễn An Ninh, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1988.
105. Nhà tù Hòa Lò (1899-1954), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.

106. Nhà tù Sơn La (1908-1945), Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Sơn La xuất bản, 1979.
107. Trịnh Nhu (Chủ biên), *Đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng tại nhà tù Hòa Lò 1889-1954*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
108. Trịnh Nhu - Vũ Dương Ninh, *Về con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
109. Đào Phiếu, *Luận cương chính trị của Đảng năm 1930*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976.
110. Nguyễn Hồng Phong, *Xã thôn Việt Nam*, Nxb. Văn Sử Địa, Hà Nội, 1959.
111. Vũ Đức Phúc, *Bàn về những cuộc đấu tranh tư tưởng trong Lịch sử văn học Việt Nam hiện đại (1930-1954)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
112. Vũ Huy Phúc, *Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam (1858-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
113. Nguyễn Phan Quang, *Việt Nam cận đại những sự kiện mới*, tập 2, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
114. Nguyễn Phan Quang, *Thị trường Lúa gạo Nam Kỳ 1860-1945*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
115. Dương Kinh Quốc, *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, 2005.
116. Thi Sảnh, *Lịch sử phong trào công nhân mỏ Quảng Ninh 1833-1945*, Ty Văn hóa Thông tin Quảng Ninh xuất bản năm 1974.
117. Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội-Viện Lịch sử Đảng, *Đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng tại nhà tù Hòa Lò (1899-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
118. *Sức mạnh vô địch của nhân dân Việt Nam*, Hà Nội, 1955.

119. Văn Tạo (Chủ biên), *Cách mạng Tháng Tám, một số vấn đề lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995.
120. Văn Tạo- Furuta Motoo, *Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam...*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005.
121. Đồng Tân, *Lịch sử Cao Đài tam kỳ phô đồ*, quyển 1, *Phản vũ vi (1920-1932)*, Cao Hiên xuất bản, Sài Gòn, 1967; quyển 2, *Phản phô đồ (1925-1937)*, Cao Hiên xuất bản, Sài Gòn, 1972.
122. Phạm Đình Tân, *Chủ nghĩa đế quốc Pháp và tình hình công nghiệp ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959.
123. Philippe de Villers, *Paris - Sài Gòn - Hà Nội*, Thành phố Hồ Chí Minh, 1994.
124. Nguyễn An Tịnh, *Nguyễn An Ninh*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.
125. Nguyễn Anh Thái, *Lịch sử thế giới hiện đại, từ 1917 đến 1945*, tập 1, Đại học Sư phạm, Hà Nội, 1995.
126. Nguyễn Thành, *Báo chí cách mạng Việt Nam (1925-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.
127. Nguyễn Thành, *Cuộc vận động Đại hội Đông Dương*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
128. Trần Dân Tiên, *Những mẩu truyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1969.
129. Nguyễn Khánh Toàn, *Vấn đề dân tộc trong cách mạng vô sản*, tập I (*Thứ bàn tại sao giai cấp công nhân Việt Nam giữ được địa vị lãnh đạo cách mạng Việt Nam*), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
130. Nguyễn Khánh Toàn (Chủ biên), Nguyễn Công Bình, Văn Tạo, Phạm Xuân Nam, Bùi Đình Thanh, *Lịch sử Việt Nam tập II 1858-1945*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, 2004.
131. Tạ Thị Thúy, *Đòn điên của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884 - 1918*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1996.

132. Tạ Thị Thúy, *Việc nhượng đất, khẩn hoang ở Bắc Kỳ từ 1919 đến 1945*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2001.
133. Tạ Thị Thúy (Chủ biên), Ngô Văn Hòa, Vũ Huy Phúc, *Lịch sử Việt Nam, tập 6II, 1919-1930*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.
134. *Thủ đoạn bóc lột tàn khốc của chủ nghĩa tư bản Pháp đối với giai cấp công nhân Việt Nam*, Phổ thông, Hà Nội, 1958.
135. Tiêu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh ủy Nghệ An, *Xô viết Nghệ Tĩnh*, Nxb. Nghệ An, 2000.
136. *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 21, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
137. *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 42, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000.
138. Nguyễn Văn Trung, *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam. Thực chất và huyền thoại. I. Văn hóa và chính trị*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn, 1963.
139. Phạm Quang Trung, *Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam (1875-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, 1997.
140. Đoàn Trọng Truyền, *Mầm mống tư bản chủ nghĩa và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959.
141. Bùi Công Trừng, *Cách mạng tháng Mười và sự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1957.
142. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, *Địa chí Quảng Ngãi*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
143. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh biên niên tiêu sử*, tập 1, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1992-1993.
144. Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.

145. Viện Sử học Việt Nam, *Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*. Hà Nội, Nxb. Lao động, 1974.
146. Viện Sử học Việt Nam, *Nông dân và nông thôn Việt Nam thời kỳ cận đại*, tập I. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990; tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
147. Hoàng Quốc Việt, *Vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1969.
148. Hoàng Quốc Việt, *Nhân dân ta rất anh hùng* (hồi ký cách mạng), Nxb. Văn học.

VI. SÁCH TIẾNG NƯỚC NGOÀI

149. A.R Fontaine, *Quelques réflexions sur un essai de politique indigène en Indochine*, Paris, 1927.
150. Abor. R, *Conventions et Traités de droit international intéressant l'Indochine*, Hà Nội, IDEO, 1929.
151. Ageron (Charles-Robert), *France coloniale ou Parti colonial?* Paris, PUF, 1978.
152. Ajalbert (Jean), *L'Indochine par les Français*. Paris, Gallimard. 1931.
153. Ajalbert (Jean), *L'Indochine d'autrefois et d'aujourd'hui*. Paris, 1934.
154. Arrighi de Casanova, *Recueil général des actes relatifs à l'organisation et à la réglementation de l'Indochine*. Tomes I, II, III. IDEO, Hanoi-Haiphong, 1919.
155. Arthur (Girault), *Principes de colonisation et de législation coloniale*. Paris, Tome I, 1929; Tome 2, 1930.
156. Asselain (Jean-Charles), *Histoire économique de la France du XVIII^e siècle à nos jours, Tome 2- de 1919 à la fin des années 1970*. Paris, Edition du Seuil, 1984.

157. Association Culturelle pour le Salut du Viêt Nam, *Témoignages et documents français relatifs à la colonisation française au Viêt Nam*. Hà Nội, 1945.
158. Aumiphin J.P., *La Présence financière et économique française en Indochine (1859-1939)*. Thèse pour le Doctorat de Spécialité (3^{er} cycle), Université de Nice, 1981
159. Bernard (Paul), *Le Problème économique indochinois*. Paris, 1934.
160. Bernard (Paul), *Nouveaux aspects du problème économique de l'Indochine*. Paris, 1937.
161. Bernard (Philippe), *La Fin d'un monde (1914-1929)*. Paris, Le Seuil, 1975.
162. Blet H., *Histoire de la colonisation française*. Tome 3, *France d'Outre-Mer, l'Oeuvre coloniale de la Troisième République*, Paris 1950.
163. Bonnefous (G.), *Histoire de la Troisième République*. Tome 2, Paris 1957.
164. Bouillon J, Sorlin P, Rudel J, *Le Monde contemporain-Histoires des civilisations*. Bordas, F. 1968.
165. Bourbon (André), *Le Redressement économique de l'Indochine, 1934-1937*, Lyon, 1938
166. Brenier (Henry), *Le problème de la population dans les colonies françaises*, Lyon, 1930.
167. Brocheux (Pierre) & Hémery (Daniel), *Indochine, la colonisation ambiguë 1858-1954*. La Découverte, Paris, 1995.
168. Brocheux (Pierre), *L'Economie et la Société dans L'Ouest de la Cochinchine pendant la période coloniale, 1890-1940 environ*, Thèse de Doctorat de 3^{ème} cycle, Ecole pratique des Hautes Etudes VI, Paris, 1969.
169. Brocheux (Pierre), *Hô Chí Minh du révolutionnaire à l'icône*, Nxb. Payot & Rivages, Paris 2003

170. Broué P, *Histoire de la IIIe Internationale 1919-1943*, Ed, Fayard, Paris, 1996.
171. Bunaut (René), *La main-d'œuvre et la législation du travail en Indochine*. Thèse de Doctorat, Bordeaux, 1936.
172. Buttlinger (Joseph), *A Dragon embattled. tập I, From colonialism to the Việt Minh*. London, Paul Mall, 1967.
173. Buttlinger (Joseph), *Vietnam - a Political History*, New York, 1968.
174. Cachin (M.), *Le Problème de la paix et les dettes extérieures*. Paris, 1925.
175. Catroux (George), *Deux actes du drame indochinois*, Librairie Plon, Paris, 1959.
176. Chesnaux (Jean), *Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne*, Ed Sociales, Paris 1955.
177. Ngô Kim Chung và Nguyễn Đức Nghinh, *Propriété privée et propriété collective dans l'ancien Việt Nam*. Paris, L'Harmattan, 1987.
178. Cony (Pierre), Marc (Henry), *L'Indochine française*, Paris, 1946.
179. Coquery - Vidrovith Catherine, *Histoire de la France coloniale*, Tome II, Paris, A. Colin, 1990.
180. De Galebert J, *Les administrations et les services publics indochinois*. 2^e édition, Hà Nội, 1931.
181. De Gantes (Gilles), *Coloniaux, gouverneurs et ministres. L'influence des Français du Việt Nam sur l'évolution du pays à l'époque coloniale (1902-1914)*. Thèse de Doctorat de l'Université de Paris VII Denis Diderot, 1994.
182. Decoux (Jean), *A la barre de l'Indochine*, Paris, 1949.
183. Devillers (Ph.), *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952*. Du Seuil, Paris, 1952.

184. Dominique (Borne), Henri (Dubief), *La crise des années 30 (1928-1938)*, Paris, 1972.
185. Duchêne, *Histoire des Finances coloniales de la France*. Paris, 1938.
186. Duiker (William J), *The Rise of Nationalism in Việt Nam 1900-1940*, Cornell University Press, Ithaca and London 1976
187. Dumarest (André), *La Formation des classes sociales en pays annamites*. Lyon, 1935.
188. Dumont (René), *La Culture du Riz du Tonkin*. PSU, 1935, 1995.
189. Etude statistique sur le développement économique de l'Indochine. Hà Nội, 1923.
190. Fourniau (Charles), *Les racines de la Révolution d'Aout 1945, trong Việt Nam trong thế kỷ XX*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
191. Fourniau (Charles), *Le Contact colonial franco-vietnamien (1858-1911)*. Aix-en- Provence, PUP, 1999.
192. Fourniau (Charles), *Việt Nam - domination coloniale et la résistance nationale 1858-1914*. Paris, Les Indes Savantes, 2002.
193. Franchini (Philippe), *Les Guerres d'Indochine*. Paris, 1988.
194. Franchini(Philippe), *Sài Gòn 1925-1945 de la "belle colonie" à l'élosion révolutionnaire ou la fin des Dieux blancs*, Paris, 1992.
195. Gaudel (André), *L'Indochine en face du Japon*, Paris, 1947?
196. Giacometti (Jean Dominique), *La question de l'autonomie de l'Indochine et les Milieux coloniaux français 1915-1928*. Thèse de Doctorat, 1997.
197. Godart (Justin), *Rapport de mission en Indochine 1er Janvier - 14 Mars 1937*. Présentation par Francois Bilange, Charles Fourniau, Alain Ruscio, Paris, L'Harmattan, 1994.

198. Goudal, *Problèmes du travail en Indochine. Bureau International du travail*, Genève, 1937.
199. Gourou (Pierre), *L'Indochine française*. Hà Nội, Nxb. Lê Văn Tân, 1929.
200. Gourou (Pierre), *Le Tonkin*. Exposition coloniale internationale de Paris, Paris, 1931.
201. Gourou (Pierre), *Les Paysans du delta tonkinois*. Paris, 1936.
202. *L'Utilisation du sol en Indochine française*. Paris, 1940.
203. Gouvernement central provisoire du Vietnam, *Traités, Conventions, Accords passés entre le Viêt Nam et la France (1787-1946)*. Sous Secrétariat d'Etat à la Presidence du Gouvernement, Hà Nội, IDEO, 1946.
204. Gouvernement Général de l'Indochine - Direction des Affaires politiques et de Sureté général, *Contribution à l'Histoire des mouvements politiques de l'Indochine française (5 volumes)*, Hà Nội, IDEO, 1930.
205. Griffon (F.), *Le Régime douanier de l'Indochine*. These, 1950.
206. Gros (Louis), *L'Indochine française pour tous*. Paris, 1931.
207. Hanoteaux, Martinaux, *Histoire des colonies françaises et l'expansion de la France dans le monde*. Paris, 1929.
208. Haussler (H.), *Ouvrier du temps passé*. Paris, 1927.
209. Hémery (Daniel.), *Révolutionnaires vietnamiens et Pouvoir colonial en Indochine*. Paris, 1975.
210. Henry (Yves), *L'Economie agricole de l'Indochine*. Hà Nội, IDEO, 1932.
211. *L'effort français en Indochine*. Paris, 1927.
212. *Le Régime monétaire en Indochine*. Paris, 1932.
213. *L'Industrie Minière de l'Indochine en 1932*, Hà Nội, 1934.
214. *Industrie Minérale indochinoise en 1933*. Hà Nội, IDEO.

215. Vũ Văn Hiền, *La Propriété communale au Tonkin*. Thèse de droit, Paris, 1939.
216. Huỳnh Kim Khanh, *The Vietnamese August Revolution Reinterpreted*, University of California, 1971.
217. Huỳnh Kim Khanh, *Vietnamese Communism, The pre-power phase (1925-1945)*. Department of political science. University of Western Ontario London, Ontario Canada, 1972.
218. Lý Đinh Huệ, *Le Régime des concessions domaniales en Indochine*. Thèse de Doctorat, Paris, 1931.
219. Isoart (Paul.), *Le Phénomène national vietnamien*. Librairie général de droit et de jurisprudence, Paris, 1961.
220. Gauthier J, *L'Indochine au travail dans la paix française*, Paris 1947.
221. Lê Thành Khôi, *Le Việt Nam. Histoire et Civilisation*. Paris, 1959.
222. Nguyễn Văn Ký, *La société vietnamienne face à la modernité (le Tonkin de la fin du XIX^e siècle à la seconde guerre mondiale)*. Paris, L'Harmattan, 1995.
223. L.Jean, *Législation coloniale générale et régimes législatif, administratif et judiciaire de l'Indochine*. Vinh, 1939.
224. Laurence, *Etude statistique sur le développement de l'Indochine de 1899 à 1923*. Hà Nội, IDEO, 1923.
225. Lévy (Sylvain), *Indochine*. Paris, 1931.
226. Leminar, *Le problème de la main-d'œuvre indigène sur les Chantiers dans les entreprises agricoles européennes en Indochine*. Ecole Supérieur Coloniale, 1944.
227. Ngô Vĩnh Long, *Before the Revolution (The Vietnamese peasants under the French)*. Colombia University Press, 1991.
228. Lotzer et G.Worsme, *La surpopulation du Tonkin et du Nord Annam, ses rapports avec la colonisation de la Péninsule Indochinoise*. Hà Nội, IDEO, 1941.

229. Nguyễn Văn Luyện, *Le Viêt Nam, une cause de la paix*, Hà Nội, 1945.
230. Meuleau Marc, *Des Pionniers en Extrême-Orient (Histoire de la Banque de l'Indochine 1875-1975)*. Fayard, 1990.
231. Marr (D.), *Vietnamese anticolonialism 1885-1925*. University of California, London, 1971.
232. Meyer (Jean), Rey-Goldeiguer (Annie), Tarrade (Jean), Thobie (Jacque), *Histoire de la France coloniale des origines à 1914*. Paris, Armant Colin, 1991.
233. Miquel (Pierre), *Histoire de la France*, Paris, 1976.
234. Morlat (Patric), *Pouvoir et Répression au Viêt Nam durant la période coloniale 1911-1940*, These de doctorat 3e cycle, 2 tome, Université Paris VII, 1985.
235. Morlat (Patric), *La Répression coloniale au Vietnam, 1908-1940*. Paris, l'Harmattan, 1990.
236. Morlat (Patric), *Indochine années vingt, le Bancon de la France sur le Pacifique*. Paris, Les Indes Savantes, 2001.
237. Muriel (Delacou), *Les conditions de vie des Paysans vietnamiens d'après l'enquête de la Commission Guernut (1937-1938)*, Mémoire de Maîtrise, Université d'Aix-Marseille I, 1993-1994.
238. Murray (Martin Jean), *The Developpement of capitalism in colonial indochina (1870-1940)*. London, 1980.
239. Officiers de l'Etat Major, *Histoire militaire de l'Indochine des débuts à nos jours* (Janvier 1922). IDEO, Hanoi, 1922.
240. Percheron (Maurice), Teston (Eugène), *L'Indochine moderne*. Paris, 1931.
241. Poldhatsen, *L'oeuvre de la France en Indochine, la paix française*. Hà Nội, IDEO, 1927.
242. Pouyanne (A.A), *Les travaux publics de l'Indochine*. Imprimerie d'Extrême Orient, Hà Nội, 1926.

243. *Quantitative Economic History of Vietnam 1900-1990*, Hitosubashi University, Tokyo, Japan, 2000.
244. Rény (Paul), *Le Problème des relations entre l'Indochine et la France*, Nancy, 1938.
245. *Répertoire des Sociétés anonymes indochinoises*, IDEO, Hà Nội, 1944.
246. *Règlementation générale du travail en Indochine*, Hà Nội, 1937.
247. Robequain (Charles), *L'Indochine française*. Paris, Armand Clin, 1935.
248. Robequain (Charles), *L'Evolution économique de l'Indochine*. Paris, Paul Hartmann, 1939.
249. Roubaud (Louis), *Việt Nam- La Tragédie indochinoise*. Paris, 1931.
250. Sarraut (Albert), *La mise en valeur des colonies françaises*. Paris- La Haye- Payot, 1923.
251. Sarraut (Albert), *Grandeur et Servitude coloniales*, Paris, 1931.
252. Simoni (Henry), *Le Rôle du capital dans la mise en valeur de l'Indochine*, Paris, Helms, 1929.
253. Phạm Thành Sơn, *Le Mouvement ouvrier Vietnamien des origines à 1945*, Thèse, Paris, 1968.
254. Tạ Thị Thúy, *Les concessions agricoles françaises au Tonkin de 1884 à 1918*, Les Indes Saventes, Paris, 2009.
255. Teston (E.) & Percheron (M.), *L'Indochine moderne*. Librairie de France, Paris, 1931.
256. Trịnh Văn Thảo, *L'Ecole française en Indochine*, Karthala, Paris, 1995.
257. Thiollier (L.A.), *La Grande aventure de la piastre indochinoise*. Bruyer, Saint Etienne, 1930.

258. Thobie (Jacque), Meynier (Gilbert), Coquery - Vidrovitch (Catherine), Ageron (Charles Robert), *Histoire de la France coloniale 1914-1990*. Paris, Armand Coline, 1990.
259. Vũ Quốc Thúc, *L'Economie communaliste du Viêt Nam*, Thèse, Hà Nội, 1951.
260. Tonnesson (Stein), *The Vietnamese Revolution of 1945. Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at War*, PRIO, Oslo, 1991.
261. Touzet (André.), *Le Régime monétaire indochinois*. Sirey, Paris, 1939.
262. Touzet (André.), *L'économie indochinoise et la grande crise universelle*. Paris, 1934.
263. Ngo Van, *Việt Nam, 1920-1945, Révolution et contre-révolution sous la domination coloniale*. Paris, 1995.
264. Ngo Van, *Révolution et contre - révolution sous la domination coloniale*, Paris 2000.
265. Valette (Jacques), *Indochine 1940-1945-Français contre Japonais*, SEDES, Paris, 1993.
266. Viollis (A.), *Indochine S. O. S*. Paris, 1935, 1949.

MỤC LỤC

Lời giới thiệu cho lần tái bản thứ nhất	9
Lời Nhà xuất bản	11
Lời mở đầu	15
Lời nói đầu	19
Chương I	
CHÍNH SÁCH THUỘC ĐỊA CỦA PHÁP TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ KHỦNG HOẢNG (1930-1935)	27
I. Khủng hoảng kinh tế thế giới, Pháp chủ trương dựa vào thuộc địa để giải quyết khủng hoảng	27
1. Khủng hoảng kinh tế thế giới	27
2. Khủng hoảng kinh tế ở Pháp, hậu quả về chính trị - xã hội	32
3. Pháp chủ trương "gắn" chặt hơn với thuộc địa, dựa vào thuộc địa để giải quyết khủng hoảng	36
II. Chính sách thuộc địa “mới” của Pháp	41
1. Chính sách "hợp tác với người bản xứ" bị bỏ qua	41
2. Từ "Chính sách 19 điểm" đến "Chương trình cải cách" của Pierre Pasquier	47
3. "Cải cách" chính trị, khôi phục "chế độ bảo hộ chặt chẽ"	57
4. "Cải cách" bộ máy chính quyền	61
III. Nền kinh tế Việt Nam bị khủng hoảng	84
1. Tình hình chung	84
2. Tình hình một số ngành kinh tế	101

IV. Tình hình văn hóa, xã hội	118
1. "Cải cách" giáo dục	118
2. Tình trạng y tế - sức khỏe	128
3. Những "cải cách" về văn hóa - khôi phục và "phát huy" các cổ tục	133
4. Tiếp tục "cải cách" trong lĩnh vực tôn giáo	140
5. "Cải cách" báo chí	146
6. "Cải cách" chính sách đối với các dân tộc thiểu số	150
7. Một số "cải cách" xã hội khác liên quan đến nông dân và công nhân	153
V. Tình hình các giai cấp xã hội	155
1. Công nhân	156
2. Nông dân	165
3. Tiêu tư sản, trí thức	171
4. Tư sản bản xứ	175
5. Địa chủ - quan lại (giới thượng lưu trí thức bản xứ)	181

Chương II

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM THỜI KỲ 1930-1935

I. Phong trào trong những năm 1930-1931	198
1. Những nhân tố tác động tới phong trào 1930-1931	198
2. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 10/1930)	209
3. Phong trào 1930-1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh	220
4. Chính sách của Pháp đối với phong trào 1930-1931 và Xô viết Nghệ Tĩnh	242
5. Đổi sách của Đảng Cộng sản và phong trào bảo vệ Nghệ Tĩnh đỏ	247

II. Phong trào cách mạng những năm 1932-1935	259
1. Thực dân Pháp tiếp tục đàn áp và tiến hành "cải cách"	259
2. Đầu tranh khôi phục tổ chức Đảng	263
3. Đại hội Đảng lần thứ nhất (tháng 3/1935)	270
4. Cuộc đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản trong tù	275
5. Phong trào đấu tranh công khai	283
6. Những cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân	286
7. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa	292
 Chương III	
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ 1936-1939	302
I. Chủ nghĩa phát xít, nguy cơ chiến tranh và đường lối cách mạng của Quốc tế Cộng sản	302
1. Chủ nghĩa phát xít hoành hành, nguy cơ chiến tranh	302
2. Chính sách của Quốc tế Cộng sản	305
II. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp và chính sách Thuộc địa mới ở Việt Nam	307
1. Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp	307
2. Chính sách thuộc địa của Mặt trận Nhân dân Pháp ở Việt Nam	310
III. Nền kinh tế phục hồi	322
1. Tình hình chung	322
2. Tình hình một số ngành kinh tế	326
IV. Tình hình văn hóa - xã hội	343
1. Giáo dục	343
2. Y tế	347

3. Văn hóa - tư tưởng	352
V. Các giai cấp xã hội	360
1. Công nhân	362
2. Nông dân	373
3. Tiêu tư sản và tư sản	380

Chương IV

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI TỰ DO, DÂN CHỦ THỜI KỲ 1936-1939	386
I. Đường lối cách mạng mới của Đảng Cộng sản Đông Dương	386
II. Phong trào Tập hợp dân nguyện	394
1. Phong trào Tập hợp dân nguyện trên các thuộc địa của Pháp	394
2. Phong trào "Đông Dương Đại hội"	395
3. Phong trào "đón tiếp" Justin Godart và Jules Brévié	419
III. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp quần chúng nhân dân	428
1. Phong trào công nhân	428
2. Phong trào nông dân	452
3. Phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân khác	458
4. Phong trào quần chúng chống chiến tranh, vì hòa bình, tự do, dân chủ	462
IV. Cuộc vận động dân chủ trên lĩnh vực văn hóa - tư tưởng	464
1. Cuộc vận động dân chủ trên mặt trận báo chí	464
2. Sự phát triển của văn thơ cách mạng	477
3. Hội truyền bá chữ quốc ngữ ra đời	479

V. Đấu tranh nghị trường	480
1. Đảng tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên nghị trường	480
2. Tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ và Viện Dân biểu Trung Kỳ	482
3. Tranh cử vào Hội đồng thành phố Hà Nội	484
4. Tranh cử vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ và Thành phố Sài Gòn	485

Chương V

XÃ HỘI VIỆT NAM DƯỚI ÁCH THÔNG TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP VÀ PHÁT XÍT NHẬT (1939-1945)

I. Chính sách cai trị của Pháp - Nhật	492
1. Chiến tranh Thế giới thứ hai bùng nổ	492
2. Nhật tiến chiếm Đông Dương - chính sách cai trị của Nhật - nhân dân Việt Nam một cổ hai tròng	496
3. Những "cải cách" về chính trị và bộ máy hành chính của thực dân Pháp ở Đông Dương từ sau khi đầu hàng Nhật	509
II. Kinh tế Việt Nam trong Chiến tranh Thế giới thứ hai	520
1. Chính sách "kinh tế chỉ huy" của thực dân Pháp	520
2. Tình hình một số ngành kinh tế dưới sự "chỉ huy" của thực dân Pháp	534
3. Chính sách cướp đoạt về kinh tế của phát xít Nhật	555
4. Nạn thiêu thốn, đắt đỏ, đói rách trong chiến tranh	563
III. Tình hình văn hóa - xã hội Việt Nam thời Pháp - Nhật	569
1. Văn hóa	569
2. Giáo dục	576
3. Y tế - sức khoẻ	578

IV. Các giai cấp xã hội trước những chuyển biến của thời cuộc	580
1. Nông dân	580
2. Công nhân	583
3. Tiêu tư sản, trí thức	585
4. Địa chủ	588
5. Tư sản	590
6. Tầng lớp thương lưu và các tổ chức thân Pháp, Nhật	592
 Chương VI	
QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG TIỀN TÓI TỔNG KHỞI NGHĨA VŨ TRANG GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939-1945)	598
I. Thời kỳ đầu tranh và điều chỉnh đường lối chiến lược từ cuối năm 1939 đến tháng 5/1941	598
1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VI (tháng 11/1939)	599
2. Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương	607
3. Hội nghị Trung ương lần thứ VII (tháng 11/1940)	619
4. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ VIII (tháng 5/1941)	626
II. Phong trào đấu tranh và xây dựng lực lượng từ tháng 5/1941 đến ngày 9/3/1945	637
1. Xây dựng căn cứ cách mạng	637
2. Đẩy mạnh chuẩn bị khởi nghĩa	646
3. Phong trào đấu tranh ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, ở các xứ Trung Kỳ và Nam Kỳ	654
4. Cuộc đấu tranh trên mặt trận văn hóa - tư tưởng	659

III. Cao trào cách mạng tiền khởi nghĩa	664
1. Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945	664
2. Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng từ ngày 9 đến 12/3/1945. Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"	666
3. Cao trào cách mạng tiền khởi nghĩa	670
IV. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền	687
1. Nhật đầu hàng Đồng minh	687
2. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương và Quốc dân Đại hội	690
3. Giành chính quyền ở Bắc Kỳ	696
4. Giành chính quyền ở Trung Kỳ	709
5. Giành chính quyền ở Sài Gòn và các tỉnh Nam Kỳ	714
6. Tầm vóc vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Tám	724
Kết luận	727
Tài liệu tham khảo	731

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

26 Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 04.39719073 - Fax: 04.39719071
Website: <http://nxbkhxh.vass.gov.vn>
Email: nxbkhxh@gmail.com

Chi nhánh Nhà xuất bản Khoa học xã hội

57 Sương Nguyệt Ánh - Phường Bến Thành - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08.38394948 - Fax: 08.38394948

LỊCH SỬ VIỆT NAM

TẬP 9

TỪ NĂM 1930 ĐẾN NĂM 1945

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc LÊ HỮU THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng Biên tập NGUYỄN XUÂN DŨNG
PGS.TS. TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Biên tập lần 1: QUÉ HƯƠNG

Biên tập tái bản: NGUYỄN TRỌNG TÂN

Kỹ thuật vi tính: HẢI AN

Sửa bản in: NGUYỄN TRỌNG TÂN

Trình bày bìa: STARBOOKS

In 1.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty Cổ phần in Scitech. Địa chỉ: D20/532H Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 155-2017/CXBIPH/19-3/KHXH. Số QĐXB: 13/QĐ - NXB KHXH, ngày 14 tháng 2 năm 2017. Mã số ISBN: 978-604-944-932-1. In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.

